

BÁCH
KHOA

SỐ 47 — NGÀY 15.12.1958

Trong số này :

BÍCH-QUANG Lý tưởng với cuộc đời.
HOÀNG-MINH-TUYNH Chế độ dân chủ
mác-xít.

NGUYỄN-HIỂN-LÊ Kỹ luật phải xây dựng
trên quy tắc nào ?

NGUYỄN Hui-Shen, người phát kiến
Châu Mỹ ?

NGUYỄN-THIỆU-LẦU Rừng ở Trung-Việt.
ĐOÀN-THÊM Vợ, con và nước.

SONG-AN CƯ-SĨ Liên-bang Mã-lại.
GIAN Lại chơi chim.

CÔ-LIÊU Thế hệ J3 tại Anh và Pháp.
LƯU-NGUYỄN Tiếng ta với sự phổ nhạc
và cách hát ngày nay.

NGUYỄN-HUY-KHÁNH lược khảo về Tam-
quốc diễn nghĩa.

BÌNH-NGUYỄN-LỘC }
và NGUYỄN-NGU-Í } Tiếng địa phương.

HUY-TRẨM Trưa vàng (truyền ngân).
ĐÔNG-XUYỀN (dịch thơ còi) Chiều về
(thơ Lãm-Nhan).

LIU-NGHI	Con thằn-lằn đứt đuôi.
GIẢN-CHI	Hương nhở (thơ).

DIỆU-THANH Lòng tôi — Bốn năm chỉ
nhớ một người (thơ).

KIỀU-YIÊU Ái-nô (dịch Liễu-trải).

B. S. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN Từ điển y ngữ.

VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch) Khỏi lửa kinh thành.

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "*Eau de Vie cũ*" 40° và 50°
— Rượu Tàu "*Lão-Mạnh-Tiểu*"
— Rượu Tàu "*Tích-Thọ-Tiểu*"

SI-RÔ "*Verigoud*" :

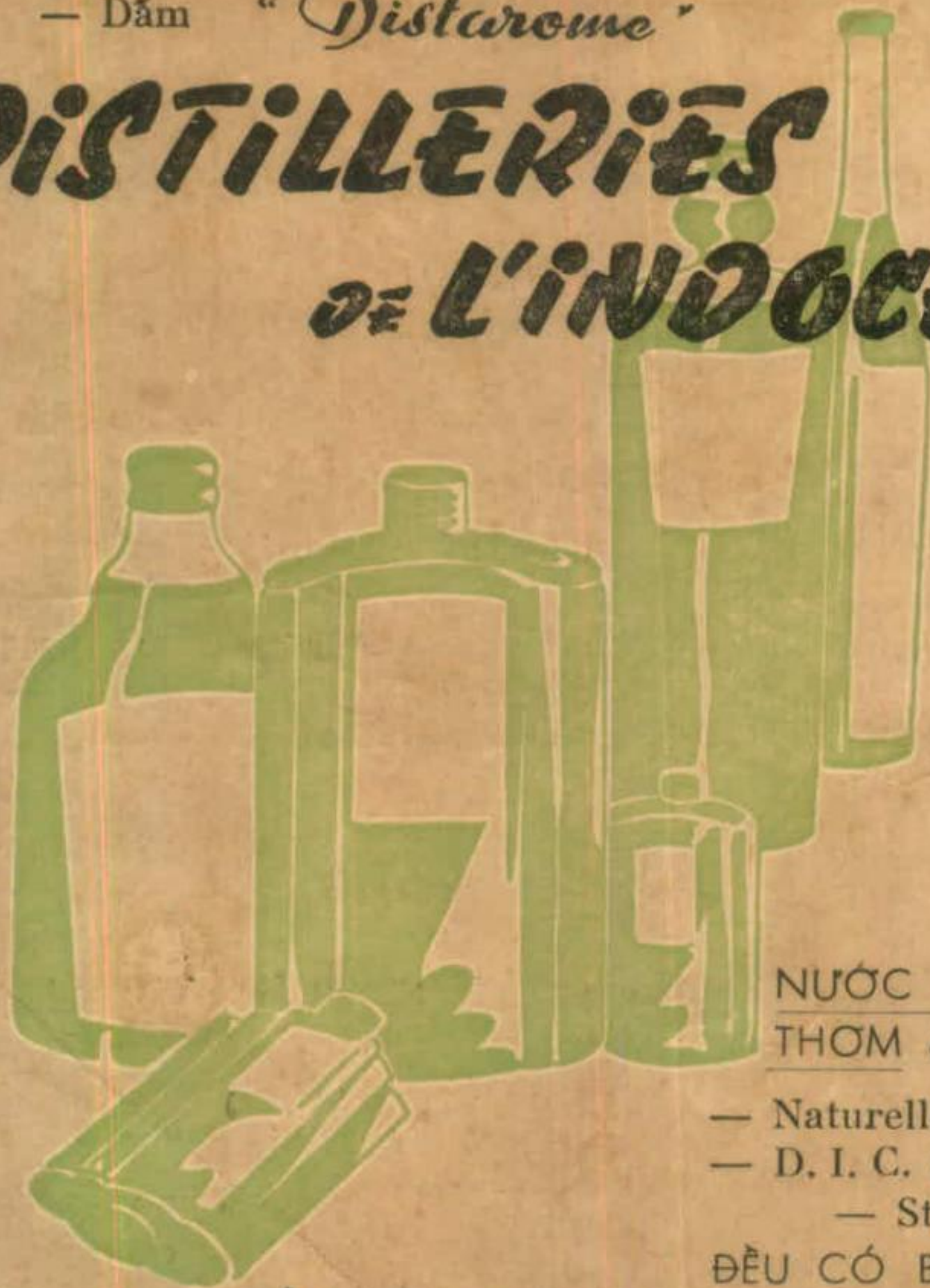
— Si-rô Cam, Quýt, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm "*Distarome*"

DISTILLERIES

DE L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

Ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

Ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG
HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÀNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE

**Société Indochinoise de Documentations
et de
Représentations Commerciales**

(S. I. D. E. R. C. D.)

Agents des Fabriques :

Métallurgiques DAVUM
Matériel technique

Exclusivités :

Whisky « BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « Les Océanides »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

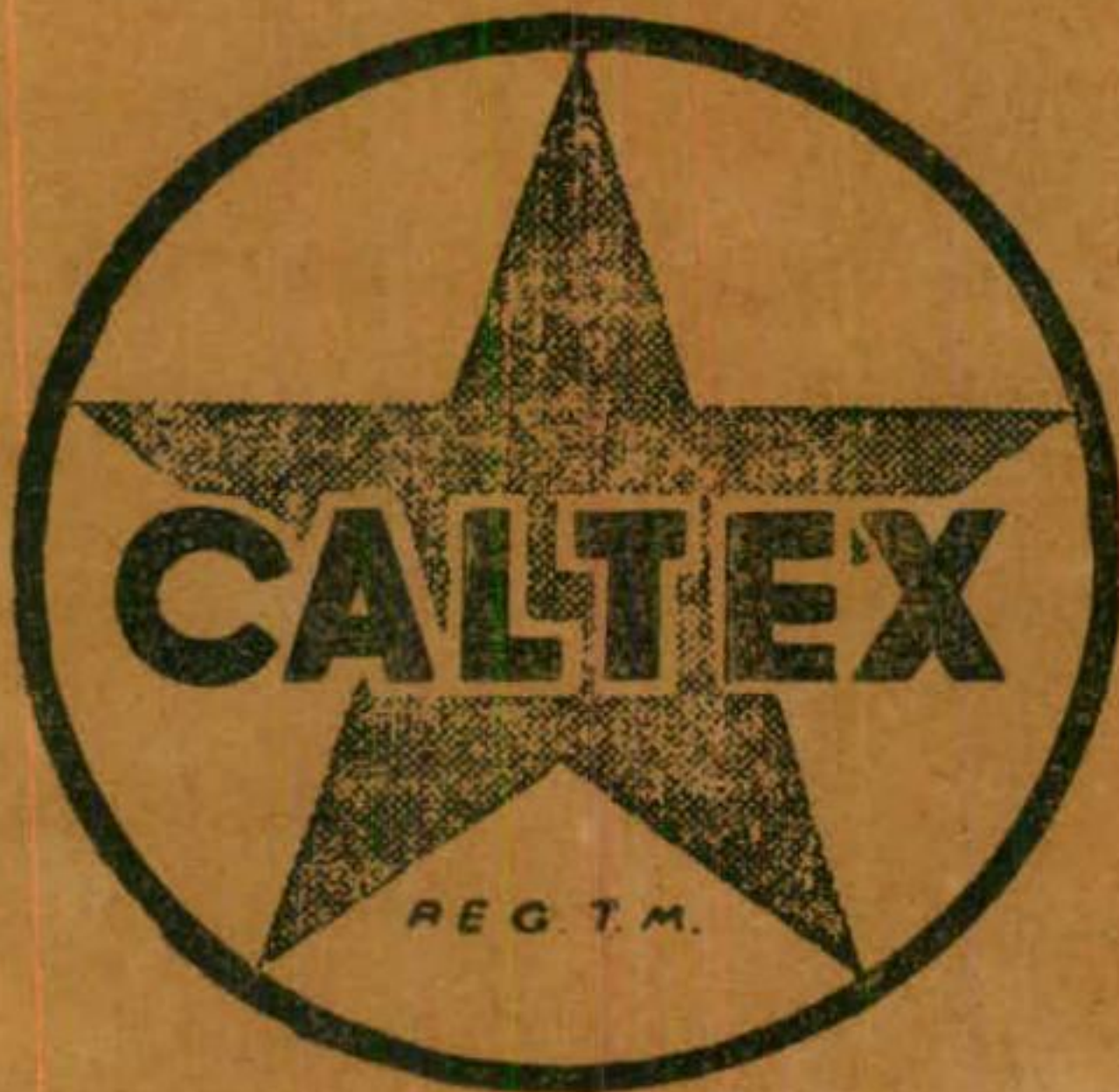
La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.



BÁCH - KHOA

Số 47 — Ngày 15 - 12 - 1958

	Trang
BÍCH-QUANG	<i>Lý tưởng với cuộc đời</i> 3
HOÀNG-MINH-TUYNH	<i>Chế độ dân chủ mác-xít</i> 6
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	<i>Kỷ luật phải xây dựng trên quy tắc nào ?</i> 9
NGUYỄN	<i>Hui-Shen, người phát kiến Châu Mỹ ?</i> 14
NGUYỄN-THIỆU-LÂU	<i>Rừng ở Trung-Việt</i> 20
ĐOÀN-THÊM	<i>Vợ, con và nước</i> 22
SONG-AN CƯ-SĨ	<i>Liên-Bang Mã-lai</i> 29
GIAN	<i>Lại chơi chim</i> 37
CÔ-LIÊU	<i>Thế hệ J 3 tại Anh và Pháp.</i> 41
LƯU-NGUYỄN	<i>Tiếng ta với sự phổ nhạc và cách hát ngày nay.</i> 45
NGUYỄN-HUY-KHÁNH	<i>Lược khảo về Tam-quốc diễn nghĩa</i> 49
BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í	<i>Tiếng địa phương</i> 56
HUY-TRÂM	<i>Trưa vàng (truyện ngắn)</i> 61
ĐÔNG-XUYỀN (dịch thơ cổ)	<i>Chiều về (thơ Lâm-Nhan).</i> 65
LƯU-NGHI	<i>Con thần-lần đứt đuôi</i> 66
GIẢN-CHI	<i>Hương nhớ (thơ)</i> 72
DIỆU-THANH	<i>Lòng tôi — Bốn năm chỉ nhớ một người (thơ)</i> 72
KIỀU-YIÊU	<i>Ái-nô (dịch Liêu-trai)</i> 73
B. S. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	<i>Từ điển y ngữ</i> 79
VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch)	<i>Khỏi lửa kinh thành</i> 83

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HUỖNH-VĂN-LANG
HOÀNG-MINH-TUYNH

: Dân số và kinh tế.
: Dân chủ là gì ? — Dân chủ thật và dân chủ giả.

VŨ-VĂN-THIẾN
NGUYỄN-VĂN-TUYÊN
PHAN-KHOANG và
HOÀNG-MINH-TUYNH (dịch)

: Thiên-Chúa đã vào lịch sử.
: Sử quan trong tư tưởng hiện đại.
) Hồn Trung-hoa và Kì-tô giáo
(F. Houang).

NGUYỄN-THIỆU-LÂU
NGUYỄN-HIẾN-LÊ
ĐOÀN-THÊM
SONG-AN CƯ-SĨ
VƯƠNG-HỒNG-SÈN
CÔ-LIÊU

: Một quân công của Nguyễn-Công-Trứ.
: Léon Tolstoi một á-thánh.
: Chung quanh vấn đề chọn nghề.
: Títô, Cộng-sản quốc tế hay quốc gia ?
: Thú chơi sách.
: Hội nghị quốc tế nghiên cứu phụng sự Hòa-bình.

NGUYỄN-PHAN-AN
NGUYỄN-HỮU-NGƯ

: Thi sĩ Huế-Phong.
: Trúc-Hà Trần-Thiêm-Thới, nhà giáo, nhà báo, nhà văn khả ái.

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA
NGUYỄN-VĂN-XUNG
PHẠM-DUY-LÂN
NGUYỄN-PHÚC
NGUYỄN
KIỀU-YIÊU

: Tôi đóng phim bên Anh.
: Lũ cháu của tôi.
: Trở về... (truyện ngắn).
: Đêm không hết (truyện ngắn).
: Cái chân khỉ (truyện ngắn).
: Phòng-Văn-Thực (dịch Liêu-trai).

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. Sg. 342.

Nhà in : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA
hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : Ô. Huỳnh-văn-Lang

160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

LÝ-TƯỞNG VỚI CUỘC ĐỜI

BÍCH-QUANG

BẤT cứ đời sống nào, muốn trở nên cao thượng tốt đẹp, muốn có ảnh hưởng sâu rộng, kết quả dồi dào, đều phải có một lý tưởng.

Nhà khoa học, suốt đời cặm cụi trong phòng thí nghiệm, là để theo đuổi một lý tưởng, muốn tìm tòi khám phá ra được những cái mới lạ, làm giàu thêm cho kho tàng văn minh của nhân loại.

Trên lập trường chánh trị xã hội, nhiều chiến sĩ hy sinh tranh đấu cho lý tưởng dân chủ tự do hạnh phúc, họ không ngại gian lao nguy hiểm để thực hiện cho bằng được cái lý tưởng cao cả kia.

Một nhà tu đạo chuyên việc giới khổ, không màng chi đến những hư danh phú quý hay thú vui trần tục, cũng không ngoài mục đích tìm lối giải thoát để đạt tới lý tưởng siêu phàm.

Lý tưởng xem vậy rất cần cho đời sống để đời sống có một mục đích, có

một ý nghĩa. Lý tưởng càng cao, cuộc đời càng tốt đẹp. Dĩ nhiên không phải là ai cũng có thể đạt tới được lý tưởng kia, nhưng dầu chỉ thực hiện được phần nào, lý tưởng vẫn là cần để nâng cao đời sống lên, để hướng dẫn cuộc đời, để đời người có một ý nghĩa.

Không lý tưởng, đời sống con người sẽ như con thuyền giữa biển khơi sóng gió, mà không có địa bàn, không có chèo lái, không có phương hướng. Con thuyền đó sẽ bị trôi giạt theo chiều gió, dễ rồi bị chìm đắm dưới biển sâu. Cuộc đời cũng vậy, nếu không có lý tưởng, sẽ mất hết ý nghĩa, không có mục đích và sẽ trở nên tối tăm buồn thảm, không còn đáng sống nữa.

Hãy thử hỏi những người chán đời, những kẻ làm điều gian ác, tại sao họ đã nỡ hủy hoại cuộc đời của họ như vậy: họ sẽ trả lời cho ta biết vì đời họ không có một lý tưởng.

Trái lại, dầu lý tưởng có đặt nhằm chỗ, nó vẫn là một động cơ mãnh liệt thúc đẩy người ta thực hiện nên được những việc anh hùng đáng cho ta kính phục. Ta hãy nhìn xem những người tin theo chủ nghĩa Mác - xít : họ đã theo một lý thuyết phủ nhận giá trị của nhân vị con người, nên chẳng họ đã có những hành động dã man độc ác ; nhưng vì say mê lý tưởng kia mà họ lầm tưởng là tốt đẹp, họ đã không ngại hy sinh tranh đấu.

Như vậy ta thấy rằng lý tưởng là cần, để cho cuộc đời có một mục đích, có một ý nghĩa. Vì lý tưởng là gì, nếu không phải là mục đích cao đẹp mà ta theo đuổi mong thực hiện được. Người nghệ sĩ ước mong diễn tả ra được cái vẻ đẹp lý tưởng họ ôm ấp trong lòng ; và khi nào chưa đạt được lý tưởng đó họ vẫn chưa hài lòng, và còn nỗ lực tìm kiếm đường lối phô diễn. Lý tưởng vì thế đã trở nên như động lực thúc đẩy họ cố gắng luôn mãi, cố gắng không ngừng, đề càng tới gần thêm cõi Chân, Thiện, Mỹ. Với những nỗ lực ấy, nhờ những công cố gắng ấy, mà cuộc đời của họ càng thêm vẻ đẹp. Thất bại không làm cho họ chán nản, vì họ biết rằng lý tưởng là một cái gì cao cả, phải nỗ lực gắng công rất nhiều mới đạt tới được phần nào.

Mà chỉ một lý tưởng thôi đã đủ để lôi cuốn cả một cuộc đời. Ta đã thấy có những người cả đời chỉ say mê về khoa học hay nghệ thuật, hay chính trị hay tôn giáo. Và nhờ cái chiều hướng duy nhất đó, cuộc đời của họ đã có thêm mật độ:

họ đã trở thành những nhà chuyên môn lỗi lạc. Còn như nếu không có một lý tưởng duy nhất, cuộc đời dễ bị tản mát, nghị lực bị tiêu hao vô ích, kết cục sẽ không làm nên công trạng gì. Nhiều người không phải là không có đủ tài trí, nhưng vì không biết chủ tâm theo đuổi một lý tưởng, nên họ đã sống một cuộc đời tầm thường vô vị.

Vấn đề quan hệ là phải biết chọn một lý tưởng để suốt đời theo đuổi. Lý tưởng đối với mỗi người mỗi khác, tùy năng lực, tùy sở khiếu, tùy hoàn cảnh. Nếu chọn nhầm lý tưởng, cuộc đời sẽ có thể là ý vị, nhưng sẽ không đạt được những kết quả tốt đẹp : công cố gắng tuy không là uổng phí nhưng sẽ không đưa tới thành công như lòng ước vọng. Tỷ dụ một người không có năng khiếu mỹ thuật mà lại đi cố gắng để trở nên nghệ sĩ : người đó sẽ không đạt được như ý nguyện của mình.

Nhưng một khi đã tùy theo năng lực lựa chọn một lý tưởng nào rồi, cần phải trung thành với lý tưởng đó. Mà phải đặt lý tưởng cho cao đúng mực độ của nó : nếu đặt quá cao lý tưởng kia sẽ trở thành ảo tưởng, và sẽ dễ làm cho ta chán nản vì những thất bại liên tiếp — ảo tưởng thì có bao giờ thực hiện cho được ! — Nhưng nếu đặt ở mực độ quá thấp thì lý tưởng không còn đủ mãnh lực để lôi cuốn hấp dẫn cả một cuộc đời, và cuộc đời sẽ trở nên tẻ nhạt. Đó là hoàn cảnh những người đặt lý tưởng cuộc đời ở sự giàu sang phú quý, nhưng tiền bạc danh vọng đâu có gây được hạnh phúc cho họ ? Vậy nên cần phải có một lý tưởng

cao đẹp, mới có thể làm cho cuộc đời trở nên say sưa hứng thú.

Và lý tưởng kia, phải làm thế nào để thực hiện cho bằng được, cho dầu cần rất nhiều nghị lực và cố gắng. Cái say sưa ý vị của cuộc đời là ở chỗ gắng công kia; vì có khó mà thành công, kết quả mới đem lại niềm hân hoan đích đáng, còn như nếu thắng trận một cách quá dễ dàng thì có gì là vẻ vang hiển hách.

Trên đường lý tưởng mỗi cố gắng sẽ đưa ta tới gần thêm và công việc theo đuổi lý tưởng sẽ một phần nhẹ bớt: dần dần tập quán nỗ lực sẽ giúp ta để hy sinh cố gắng hơn nữa, và với cái đà mạnh tiến ấy, lý tưởng càng gần lại càng rạng rỡ và thêm sức mạnh lôi cuốn. Có những nhà khoa học sau một đời cặm cụi tìm kiếm, lúc mà họ đã thấy mục đích tới gần sắp đạt được, họ trở nên hăm hở với công việc đến như quên ăn quên ngủ.

Người trèo núi cao cũng vậy. Ban đầu đứng dưới chân núi nhìn lên trên đỉnh cao chót vót họ hăng hái phấn khởi nghĩ tới cái thú họ sẽ được hưởng khi trèo lên tới nơi. Nhưng rồi nửa chừng sức đã mệt gối đã chồn,

họ bắt đầu chán nản không muốn tiến lên nữa. Đây là chặng đường nguy hiểm, vì có thể họ sẽ bỏ nửa chừng công việc, không còn đủ nghị lực để cố gắng thêm nữa và quay gót trở xuống. Nhưng nếu họ nhìn lên đỉnh núi và tự úy lạo hãy cố gắng thêm chút nữa, thì càng lên tới gần đỉnh núi họ sẽ càng thêm hăm hở quên cả mệt nhọc, vì mục đích chẳng còn xa nữa. Đến lúc lên tới đỉnh núi, nhìn xuống đồng bằng bao la bát ngát, ngoài xa mặt biển xanh xanh một màu, họ sẽ được hưởng cái thú khoan khoái biết bao!

Lý tưởng đối với cuộc đời là như vậy: lý tưởng là mục đích cuộc đời và là ý nghĩa cuộc đời. Lý tưởng tựa như ngọn hải đăng chiếu soi cho ta trên đường đời tăm tối. Lý tưởng tựa sức mạnh lôi cuốn ta trong việc hy sinh cố gắng để thành công.

Bạn có muốn cho cuộc đời của bạn trở nên tươi đẹp ư? Bạn hãy đặt cho mình một lý tưởng cao thượng, và hãy luôn luôn cố gắng để đạt cho kỳ được lý tưởng kia. Đó là bí quyết thành công và cũng là bí quyết hạnh phúc của đời bạn.

BÍCH-QUANG

Danh ngôn, danh lý

TINH THẦN KỶ LUẬT

★ Phần nhiều các thủ lãnh đều có những người ở trên để tuân mệnh và có những người ở dưới để chỉ huy. Họ có bốn phận phải nêu gương lễ nhượng và phục tòng bề trên cho những kẻ ở dưới quyền họ.

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ MÁC - XÍT

NHỮNG ĐỊNH CHẾ CHÍNH TRỊ PHÒNG THEO CHỦ NGHĨA MÁC-XÍT

« Chế độ dân chủ nhân dân »

HOÀNG-MINH-TUYNH

(biên khảo)

Chế độ dân chủ nhân dân là tiếng ngày nay người ta dùng để chỉ những chế độ chính trị và xã hội của những nước Trung và Đông-Âu tuy không sáp nhập vào Liên-xô nhưng giao kết mật thiết với Liên-xô trên phương diện đối ngoại và chịu ảnh hưởng sâu xa của Liên-xô trong chính sách đối nội.

Sự liên quan giữa các nước này và Liên-xô thay đổi tùy theo cục diện quốc tế. Thí dụ như Tiệp-khắc trước đây như có ý muốn duy trì một chế độ quân bình, vừa dựa vào chế độ dân chủ Tây-phương vừa dựa vào chế độ dân chủ Đông-phương, rồi bỗng nhiên nghiêng hẳn về chế độ sau này. Lại như Nam-tư, sau khi bị Phòng Thông tin đệ tam Quốc-tế lên án, đã gặp rất nhiều khó khăn với quốc-tế Cộng-sản, và họ cho rằng Hiến-pháp năm 1946 của nước này không còn đủ đảm bảo về tính chất chính thống Cộng-sản theo sở nguyện của những người Cộng-sản Nam-tư nữa.

Ngoài tính chất biến dịch của cục diện

chính trị, nhiều lý do khác còn làm cho việc nghiên cứu hiến pháp các chế độ dân chủ nhân dân thêm phần khó khăn. Trước hết, bởi tại một số các nước trên, chưa có Hiến-pháp thực sự; sau nữa, bởi tại hầu hết các nước trên, — có khi còn hơn tại Liên-xô — thực thể chính trị đối chiếu với các bản văn không thể cho ta một ý niệm rõ rệt và chắc chắn, để có thể đi tới một nhận định xác đáng thực. Chúng tôi chỉ xin tóm tắt dưới đây ít nhiều nét đại cương để trình bày những điều cốt yếu mà thôi.

A. — Nguồn gốc các chế độ dân chủ nhân dân : mặt trận những người yêu tổ quốc.

Sự nảy sinh của các chế độ dân chủ nhân dân có liên quan mật thiết với tình hình chánh trị của Trung và Đông-Âu vào thời kỳ kết liễu cuộc chiến tranh thứ hai. Các chế độ này lập thành là có ý liên minh với Liên-xô chống lại chủ nghĩa quốc xã và các chính phủ tay

sai của Hít-le, dựa vào quân đội Liên-xô bây giờ đóng tại các nước ấy hoặc đóng tại ngay sát cạnh các nước ấy. Thường thường, thì chính quyền nằm trong tay các « Mặt trận » gọi là Mặt trận liên hiệp các đảng phái chính trị, các thành phần chống Đức quốc xã và các chính phủ do Đức quốc xã lập nên. Trong các Mặt trận này, Đảng Cộng-sản đôi khi chiếm được đa số, còn thường thì chỉ là thiểu số (Tiệp-khắc, Hung-gia-lợi chẳng hạn) nhưng thoát đầu bao giờ họ cũng chia giữ chính quyền với các đảng phái chính trị tư sản tiến bộ. Về sau, nhờ cách hoạt động tích cực và mẫn cán của các đảng viên, nhờ các cuộc thanh trừng ráo riết chống các phần tử chống mác xít, nhờ sự ủng hộ của các công nhân thành thị, nhờ nắm giữ được các bộ then chốt trong chính phủ liên hiệp (Nội vụ, Quốc phòng...), đảng Cộng-sản mới bắt đầu loại trừ các đảng phái khác biệt với họ hơn hết ra khỏi « Mặt trận các người yêu tổ quốc ». Rồi, sau đó, tới « đợt » thứ hai, nếu cần, có thể tới một đợt thứ ba, họ lần lần tiêu trừ tất cả các đảng phái đối lập, cho tới khi nào chỉ còn lại một mình họ với tất cả quyền bính trong tay, và chỉ để lại bên họ một số liên minh chắc chắn mà thôi.

Thủ đoạn chiếm chính quyền theo lối « tiến lần » này thực hiện vừa bằng cách trưng cầu dân ý, vừa bằng hành động uy hiếp tàn bạo. Mỗi bước tiến là một bước thanh trừng, một bước chiếm đoạt trên trường tuyên cử hay trên đàn quốc hội. Theo giải thích của Cộng-sản thì đó là do nhân dân đã loại

trừ được các kẻ thù của mình mà ý thức mọi sự vào đảng Cộng-sản là đảng duy nhất tỏ ra đã sáng suốt và tận tâm trong việc phục vụ nhân dân. Còn theo giải thích đối lập, thì đó là do đảng Cộng-sản đã dùng thủ đoạn thanh trừng nội bộ chính trị mà khủng bố, tiêu diệt các đảng phái khác để rồi tổ chức tuyên cử một cách an nhàn, không còn lo có sự phá phách nữa.

B.— Các nước dân chủ nhân dân với chủ nghĩa Cộng-sản

Theo chính lời tuyên bố của lãnh tụ các nước dân chủ nhân dân thì chế độ của họ không phải là những chế độ Cộng-sản theo cơ chuẩn của Liên-xô. Họ nói nếu thực chế độ của họ là chế độ Cộng-sản thì lẽ đương nhiên là họ đã sáp nhập nước họ vào Liên-bang Xô-viết, vì Liên-bang Xô-viết có thể gồm những nước khác nhau về dân tộc và chủng tộc, và không có giới hạn gì về phương diện địa lý.

Theo họ thì đây mới chỉ là những chế độ dân chủ có tính chất tiến bộ, dành một địa vị cụ thể và thiết thực cho nhân dân, và vì vậy nên gọi là « chế độ dân chủ nhân dân ».

1) Về phương diện kinh tế và xã hội, các chế độ trên xã hội hóa và chỉ huy mọi ngành hoạt động, tuy chưa đi tới mức truất hữu toàn thể các công cụ sinh sản. Thường thường thì ở bên cạnh một khu vực công gồm nhiều ngành hoạt động đã bị quốc hữu hóa, vẫn còn có một khu vực tư có tính chất tư bản chủ nghĩa hay bán tư bản chủ nghĩa. Về nông nghiệp, chế độ trên thì hành những cuộc

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ MÁC-XÍT

cải cách điền địa rất sâu rộng, nhằm thủ tiêu những lãnh địa lớn lao, cắt thành từng miếng mà chia một phần cho Nhà nước, một phần cho nông dân. Tuy nhiên những biện pháp này có tính chất quân phân điền địa hơn là tập sản hóa điền địa.

2.) Về phương diện chính trị, các chế độ trên có nhiều điểm giống với chế độ Liên-xô mà cũng có nhiều điểm khác. Chỗ giống là các đảng Cộng-sản quốc gia ở trong các nước này, nếu không giữ độc quyền bộ máy Nhà nước, thì cũng nắm những phần trọng yếu nhất và đóng vai trò chủ yếu trong mọi ngành hoạt động, theo kế hoạch chung của Phòng Thông-tin đệ tam quốc-tế. Các chế độ này cùng theo một quan niệm của Liên xô về các tự do công bảo, về quyền hạn của chính quyền đối với các kẻ đối lập, mà họ gọi là « kẻ thù của nhân dân »; họ bài xích triệt để tất cả mọi tập tục của các chế độ Tây-phương từ trước đến nay. Các định chế chính trị của những nước đã có Hiến-pháp, thay đều phỏng theo định chế của Liên-xô, như giữa Hiến-pháp Nam-tư và Hiến-pháp Sta-lin, ta thấy có những tương quan thật rõ rệt: cũng một chế độ liên-bang lưỡng viện, cũng một cách thức chia quyền chính trong Quốc-hội nhân dân, Chủ tịch đoàn, chính phủ, và không có phân quyền.

Chỗ khác là tại các nước trên, ngoài đảng Cộng-sản vẫn còn có các đảng chính trị khác (mà nhiều người cho là giả tạo) và một phần các nước đó vẫn chưa có Hiến-pháp thật sự.

C. — Các nước dân chủ nhân dân với chế độ vô sản chuyên chính.

Có thể cho rằng các nước dân chủ nhân dân đều là những nước thực hành chế độ vô sản chuyên chính và là một trong những giai đoạn của lược đồ Mác-Lê-nin không ?.

Theo quan điểm chính thức của các đảng Cộng-sản thì chế độ dân chủ nhân dân không phải là chế độ vô sản chuyên chính vì hoàn cảnh lịch sử có thể « cho phép » các chế độ tiến bộ thành lập bằng những đường lối hết sức dân chủ.

Nhân dân các nước trước đây theo gương Liên-xô, nổi lên chống lại chủ nghĩa phát xít và nhờ Liên-xô mà thu được thắng lợi, đã tự mình đạt tới một quan niệm và một thực nghiệm rất tiến bộ về dân chủ mà không phải bước qua giai đoạn cách mạng kịch liệt và vô sản chuyên chính theo đúng nghĩa của nó, là giai đoạn có thể cần thiết trong những hoàn cảnh khác.

Trái lại, những người đối lập với chủ nghĩa mác xít thì lại cho dưới danh hiệu dân chủ, các nước trên đã thực hành chính sách chính đảng độc tài là chính sách mà chủ nghĩa Lê-nin đã đồng hóa với vô sản chuyên chính vậy.

HOÀNG-MINH-TUYNH
biên khảo

Kỳ sau : « Dân chủ là gì ?
Dân chủ thật và dân chủ giả.

BÁCH KHOA XXXXVII

KỶ-LUẬT PHẢI XÂY DỰNG TRÊN NHỮNG QUI-TẮC NÀO ?

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

TRẺ phải theo kỷ luật của ta. Lẽ đó rất minh bạch, chỉ trừ một vài triết gia không tưởng như Léon Tolstoï, còn nhà giáo dục nào, dù cựu hay tân, đều công nhận cả; nhưng khi thực hành mới thấy khó, và tân giáo dục với cựu giáo dục chỉ khác nhau ở chỗ thực hành mà thôi. Mà bàn đến cách thức thực hành thì trước hết phải giải quyết vấn đề căn bản này : kỷ luật phải xây dựng trên những quy tắc nào để trẻ được phát triển điều hòa và đầy đủ. Theo tôi, có năm quy tắc mà tôi sẽ lần lượt trình bày dưới đây,

Quy tắc thứ nhất là phải theo luật sinh lý và tâm lý của trẻ con. Những luật đó không thể tóm tắt trong một bài được, cho nên ở đây tôi chỉ xin kể một vài trường hợp làm thí dụ.

Sách nào cũng khuyên ta phải tập cho trẻ ăn đúng bữa, không được ăn vặt, để bao tử chúng được nghỉ ngơi, để

tiêu hóa. Điều đó rất hợp lý. Nhưng trong trường hợp trẻ mất ăn (anorexie), hoặc bị một chứng nào đó về bộ tiêu hóa thì ta phải theo luật thiên nhiên, không nên ép, cứ để chúng muốn bú lúc nào thì bú, muốn ăn cái gì thì ăn. Dù chúng đòi ăn rất nhiều kẹo, cũng cứ cho chúng tùy thích : có lẽ cơ thể chúng thiếu chất đường dầy, được thỏa mãn rồi chúng sẽ thôi.

Trẻ khoảng sáu tuổi, đang ngoan ngoãn, đột nhiên trải qua một thời kỳ rất bướng bỉnh, ta bảo cái gì chúng cũng cãi, nhất định là không nghe. Dublineau trong cuốn « *Les grandes crises de l'enfance* » bảo rằng những cuộc trở chứng đó rất tự nhiên, trẻ bình thường nào cũng có. Chúng tới một giai đoạn mới trong sự phát triển, thấy được những năng lực mới của mình và muốn thử nó, nên đòi tánh như vậy. Một bà bạn tôi không hiểu luật thiên nhiên đó, rầy rứa trẻ suốt ngày, đánh đập nó nữa,

KỶ-LUẬT PHẢI XÂY DỰNG...

rồi gặp ai cũng phàn nàn rằng : « Nó hư quá thôi, ai lại mới bảy nhiều tuổi mà đã cái tôi nhoe nhoe. Nhà thật là vô phúc... » Bị hành hạ, đứa trẻ càng bức tức, càng tỏ vẻ cứng đầu, và không khí trong nhà càng khó thở. Tôi giảng cho bà đó hay luật trở chứng của trẻ và khuyên bà đừng buồn, cứ ôn tồn với nó, cởi mở cho nó một chút để nó thấy năng lực của nó tăng tiến, thì nó sẽ vui vẻ, ngoan ngoãn trở lại ngay. Bà ta nghe tôi, và sáu tháng sau, bà không còn nhớ gì những cảnh mà trước kia bà cho là « đứt ruột » nữa.

Quy tắc thứ nhì là phải tùy theo cá tính của mỗi trẻ. Mỗi trẻ một khác, ta không thể đặt một kỷ luật chung cho các trẻ được. Người ta thường trách trường học, giáo đường là đặt những kỷ luật chung cho hàng ngàn hàng vạn thanh niên mà không kể gì tới sự sai biệt về tính tình của các hạng trẻ. Những cơ quan đó không thể làm khác được ; nhưng trong gia đình mà dạy trẻ cũng như dạy lính trong trại thì rất vô ý thức. Đúng 9 giờ đứa nào cũng phải đi ngủ. Phải, như vậy tiện cho chúng ta lắm. Nhưng đứa bầm chắt ngủ nhiều thì mới 8 giờ đã gục lên gục xuống ; còn đứa bầm chắt ít ngủ thì sẽ trần trọc, hóa nghĩ vơ nghĩ vẩn rồi sợ đêm.

Một lỗi lầm lớn của chúng ta là tin rằng trẻ nào cũng phải như nhau, phải đúng với cái « mẫu » trẻ mà ta đặt ra ; tới tuổi đó thì phải ăn bấy nhiêu, ngủ bấy nhiêu, cân nặng bấy nhiêu... Luật tạo hóa không giản dị như vậy. Đã đành trẻ nào cũng phải theo những luật

sinh lý, tâm lý chung, nhưng trong chỗ đại đồng có không biết bao nhiêu là tiểu dị, và mỗi trẻ là một thế giới riêng, không giống với một trẻ nào khác. Cả những anh em sinh đôi cũng khác nhau xa, trừ trường hợp hai đứa đều do một trứng mà ra.

Khoa sinh lý ngày nay chia trẻ làm ba hạng : hạng bầm sinh ốm yếu, xương nhỏ, bắp thịt nhỏ, ăn ít, chậm lớn, tầm bở tới mấy cũng không sao mạnh bằng một hạng nửa mới sanh ra đã lực lưỡng, ngực lớn, nặng cân, ăn nhiều, ngủ nhiều ; còn hạng thứ ba thì hồi nhỏ cũng mạnh khỏe như hạng thứ nhất, cũng ăn ít, gầy còm, nhưng tới tuổi dậy thì bỗng nhiên đổi hẳn, chỉ trong ít năm theo kịp ngay hạng nhì. Người ta đã nhận thấy rằng 80% trẻ em trong các gia đình trung lưu thuộc về hạng thứ ba đó. Nhưng hầu hết cha mẹ của chúng không hiểu lẽ đó, tìm đủ cách làm đủ trò để dỗ chúng, bắt chúng ăn cho được hai, ba chén như những đứa khác. Kết quả là chúng phun cơm ra, ọ ẹ mửa, ghét kỷ luật của ta, hóa ra bướng bỉnh, và ăn đáng lẽ là một cái vui thì thành một cực hình đối với chúng.

Vô lý nhất là thái độ của những người cha thấy một đứa con học được, giỏi toán, thi đậu, bắt những đứa khác cũng phải giỏi toán và thi đậu, không được thì mĩa mai, dạy nghiêm, chửi rủa, thậm chí trút cả tội lỗi lên đầu người mẹ. Vâng, trẻ phải trọng kỷ luật, nhưng kỷ luật của người cha có tinh thần như vậy mà bắt trẻ phải theo thì tội nghiệp cho chúng quá.

Quy tắc thứ ba là phải giải thoát trẻ lần lần. Những bậc cha mẹ sáng suốt đều hiểu rằng sở dĩ ta có uy quyền với trẻ, sở dĩ trẻ nhận uy quyền đó, vì trẻ cần được ta che chở, hướng dẫn để phát triển, chứ không phải vì lẽ ta siah ra chúng mà bắt gì chúng cũng phải nghe. Mục đích cuối cùng của giáo dục là giải thoát. Đó không phải chỉ là một quan niệm. Đó là một luật thiên nhiên. Kỷ luật đặt ra phải dễ dãi dặt trẻ, dự bị cho chúng tự giải thoát lần lần cho đến khi tự giải thoát được hẳn.

Hồi trẻ mới sanh, ta để trẻ bú, ngủ, cử động theo những luật sinh lý. Khi chúng bắt đầu có trí khôn — hai, ba tuổi — ta mới khuyên bảo chúng, áp dụng kỷ luật để dắt dẫn chúng. Chúng càng lớn, năng lực càng tăng thì ta càng phải cởi mở để chúng được tự do thêm. Tới tuổi dậy thì, kỷ luật nên nhẹ hơn chút nữa để cá tính chúng có thể nẩy nở được và khi chúng đã thành nhân thì ta chỉ có bốn phận, có quyền khuyên bảo chúng mà thôi. Bà Anna W.M. Wolf trong cuốn « *Vos enfants et vous* » nói cha mẹ dạy con thì phải biết « cắt cuống rốn ». Lời đó thực chí lý. Cách độc nhất để giữ hoàì lòng yêu quý của con là cho chúng bay khi chúng đã đủ lông đủ cáah. Biết bao bị kịch trong gia đình xảy ra vì người mẹ ích kỷ, cứ cột con trai vào vạt áo mình hoàì, mặc dù chúng đã có vợ có con. Họ làm tủi nhục cho con họ. Tôi ghét những bà mẹ mắng con : « À, mày tưởng mày đủ lông đủ cánh rồi, không cần tới mẹ mày nữa hả ? Thôi đi đâu thì đi, bước ra khỏi nhà này đi. » Họ không phải là những

người mẹ, vì người mẹ phải giúp cho mau « đủ lông đủ cánh », phải mừng khi thấy chúng « đủ lông đủ cánh », và phải tập cho chúng bay nhảy khi chúng đã « đủ lông đủ cánh ». Vậy kỷ luật phải giảm đi, nhẹ đi cho hợp với sự phát triển về cá nhân của trẻ, cho chúng giữ được bản ngã, sau thành một người biết tự chủ và tự do lãnh được trách nhiệm trong đời.

Quy tắc thứ tư là khi áp dụng kỷ luật phải để ý đến sự phản ứng của trẻ. Trẻ phản ứng uy quyền của ta bằng hai cách tùy hoàn cảnh, tùy thái độ của ta, nhất là tùy tính tình của chúng.

Cách thứ nhất là *phản động*. Có nhiều trẻ — mà người lớn cũng vậy — khi bực mình thì cần nhẫn, rồi cũng theo lệnh người trên. Tôi biết một thanh niên nọ siêng năng, lanh lẹn thành thử song thân cậu sai cậu hoàì, còn anh cậu biếng nhác, vụng về thì được yên thân. Một hôm thân phụ cậu sai cậu một việc. Cậu đương đọc sách, bực mình, ngồi ỳ ra rồi ngâm lớn câu : « Xảo giả đa ưu, chuyết giả nhàn ». Thân phụ cậu nghe được, cười rồi bỏ qua. Nhưng mười phút sau, cậu cũng bỏ sách, đứng dậy, miễn cưỡng làm việc đó. Cậu thuộc vào hạng phản động miệng, dễ thương nhất.

Một hạng khác bướng bỉnh, cãi lại ta, nhất định không làm. Gặp trường hợp đó, ta phải bình tĩnh, xét lại hành động của ta, và ta sẽ thấy lỗi phần nhiều về ta : hoặc bất công, hoặc vụng về, hoặc quên những luật thiên nhiên nó chi phối tính tình của trẻ.

Bực mình nhất là hạng trẻ bảo cái gì cũng « dạ, dạ » mà chẳng làm cái gì cả. Bề ngoài chúng như phien đá, lạnh lùng, không thể nào lay chuyển được ; nhưng trong thâm tâm có lẽ chúng không bình tĩnh đâu : chúng mâu thuẫn với bản thân, hành động có khi như tự phản mình, cho nên dù bực mình, ta cũng phải thương chúng và thay đổi thái độ đối với chúng.

Không nhất định là trẻ chỉ phản động khi nào uy quyền của ta quá nghiêm ; cả những khi ta rất thương chúng, ngọt ngào với chúng, chúng cũng có thể tỏ vẻ bất mãn, cau có, vì chúng cảm thấy rằng lòng thương của ta có mục đích là bắt chúng lệ thuộc ta hoài, không cho chúng tự chủ. Hễ thấy chúng như vậy, ta phải nhớ ngay lời khuyên « cắt cổng » của bà Anna M. Wolf ở trên.

Cách phản ứng thứ nhì của trẻ là *tỏ vẻ ngoan ngoãn lạ lùng*. Cha mẹ ít người đề ý tới cách đó, không ngờ rằng một thái độ nhu thuận cũng là phản ứng ; mà chính cách phản ứng đó mới đáng cho ta lo nhất. Một là trẻ giả dối, ngoài mặt thì hiếu để mà trong lòng nuôi những ý bất chính ; hai là trẻ mất cả cá tính, sau này ra đời chỉ biết cong lưng phục tùng mọi uy quyền, không biết phán đoán, chỉ trích gì nữa. « Xếp bảo vậy thì theo vậy ». « Đàng chủ trương như vậy thì tất nhiên như vậy là đúng ».

Người ta thường nói : « Muốn biết làm chủ thì trước hết phải biết tuân lệnh ». Lời đó quá đáng. Một người chỉ biết tuân lệnh bề trên, thì làm sao chỉ huy kẻ dưới được ? Thời xưa đức nhu thuận có lẽ là đức ích nhất cho xã hội ; bây giờ ta cần đức tự chủ hơn và câu trên

phải đổi ra : « Muốn làm chủ kẻ khác thì trước hết phải biết tự chủ ». Dạy trẻ là hướng dẫn dự bị cho trẻ thoát ly ta. Mà chúng làm sao thoát ly ta được, nếu ta bắt chúng một mực nhu thuận ? Cho nên gặp những trẻ hiền như cục đất, bảo sao nghe vậy, ta phải khuyến khích chúng bày tỏ ý riêng, bàn bạc với ta. Đối với người lớn cũng vậy. Một ông bạn tôi cưới một thiếu nữ quen đời trưởng giả, nhưng nhu mì. Ông muốn cải hóa vợ ; người vợ nghe ông răn rập, trong hai năm sống chung không cãi ông một lời. Một lần nọ, người vợ thấy thái độ của chồng mỗi ngày một thêm khó chịu, phản động lại, bảo : « Gia đình tôi như vậy, tôi quen sống như vậy, tôi tầm thường như vậy, không thể hơn được, đã lỡ cưới tôi rồi thì rán mà chịu, đừng gắt gỏng nữa, không ích lợi gì đâu ? » Bạn thử đoán phản ứng của ông chồng ra sao ? Ông đã không phẫn nộ mà còn cười : « Hai năm nay mới được nghe mình nói một câu chí lý. Mình đã có tinh thần tự lập rồi đó. » Bà vợ đáng khen mà ông chồng còn đáng khen hơn. Bà đã tỏ ra rằng mình không phải là một khúc gỗ và ông cũng hiểu rằng dạy vợ không phải là đẽo một khúc gỗ.

Sau cùng, quy tắc thứ năm là phải *thỉnh thoảng đừng can thiệp vào hành động của trẻ*. Ta phải biết can thiệp tùy lúc. Việc nhỏ không đáng can thiệp thì đừng can thiệp ; can thiệp mà không có kết quả thì cũng đừng can thiệp.

Cách đây nửa thế kỷ ở Pháp, người ta đã thí nghiệm và thấy mỗi người có một lối làm việc riêng. Người ta bảo hơn ba chục thanh niên bóp một quả bơm cao-su cho tới khi nào mệt thì thôi.

Không khí trong quả bom ấy đầy một cột thủy ngân mà trên mặt có một miếng bắc nổi với một cây ở đầu gần ngòi viết, ngòi viết này chạm vào một ống ghi quay đều đều. Khi bóp mạnh quả bom, cột thủy ngân lên vọt, miếng bắc và ngòi viết cũng lên theo, thành thử ngòi viết vẽ trên ống ghi một đường cong hướng lên; khi đã mệt, sức bóp yếu đi, cột thủy ngân xuống và ngòi viết vẽ một đường cong hướng xuống. Mỗi người bóp quả bom cao-su và mỗi người có một đường cong trên ống ghi. Lại thay, trong mấy chục đường cong của mấy chục thanh niên thí nghiệm, không đường nào giống đường nào: đường thì lên rất mau, xuống cũng rất mau, đường thì lên xuống từ từ, đường thì lên một chút rồi ngừng, rồi lại lên nữa... Và người ta kết luận rằng mỗi người có một lối dùng sức, một lối làm việc.

Về tinh thần cũng vậy, mỗi người cũng có một cách làm việc riêng: người thì ưa suy nghĩ về buổi sáng, kẻ thì buổi tối, người thì làm việc luôn một hơi, kẻ thì làm một chút lại nghỉ...

Dù phương pháp làm việc của ta có hợp lý mà không hợp với tính tình thể chất của trẻ thì cũng đừng nên bắt nó theo ta, vì càng can thiệp thì kết quả càng tai hại.

Nhất là khi chúng chơi với bạn, ta nên để chúng tự tổ chức lấy. Tất nhiên ta phải coi chừng nếu chúng còn nhỏ, nhưng đừng tỏ thái độ chỉ huy mà làm mất hết hứng thú của chúng.

Không những vậy, cả trong việc học, thỉnh thoảng ta cũng phải để cho chúng xả hơi, được tự do làm gì thì làm. Ông André Berge trong cuốn « *La liberté dans l'éducation* » đã chép lại hai câu thơ sau này của một em nhỏ tám tuổi:

C'est notre cahier de brouillons

Nous y faisons ce que nous voulons.
(Đây là tập bài giáp của chúng ta. Chúng ta muốn làm gì trong đó thì làm).

Chính người lớn cũng muốn có một tập bài giáp, khỏi phải trình cho người trên coi, không phải nhận những lời chê bai, chỉ trích, huống hồ là trẻ em bị bó buộc suốt ngày.

Nhiều khi chính vì được xả hơi trong một thời gian mà trẻ hóa ra dễ dãi, biết tuân kỷ luật. Tại các tân học đường bên Pháp, người ta nhận thấy nhiều em ở nhà bị bó buộc quá, hóa bướng bỉnh, khi tới trường được tự do, vẽ luôn trong mấy tuần lễ, nào mèo nào chó, nào xe hơi, nào tàu biển, nguệch ngoạc đầy tập này đến tập khác; vẽ chán rồi mới bắt đầu học, và học rất siêng năng, tấn tới.

Cũng ở Pháp, người ta dắt một em nhỏ hồn láo, lắm lì, nói dối, ăn cắp, thôi thì đủ tật, tới một viên y sĩ chuyên trị bệnh thần kinh. Ông này đoán được rằng em ở nhà bị kiềm chế quá, nên phản động bằng cách đó, bèn dỗ dành, hỏi chuyện em, làm cho em tin cậy ở ông, sau cùng em xỏ ra một hơi những lời cực kỳ tục tĩu, thô lộ biết bao nỗi uất ức; từ đó tâm hồn em dịu xuống và bao nhiêu tật cũ lần lần giảm đi rất nhiều.

Vậy hễ nén quá thì phải cho xả hơi, đó cũng là một luật tự nhiên nữa.

Nếu theo đúng năm quy tắc tôi kể trên thì trẻ vui vẻ giữ đúng kỷ luật của ta. Chúng quá ngoan ngoãn, yêu đời, tin ở mình, ở người, lần lần tập tự chủ được, mà cha mẹ ít khi phải dùng đến chính sách thưởng phạt.

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

HUI SHEN, NGƯỜI PHÁT KIẾN CHÂU MỸ ?

NGUYỄN

TỪ trước tới nay, lịch sử thế giới vẫn hằng ghi tên nhà hàng hải Kha-Luân-Bổ như người đầu tiên phát kiến ra Châu Mỹ. Tiểu thuyết cũng như điện ảnh đã làm sống lại cuộc đời con người ấy với cuộc phát kiến vĩ đại đầy cực nhọc. Thế nhưng ngày nay nhiều nhà học giả đã đưa ra ánh sáng nhiều sự kiện chứng tỏ Kha-Luân-Bổ không phải là kẻ đầu tiên đã đặt chân lên Châu Mỹ. Trước khi con tàu của hoàng gia Tây-ban-nha đưa Kha-Luân-Bổ và đoàn thủy thủ mệt mỏi vì cực nhọc, sợ hãi, chán nản, tới miền Châu Mỹ hoang vu, thổ dân Châu Mỹ đã từng kinh ngạc trước cánh buồm nhỏ bé được đẩy đi bằng đức tin của một nhóm người truyền giáo Á-châu. Ánh sáng đạo lý của Phương Đông đã chiếu rọi trên mảnh đất phì nhiêu ấy trước khi những con người đầy tham vọng từ phương Tây tới.

Chúng ta nên nhớ rằng vào những thế kỷ đầu tiên của kỷ nguyên Thiên Chúa công cuộc truyền bá Phật pháp

đã được bành trướng rất mực và vượt khỏi biên thùỷ Ấn-độ. Tiếp tục truyền thống của đoàn truyền giáo Asokan, những nhà sư ở Tích-lan, Nam-ấn, nhất là ở Kanchipuram và Trung, Bắc Ấn, xả thân truyền đạo tại những xứ xa xôi như Trung-hoa, Nhật-bản, Tây-tạng, Mông-cổ, Miến-điện và nhiều xứ khác nữa. Có nhiều khi họ thông thạo tiếng bản xứ và dịch nhiều bản kinh bằng tiếng Pali và Sanskrit ra tiếng địa phương. Công nghiệp của họ đã được ghi chép lại trong văn học sử tại các nước mà họ đã truyền giáo. Và sự phổ biến Phật pháp của họ tại ngoại quốc đã ghi lại nhiều dấu tích nơi nền văn hóa tại những nước họ cư ngụ.

Vì vậy, nếu Trung-hoa biên niên sử (Chinese annals) chép rằng có những nhà sư sang Mỹ-Châu vào thế kỷ thứ 5 sau Thiên Chúa đề truyền bá Phật giáo, thì hẳn chưa chắc đã là chuyện vô lý. Hơn nữa, hai nhà học giả Mỹ và hai nhà học giả Gia-nã-đại đã đưa ra ánh sáng những hoạt động của một nhà

truyền bá Phật giáo tới Trung Mỹ và Mễ-tây-cơ trong khoảng thế kỷ thứ 5 sau Thiên Chúa. Công cuộc tìm kiếm của những học giả này không những chỉ căn cứ vào cuốn Trung-hoa biên niên sử mà lại còn căn cứ vào phong tục và tín ngưỡng còn lại ở Trung Mỹ và Mễ-tây-cơ nữa. Đó quả là một câu chuyện đáng xúc động: nó đã ghi thêm một chương mới vào lịch sử Phật giáo.

Theo giáo sư John Fryer trường đại học California, một vị hòa thượng Trung-hoa tên là Hui-Shen và 4 vị sư nữa quê quán ở Kabul xứ Á-phú-hân đã ghé qua miền Trung Mỹ và Mễ-tây-cơ vào năm 458 sau Thiên Chúa với mục đích truyền bá đạo Phật. Đoàn giáo sĩ này chia làm 2 nhóm riêng biệt đã tới Trung Mỹ và ở đó họ đã truyền giáo trong vòng 40 năm. Hui Shen người trưởng toán, — hay là một nhân viên của đoàn — đã trở lại Trung-hoa vào năm 499 sau Thiên Chúa, ông đi có một mình.

Người ta không rõ đoàn giáo sĩ này đã bắt đầu đi từ Kabul tới lục địa Trung-hoa, rồi từ đó tới Trung Mỹ bằng đường biển hay từ Kabul tới một hải cảng của Ấn, rồi từ đó trương buồm lướt sóng tới bờ Thái-bình-dương. Người ta cho rằng trước tiên cả đoàn tới Trung-hoa rồi từ đó đi thuyền tới Trung Mỹ. Thời ấy, Trung-hoa là một trung tâm phát huy Phật pháp quan trọng vào bậc nhất ở Á-châu. Dù đoàn giáo sĩ đi từ đâu chăng nữa, Hui Shen, khi trở về đã cập bến tại Kinh-châu, kinh đô của triều Tấn thuộc miền Yangtse (Dương tử). Hui Shen đợi suốt 3 năm trời mong được bệ kiến đức vua hầu tể trình công việc tại miền Trung Mỹ, nhưng

ông không gặp được vì cuộc nội chiến bùng nổ. Nhưng tới năm 502 sau Thiên Chúa, Hui-Shen được gặp Hoàng đế Wu-Ti (Lương-Vũ-Đế) của triều đại mới: triều Liang, và đã tâu lên cho ngài rõ công cuộc truyền bá Phật giáo của mình tại Trung Mỹ.

Trung-hoa biên niên sử ghi rằng Hui Shen không phải là người Trung-hoa và ông ta nói tiếng Trung-hoa không được thạo lắm, biên niên sử còn ghi rằng Lương-Vũ-Đế coi ông ta như một sứ giả từ Trung Mỹ tới vì quốc tịch xa lạ của ông ta. Trong dịp triều kiến này hòa thượng Hui-Shen có dâng lên Hoàng Đế nhiều kỳ vật mà ông đã mang từ Trung Mỹ và Mễ-tây-cơ về. Lương-Vũ-Đế là một phật tử sùng đạo và là người lãnh đạo (patron) phong trào Phật giáo thời ấy tại Trung-hoa. Vì vậy ngài rất xúc động trước câu chuyện của Hòa Thượng Hui-Shen, ngài truyền một vị đại thần tên là Yu-Kei hỏi Hui Shen thật cặn kẽ về công cuộc truyền đạo của ông ta tại Mỹ-châu và cho ghi chép tất cả những hoạt động của ông tại xứ đó. Tất cả những điều kể trên là căn cứ theo những lời ghi chép lại từ xưa, câu chuyện của hòa thượng Hui-Shen được lưu trữ trong văn khố của hoàng cung đời Liang và được truyền lại cho chúng ta một cách đáng tin cậy dưới ngòi bút của nhà sử gia danh tiếng Mạ-Tuan-Lin (Mã-đoan-Lâm).

Theo lời của hòa thượng Hui-Shen kể lại cho Yu-Kei, thì đoàn 5 giáo sĩ gồm có cả ông ta tới Mỹ - Châu vào khoảng 458 sau Thiên Chúa vào đời vua Ta-Ming (Đại-Minh) đời Sung (Tống). Đoàn giáo sĩ có mang theo

tranh ảnh và nhiều bản kinh quý. Theo lời ông lúc đó ở Trung-Mỹ chưa có một ai biết tới giáo lý của đức Phật. Đoàn truyền giáo đã thành công mỹ mãn và đã làm lễ xuất gia đầu Phật cho nhiều người trong đám dân bản xứ. Đoàn giáo sĩ đi dọc theo Kurile và đảo Aleutain tới Alaska. Họ khởi hành từ Kamtchatka một vùng mà hồi đó người Trung-Hoa đã biết tới. Hòa thượng Hui-Shen đã ghi lại một cách rất linh động về phong tục tập quán của dân chúng một vùng mà hồi đó ở Viễn-Đông gọi là Fusan và cho biết vùng đó ở vào khoảng từ 2000 đến 6500 dặm về phía Đông Kamtchatka và cũng ở về phía Đông Trung-Hoa. Đoàn giáo sĩ dùng thuyền và xuồng.

Sau một thời gian gần 40 năm, Hui-Shen, vì một lý do nào không rõ đã bị dân bản xứ ngược đãi và khi tính mệnh bị đe dọa, ông bỏ đi mất. Nhưng ông hãy còn lưu lại vài dòng chữ khắc trên đá. Ở Magdalana tại Mễ-Tây-Cơ dân chúng có dựng một bức tượng đề kỷ niệm có tên ông khắc ở dưới. Tại Trung-Mỹ có nhiều di tích vừa thuộc tập tục cổ truyền vừa do các nhà khảo cổ học tìm ra, chứng tỏ rằng những kẻ còn lại đã đi theo

đường khác cũng đến Trung-Mỹ và tiếp tục công việc truyền đạo tại đây. Khi Hui-Shen trở về Trung-Hoa, người ta không còn được biết gì về số phận của những kẻ còn lại nữa.

Những tập tục lễ nghi cổ truyền của dân bản xứ đều chịu ảnh hưởng Phật giáo Trung-Hoa và những cổ vật tìm thấy ở Trung-Mỹ dọc theo những miền ven bờ Thái-Bình-Dương, từ Alaska tới Mễ-Tây-Cơ và những xóm làng ở lục địa cũng chứng tỏ đã chung chịu ảnh hưởng Phật giáo.

Giáo sư John Fryer, khi nhắc tới ảnh hưởng rộng lớn của văn hóa Ấn tại Trung-Mỹ, có nói :

« Những tập tục về tôn giáo và tín ngưỡng của những nước

Mễ-Tây-Cơ, Yucatan và Trung-Mỹ, những lễ lối kiến trúc, cách làm lịch, nghệ thuật và nhiều điều khác nữa tìm thấy bởi người Tây-Ban-Nha khi họ chinh phục Mỹ-Châu, đã phát lộ nhiều sự trùng hợp rất đáng ngạc nhiên về những tiêu tiết thuộc tín ngưỡng và văn minh Á-Châu. » Đây quả là một điều đáng để ta lưu ý, tất cả những nhà quan sát độc lập tuy không hề rõ chút gì về chuyện Hui-Shen cũng đều công nhận rằng chắc chắn phải có sự



Những nét khắc trên đá — tìm thấy ở Mễ-tây-Cơ — ngờ là một phật tích viết theo lối cổ ngữ tượng hình Trung-Hoa.
(Hình của Harper's Encyclopaedia Hoa-Kỳ)

thông thương liên lạc giữa Mỹ-Châu và Á-Châu từ những thế kỷ sơ khởi của kỷ nguyên Thiên Chúa.

Ông Edward P. Vining ở San Francisco, người đã nghiên cứu vấn đề này, đã dẫn ra 35 trường hợp ngẫu nhiên đáng chú ý để minh chứng sự hiện diện của Phật giáo và văn hóa Ấn ở Trung Mỹ, ở Mễ-tây-cơ trong những thế kỷ đầu của kỷ nguyên Thiên Chúa. Theo ông những sự ngẫu nhiên như vậy đã chứng tỏ rằng cả Ấn giáo

trích theo tài liệu của một nhà địa lý học vào thời George III nghiên cứu về sự góp phần của Trung-hoa trong cuộc vượt Thái-bình-dương. Giáo sư Mac Innes cho rằng Hui Shen đã sống suốt mùa đông ở đảo Nootka tại Vancouver, ở đó ông đã để lại 3 vị sư để truyền bá Phật pháp. Người ta có tìm thấy nhiều đồng tiền Trung-hoa thuộc đời Tsin (Tấn) tại miền đó vào năm 1876. Những phế tích của những ngôi chùa Phật cũng đã tìm thấy ở Mễ-tây-cơ



Một ngôi đền cổ ở Mỹ Châu có những nét tương tự với lối kiến trúc Phật giáo.
Trích cuốn « American Archaeological Researches »

(Hindu) và Phật giáo đã đâm chồi nảy rễ rất lâu trước khi người Tây-ban-nha tới đó.

Một tài liệu khác nữa rất có giá trị về Hui-Shen và đoàn giáo sĩ, do 2 nhà học giả Gia-nã-dại là giáo sư John Murray Gibbon và Tom Mac Innes cung cấp, đã minh định sự phát kiến Mỹ-châu của Hui-Shen. Theo lời 2 nhà học giả, hòa thượng Hui-Shen đã vượt Thái-bình-dương trên một chiếc thuyền Trung-hoa. Hòa thượng tới Vancouver vào khoảng năm 499 sau Thiên Chúa. Giáo sư Gibbon

tại miền Sonora trên bờ biển Thái-bình-dương, gần tỉnh Ures (cũng ở Mễ-tây-cơ) và một bức tượng Phật điêu khắc theo lối Trung-hoa.

Ký giả V.G. Nair của Ấn-độ trong bài « An ancient Budhtist Mission » có nhắc đến một giả thuyết của Chaman Lal và vài học giả Mỹ cho rằng chính những người Hindu đi từ Ấn-độ là những kẻ phát kiến ra Châu Mỹ trước tiên. Nhưng theo như ký giả V.G. Nair thuyết này thiếu những bằng chứng và chỉ căn cứ vào một vài phong tục thông

thường của dân bản xứ ở Trung Mỹ và Mỹ-tây-cơ. Theo ký giả, câu chuyện Hui-Shen có nhiều bằng chứng vững chắc hơn cả. Căn cứ vào điều nói rằng Hui-Shen và đoàn tăng lữ từ Kabul tới và nhất là điều ghi chép trong cuốn Biên niên sử của Trung-hoa nói rằng Hui-Shen nói tiếng Trung-hoa không rõ, ông V.G. Nair cho rằng Hui-Shen có thể là một nhà sư Ấn-độ hoặc là một nhà truyền giáo ở Kabul thuộc Ấn về thời đó. Kabul còn gọi là Cophen Kipln, Kandahar hay Balk ở xứ Grandhara hiện thuộc về Á-phú-hân, xưa kia đã từng là trung tâm của các hoạt động Phật giáo. Ông V.G. Nair cũng có nêu ra một sử liệu đáng chú ý là có một vị hòa thượng rất nổi danh ở Kabul đã tới Trung-hoa vào khoảng thế kỷ thứ 4 sau Thiên Chúa và đã phiên dịch nhiều kinh Phật ra tiếng Trung-hoa, vị hòa

thượng đó là Sanghadeva. Do đó, ông V.G. Nair kết luận rằng mặc dầu không rõ tên Ấn-độ của Hui-Shen là gì, nhưng người ta có thể cho rằng rất có thể ông ta là một người Ấn hay là một người ở Kabul.

Dù Hui-Shen là người Trung-hoa hay Ấn-độ chăng nữa, sự kiện đó cũng không khiến ta quan tâm lắm. Điều quan trọng hơn cả là chính một người Á-châu đã chèo chiếc thuyền « Từ » mang ánh sáng đạo lý tới Mỹ-châu đầu tiên, chứ không phải là những chiếc chiến thuyền đầy tham vọng của Tây-ban-nha, đưa những người phương Tây tới chinh phục Mỹ-châu, đã thả neo trước nhất tại Châu-Mỹ.

Viết theo tài liệu của V.G. Nair,
trong tạp chí The March of India,
Thư viện Quốc-Gia, 16-5-58.

NGUYỄN

Phần Chú thích

Hui Shen :

Theo âm có thể dịch là Huệ-Sinh hay Huệ-Thiện.

Riêng về Huệ-Sinh, sách Từ-Hải chép như sau :

« Huệ-Sinh người Bắc-Ngụy, đất Lạc-dương vào đời Hiến-Minh-Đế nước Ngụy, phụng mệnh Thái-hậu cùng một người là Đôn-Hòa qua Tây-Tạng lấy kinh rồi tới Ấn-độ thỉnh Đại Nghiệp Kinh (170 cuốn). Ông có viết cuốn « Sử Tây Vực Ký ».

Xét như vậy Huệ-Sinh không thể là Hui Shen được.

Còn về Huệ-Thiện không có sử sách nào ghi cả.

Ma-Tuan-lin : Mã-Đoan-Lâm

« Người Nguyên-Sơ. Đất Lạc-bình, tự Quí-Dữ. Ông là một nhà bác học. Đỗ Trạng-Nguyên vào đời Tống. Vào đời Nguyên ông về ẩn dật ở quê. Sau ra làm quan coi về việc học không được bao lâu thì mất. »

(Từ-Hải)

« ... Người đời còn gọi ông là một sử gia danh tiếng ».

(Từ-Nguyên)

Theo như tài liệu trên đây Mã-Đoan-Lâm sống sau đời Lương-Vũ-Đế (502 tới gần 800 năm) (triều Nguyên bắt đầu năm 1280). Như thế Mã-Đoan-Lâm đã

chép lại việc Hui-Shen theo tài liệu của Yu Kei. Câu văn trong bài có thể khiến ta hiểu nhầm là Mã-Đoan-Lâm đã chép việc ấy vào đời Lương.

Ta Ming : Đại-Minh, theo Trung-hoa Sử-Cương đây là niên hiệu của một triều Nam Tống vào năm 457. Không rõ tên vị vua triều này.

Sanghadeva : Phải chăng là thầy tăng Ấn-độ Cưu-ma-la thập từ Tây vực sang vào đời Hậu Tấn (401) ?

(Theo tr. H.S.C. trang 99)

Phần chú thích trên đây chúng tôi đã nhờ Cụ Hoàng-Nam-Hùng, Hội trưởng Hội Việt-Hoa Chống Cộng và Ô. Quan-bảo-Long giáo sư Việt văn hội Thái-Bình-Dương Tự-do chỉ dẫn và giúp đỡ. Xin chân thành cảm tạ cụ Hoàng-nam-Hùng và Ô. Quan-bảo-Long.

NGUYỄN

SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

- ★ « Hoa tiên truyện » chú giải, loại cổ văn, giá 20\$;
- « Luận đề Phan-Kế-Bính », trong « Tủ sách luyện thi », của Kim-Đạt, giá 18\$ đều do « Lửa thiêng » xuất bản và gửi tặng.
- ★ « Khảo luận luật thơ » của Lam-Giang, trong « Loại tìm hiểu », giá 17\$;
- « Võ-Trường-Toàn », phụ « Gia-định tam gia » : Trịnh-Hoài-Đức, Lê-Quang-Định, Ngô-Nhân-Tĩnh » của Nam-Xuân-Thọ, trong tủ sách « Những mảnh gương », giá 20\$;
- « Nỗi lòng đồ Chiếu » của Phan-Văn-Hùm, in lần thứ hai, loại sách « tìm hiểu », giá 28\$; đều do « Tân-Việt » xuất bản và gửi tặng. Bách-Khoa xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc và cảm ơn các nhà xuất bản.

Làm chúa tể cần nghe thiên hạ

Khổng-Tử hỏi Tử-Tiền rằng :

— Nhà người cai trị đất Đan-phủ, dân chúng đều vui thích cả. Nhà người làm cách nào mà được như thế ?

Tử-Tiền thưa rằng :

— Trong hạt này, có năm người giỏi hơn Bất-Tề này, Bất-Tề đều thờ kính và hỏi han những điều phải trái, để họ dạy cho đường lối làm việc...

Khổng-Tử nghe đáp, than rằng :

— Đó là việc quan trọng nhất đó. Ngày trước vua Nghiêu, vua Thuấn nghe theo thiên hạ, chăm cầu người hiền để giúp cho mình. Ôi, người hiền là nguồn gốc trăm điều phúc vậy. Có điều đáng tiếc là Bất-Tề chỉ được đem dùng vào nơi nhỏ hẹp mà thôi.

KHÔNG-TỬ GIA-NGŨ

RỪNG Ở TRUNG - VIỆT

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

DẪY núi *Trường sơn*, do toàn những chất đá dẫn lập nên, từ thuở khai thiên lập địa, trước đây không biết bao nhiêu ngàn triệu năm. Dãy núi này, các nhà địa chất Pháp, đã gọi là một số mòm núi nối liền núi Việt Bắc tới các Cao-nguyên từ miền Pleiku trở xuống.

Tiếng Pháp, gọi dãy núi Trường sơn là *Cordillère annamitique*. Và các cao nguyên từ Kontum, Pleiku trở xuống, nhà địa chất học **Fromaget** đã đặt tên là *An-na-mi-a*.

Núi Trường - sơn, đứng về phương diện địa chất là từ miền Quảng-bình đến Quảng nam mà thôi, đến núi A-ta-u-sắt.

Dãy núi này hướng Tây-bắc, Đông-nam, dài độ bốn năm trăm cây số. Có hai chỗ núi thất lại và thấp, tức là đèo, đèo từ Đông-hà tới Sà-văn-na-khét ở phía Nam, và đèo từ Vinh tới Thà-khét ở phía Bắc, qua đèo Na-pe.

Dãy núi Trường-sơn như hai mái nhà, mái dốc và ngắn ở về phía nước ta, mái dài và thoải thoải ở về phía nước Lào.

Chất đất, ở hai bên sườn núi, đều là chất đất xấu, do những đá dẫn, thuộc loại kim thạch. Vì vậy, chất cát nhiều.

Đứng về phương diện khí hậu, sườn núi về phía Lào mưa vào trong mùa hạ. Nước chảy từ từ, từ các sông Nam Cà-dinh, Sê-bang-hiên và Sê-bang-pha, từ từ chảy về sông Mê-kông mà ta gọi là sông Cửu-long.

Các rừng ở phía Lào, ở mé Tây dãy núi Trường-sơn toàn là rừng những cây dầu. Cây cao vút, tới vài ba chục thước, mọc trên đất cát, do núi đá dẫn tan ra.

Về phía Trung-Việt ta thời có mấy điều kiện khác, về chất đất, tùy từng nơi, nhưng thứ nhất ở miền núi Quảng-nam, Quảng-ngãi. Ở miền núi này có những chất đá tốt. Núi bị tan rã, các phù sa đổ xuống miền đồi và đồng bằng. Vì vậy cho nên rừng thiên tạo ở mé Trung-Việt ta khác rừng thiên tạo ở mé Lào vì chất đất khác nhau ở nhiều nơi.

Nhưng cũng vì khí hậu khác nhau. Ở Trung-Việt, mưa về cuối thu sang đông chứ không như ở Lào mưa về mùa hạ.

Sườn núi về phía ta lại dốc, các cát trôi xuống nhanh, đá trơ ra.

Cho nên rừng ở Trung - Việt, từ Quảng-bình trở vào đến miền Nam, Ngãi, Định, có nhiều thứ cây quý. Như cây kiền kiền, bằng lăng, săng lé là những thứ gỗ mà ta gọi là « thiết mộc » nghĩa là dẫn như sắt, thường dùng để làm cột đình, cột chùa và như gỗ kiền kiền, dùng làm ván mạn thuyền chạy sông, chạy biển.

Lại có nhiều gỗ mít để làm nhà. Gỗ mít bào tới lõi, càng lâu năm, càng đỏ rực và không bao giờ mọt. Từ Quảng-nam vào tới Phú-yên, cây mít tự nhiên mọc. Ở nhiều nơi, trái mít rụng, chín cây, không ai thêm nhặt như ở Cao-nguyên Vân-hòa, thuộc tỉnh Phú-yên.

Ở Quảng-nam, Quảng-ngãi, nhờ chất đất và khí hậu thuận tiện, ta đã phá rừng. Ở Quảng-nam, có một huyện gọi là Quế sơn. Nguyên cây quế mọc ở đây một cách tự nhiên. Nhưng ta không biết từ thế kỷ nào các cụ ta đã dẫn những cây đại, đã chọn những cây quế tốt.... Và đã trồng quế ở Quảng-ngãi,

thuộc miền Ba-tơ và Minh-long, miền đồi núi thấp, không những người kinh mà còn đồng bào mọi Rha-dê, ở làng nào cũng có quế vườn.

Các quế vườn này tốt, chẳng khác gì quế rừng ở Thanh-hóa, Nghệ-an.

Hồi Pháp thuộc, các quế này do người Tàu mua, tập trung ở Hột-an (Faifo) thuộc tỉnh Quảng-nam, và Thu-xà thuộc tỉnh Quảng-ngãi. Họ đem xuất cảng sang Tàu để làm vị thuốc và làm một thứ rượu quý, ấy là rượu Mai-quế-lộ.

Ta chưa nói tới rừng ở miền Cao-nguyên, Kông-tum, Pleiku, Đalat, Djiring, Buôn-mê-thuột.

Ta chỉ nói tới rừng ở miền đông, trên sườn dãy núi Trường-sơn, thuộc địa phận ta. Ta có rừng các cây thiết mộc, ta có trồng rừng quế. Nhưng còn từ Nha-trang trở vào đến Biên-hòa, chỉ toàn rừng lá cọ, vì khí hậu hanh và vì chất đất xấu.

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

★ Người thủ lãnh phải cố gắng tìm hiểu tư tưởng của cấp trên và dung hòa tính chất độc lập và độc sáng của quan niệm riêng mình với lòng tôn trọng mọi mệnh lệnh chính đáng của cấp trên. Ra ngoài giới hạn của quyền uy mình, không những người thủ lãnh tỏ ra thiếu tinh thần kỷ luật mà còn gây mầm rối loạn, làm thiệt hại cho đoàn thể không ít.

VỢ, CON, VÀ NƯỚC

ĐOÀN-THÊM

— Vi-ta-mi-nes B1, B2, B12 ! Hé-pa-vi-ta ! Hé-pa-trol ! Vi-ta-mi-né-rals ! Hé-pa-trol ! Hé-pa-crine ! Cal-ci-gé-nol ! ... Làm gì mà đến 85 thứ thuốc ? Định biến thành nhà thuốc hay sao ? Bỏ lắm chỉ khéo làm hư cơ thể ! »

Thấy Chi lâu nhàu mãi, Lan bực mình lườm chồng mà gắt lại :

— Anh lạc hậu hết chỗ nói ! Có con thì phải trông nom cho chúng nó. Mình không biết lợi dụng khoa học mà nuôi con, cứ để chúng xanh xao vàng vọt như khi xưa các cụ nuôi mình, thì em không thể chịu !

— Em là nạn nhân của mấy ông lang băm, nay sinh tố này, mai sinh tố khác. Mấy ngàn năm nay cơm gạo rau đậu vẫn chán vạn sinh tố mà bây giờ các ông đó mới bịa chuyện ra và quấy rầy. Cứ cho chúng nó ăn uống no đủ, điều độ thì thôi, vẫn sống 80 như ông nội !

— Anh quá lẩn. Đã bao nhiêu lần

nhai lại chuyện đó. Nếu không có mấy chai « vitamines », anh có chắc mấy đứa con mình đã thoát bệnh « sài » như scorbut chưa ?

— Lại chuyện chữa bệnh của em mới kỳ ! Bọn con mình hơi nóng đầu xỏ mũi là auréomycine, pénicilline, lúc nào cũng nồm nớp như mấy anh Tây sợ đau màng óc. Nếu lỡ bị bệnh nặng, không có thuốc nào chữa nổi đâu !

Lan bực quá, rưng rưng nước mắt, vùng vằng ra khỏi phòng.



Chẳng phải lần đầu tiên mà họ cãi nhau. Đã bao nhiêu bận rồi, hai vợ chồng điều qua tiếng lại, không những về chuyện thuốc men tầm bỗ cho các con, nhưng còn về rất nhiều vấn đề liên quan tới lũ trẻ : ăn, ngủ, mặc, chơi, học, cho đến nói năng cử chỉ, v.v...

Thực ra, sự bất hòa đó chứng tỏ rằng đôi vợ chồng trẻ hết sức quan

tâm đến sự nuôi nấng dạy bảo các con. Họ vẫn đồng ý với nhau ít ra về nguyên tắc: sinh con thì phải săn sóc, chớ không thể còn chuyện trời sinh trời dưỡng, sinh voi sinh cỏ, và phó mặc cho « phúc đức », cho « số mệnh » như ông cha đối với họ ngày xưa. Ngay từ khi được đưa nhỏ đầu lòng, họ đã muốn giáo dục theo phương pháp thích hợp.

Nhưng trời đất ơi, thế nào cho thích hợp?



Lan là một thiếu phụ theo tân học, rất tin tưởng khoa học, thâm phục văn minh phương Tây, và yên trí rằng tiến bộ là đi về hướng trời Âu Mỹ. Trong đời sống của mình, cũng như của chồng con, Lan đều muốn mỗi ngày một đời mới cho tới trình độ cao hơn. Từ cách ăn mặc cho tới sự trau dồi trí thức, Lan nhất nhất tìm hỏi ở sách báo nước ngoài.

Nhưng éo le thay, Chi rất hoài nghi, và tuy đôi khi chiều ý vợ, trong bụng vẫn cười thầm, có lần buột ra:

— Nền xếp xó mấy bộ sách lại! Le Bon Médecin (thầy thuốc tốt) L'Encyclopédie familiale (Tự điển gia-dình) Guide des bons usages (Sách dạy lịch sự) chỉ nhồi sọ và nếu không nói nhằm thì cũng chẳng hợp với người Á-đông, nhất là người Việt-Nam, vì mực sống thấp hơn, vì có những nhu cầu đặc biệt mà các tác giả ngoại quốc không hiểu! Và lý thuyết viển vông quá chừng! Đây nhé: 5 g đường, 18 g mỡ, 29 g rau, hành, 46g, 50 trứng v.v... em đã bắt anh ăn hai ba lần món nấu theo sách gia chánh tối tân, đúng với điều kiện khoa học dinh

dưỡng của những sách thuộc loại « Cuisine Express », « La Parfaite Ménagère » hay « La Bonne Cuisine »: anh đã cố nhắm mắt nhắm mũi mà nuốt cho em vui lòng! Như vậy thì đối mọi cách nuôi con dạy con mà cũng cứ một mực theo sách, thì anh cũng vái dài!...



Nào có phải Chi đã lạc hậu như Lan trách. Rất thương yêu các con và mong cho chúng sau này khá hơn mình, Chi thường lưu ý rất nhiều về đời sống hiện tại của chúng, nhất là tính tình, khả năng, cử chỉ xấu tốt, v.v... đề liệu uốn nắn. Chi đã chịu đọc nhiều sách về giáo dục mới, và ngay đến cả vấn đề trẻ con hư hại tội lỗi (délinquance juvénile) Chi còn thông hiểu và theo dõi hơn Lan. Nhưng Chi khác vợ ở chỗ không theo sách nhiều, vì vẫn nhớ câu Mạnh-Tử: quá tin sách thà không có sách (Tận tín thư bất như vô thư), lại vì cuộc đời lặn lội, những sự biến chuyển trong 15 năm vừa qua, đã đánh tan nhiều thành kiến của Chi ở phạm vi văn hóa và giáo dục.

Lan muốn con ăn sung mặc sướng, và dạy dỗ thế nào để sau này con cũng sẽ được sung sướng như vậy, hay là hơn nữa. Cuộc đời của các con, dù gái hay trai, cũng sẽ chỉ có một mục đích: hạnh phúc, và hạnh phúc gồm sự đầy đủ thỏa thích về vật chất, sự hiểu biết rộng rãi để hưởng được những lạc thú về tinh thần. Hơn người cô ở chỗ bất cần hư danh, và tuy không dám ước mơ đời sống Mỹ,

VỢ, CON, VÀ NƯỚC

Lan mong cho con và chỉ mong thế, được mức sống về mọi phương diện bằng một người Thụy-Sĩ, Tân-Tây-Lan hay Na-Uy, là người nước nhỏ mà đủ điều kiện theo kịp đà tiến trung bình của nhân loại.

Chi cũng đồng tình, nhưng không đồng ý về phương pháp mà Lan áp dụng.

Con hơi chạy nắng, thì Lan gọi về phòng, e xò mũi hay đúng hơn là « quả dấm của mặt trời » như Tây nói. Giường của các con, đều phải có nệm êm, và nóng thì Lan thay nệm cỏ bằng nệm cao xu ; Lan thường trách thằng Út rằng đứt tay chảy máu mà không hề mách mẹ đề bôi ngay cho mercure-auchrome sát trùng, ngộ lỗ sưng mủ thì sao ? Con ngủ, ban đêm Lan phải dậy xem có đũa nào đập tung chăn ra không, e lạnh thì bị sưng màng phổi, vì mấy ông lương y dạy thế. Đồ ăn của con, phải có sữa, trứng, bơ, trái tươi vì cần sinh tố, và thịt cá nhiều vì trẻ đương lớn cần nhiều chất bồ gọi là albuminoïdes ; cấm không cho mua đồ ăn sáng bán ở tiệm, vì nhiều bụi bặm và sinh trùng. Quần áo mặc, phải thay mỗi ngày một bận ; con gái phải biết chọn màu vải lụa cho có « goút » (để coi, vừa mắt), con trai thì hể quần nhàu, phải đưa ủi lại vì nhàu là vô lễ. Lan dạy con chào khách phải cười, và phản đối lối chấp tay lạy cụ ả. Mỗi ngày, Lan bắt con trình bài vở ở trường đề xét hoặc giảng lại, và tuy lo về sức khỏe cho con, vẫn buộc phải cố học cho nhất nhì trong lớp, và nghỉ hè bắt phải đi học tư với hy vọng giỏi hơn trẻ khác chơi giong. Hể đũa nào có lỗi mà

Ba chúng quát, thì Lan vội can : « Chi ơi, đối với trẻ phải nhẹ nhàng chứ ? » Nếu con chơi với bạn mà vật nhau, thì Lan vội kêu về, e gãy chân tay ; nếu có đũa nào đánh thì dặn chạy về mách mẹ chớ đừng đánh lại, ngộ lỗ bị thương và sinh chuyện...

Xét những việc hàng ngày, Chi cũng thấy nhiều khi Lan không thể làm khác, ở địa vị một người mẹ yêu con, nhất là khi người mẹ đó còn tự hào hiểu biết đời mới và căn cứ vào kinh nghiệm của nhiều tác giả lão thành về sách giáo dục. Hơn nữa, Chi chịu nhận rằng cho chúng tập theo vệ sinh, nhả nhận lịch thiệp, chuyên cần học hỏi hay ôn hòa trong kỷ luật v.v... là những điều tốt và cần.

Nhưng Chi vẫn cảm thấy chưa đủ, tuy bao ngày chưa tìm được lý do cụ thể đề bộc lộ cảm tưởng lơ mơ và dần chứng cho những điều muốn bỏ khuyết.

Chi bản khoản suy nghĩ mãi, đọc lại nhiều bộ sách dạy trẻ, và cả mấy quyển nói về đời vĩ nhân : nhưng cũng chưa tìm thấy ánh sáng, chưa thấy hợp ý, nhất là chưa biết nói thế nào cho vợ hiểu.

Một hôm Chi mua được số tạp chí có in ảnh thiếu nữ Do-thái vác súng đứng canh đồng, bên hàng rào dây thép gai ; Chi ngắm đi ngắm lại mãi, Lan đã ngờ vì cô đó có nhan sắc ; nhưng xấu lắm.

Lại một lần, qua một tỉnh miền núi, Chi dừng xe, ngắm mãi một cảnh đồn điền hiu quạnh của người Pháp, và thừ mặt. Lan không hiểu vì sao.

Chi đã thấy hai cảnh hợp với những ý nghĩ thường phảng phất trong đầu óc :

chí quật cường hay là bí quyết của một quốc gia nhỏ xiu, đã khiến ngót hai triệu dân Do-thái bảo vệ được tự do và tiến mạnh, giữa mấy chục triệu cừu địch lân bang; — gan dạ xông pha mạo hiểm của Thực dân, khiến chúng chịu khó nhọc, xa đến đâu cũng tới, rừng sâu nước độc cũng dám ở, nên chúng đã thống trị được nhiều dân tộc Á và Phi-châu.

Rồi cách ít lâu, một buổi chiều, Chi bảo vợ :

— Anh đã thấy rõ anh muốn gì và có thể cho em hiểu. Mình hèn hơn Do-thái và Thực dân. Mình phải dạy con sống mạnh hơn.



Ý kiến của Chi đại khái như sau :

Chúng ta muốn con sừng : được rồi. Nhưng chúng nó chỉ sừng, nếu chúng và những hạng cùng tuổi, hơn được chúng ta. Phải làm thế nào cho các con *tránh khỏi những tật xấu, những thiếu sót của chúng ta và của nhiều người cùng thế hệ* : đó là căn cứ vững chắc và thiết thực nhất để xây dựng giáo dục gia đình, chứ theo sách nước ngoài cũng chưa đủ và chưa thích hợp.

Chúng ta thuộc một thế hệ đã bị trị, lâu ngày y lại vào người ngoài để mưu hạnh phúc cho mình mà không được toại nguyện : nên phải gây cho con cái, dù nam hay nữ, óc tự lập và tự cường.

Chúng ta đã là những kẻ hàng phục để cầu an, cầu lợi, cầu lạc thú của Tây phương mà không chịu tranh đấu như người Âu-Mỹ : vậy con chúng ta phải hiểu thấu rằng hạnh phúc chỉ là kết quả tranh đấu.

Nên bốn phận chúng ta là gây cho các con ý chí tranh đấu, và giúp chúng tạo nên phương tiện tranh đấu.

Chúng phải có bắp thịt chịu được nắng mưa, và tự chống đỡ chứ đừng chạy về mách mẹ ; có dạ dày chịu được dưa cà, không phải chỉ có thịt cá mới ăn được cơm ; quen xoay sở lấy chớ đừng trông vào cha mẹ để cõng hộ cái nút quần bị thắt chặt hay đắp chăn hộ, rửa mặt hộ.

Má chúng phải giăng ngay từ giờ cho chúng rằng : tập bắn súng giúp nước là cần và quý, chớ đừng hòng buộc ba chúng đi vận động cho miễn quân dịch hay tìm cách cho chúng thoát ra ngoại quốc để trốn tránh nhiệm vụ ; rằng đừng nên ườn xác trên giường ấm, vì một ngày kia chúng sẽ phải canh gác trong sương lạnh ; hay khai sơn phá thạch, chớ không ru rú một nơi để đến nỗi ở nhiều miền đất nước phì nhiêu chỉ ngoại nhân có gan khai khẩn lấy lợi.

Có tập cứng dần mới tránh được hèn nhát. Không cần nhồi sọ cho chúng nhiều pho sách đạo lý chín tầng mây ; nhưng chúng không nói dối, không lạy ông ả để lấy cái kẹo, cứ việc học đừng chờ khen, không thể đòi hỏi lộ một « châu » chiếu bóng rồi mới đọc xong cuốn Sách Hồng ; như vậy chúng sẽ không dối mình lừa người, việc mình thì phải làm, không đợi khen thưởng và không ăn cắp của xã hội.

Giúp cho chúng học, giảng lại kỹ bài cho chúng, nhưng rồi đứa lớn phải giúp đứa bé : sau này chúng có đỗ cao học giỏi thì liệu giúp ích cho người khác chớ

không những chỉ đề lợi riêng cho mình ; giảng cho một chữ, thì tập làm câu áp dụng ngay, chớ không phải đề nhồi sọ ; đã học thuộc bài vệ sinh thì phải biết lấy xà bông mà rửa tay : chúng cần hiểu là học đề hành, chớ không phải « dặt lưng dành đề tháng ngày chơi » hoặc đề thành ông học phiệt.

Và cần nhất, là gây cho chúng tinh thần đoàn thể : cho mỗi đứa hiểu rằng chỉ ngủ yên khi các anh em nó không làm rộn ; chỉ được đi chơi « pic-nic » nếu tất cả Ba má anh em nó đều yên vui : đề khi lớn, chúng nhớ rằng chỉ được hưởng cảnh ấm cúng, nếu xung quanh chúng đồng bào đừng đói rét, và nếu đói rét thì phải giúp họ mới yên cho mình : còn nếu chỉ biết có mình hay có nhà, thì rồi lại bị cảnh nước mất nhà tan, vợ đẹp con khôn cũng không còn nữa ; vẫn biết điều này bị nhiều người coi thường quá, nhưng chính vì coi là quá thường, nên không lưu ý mà áp dụng.

Tóm lại, phải cho chúng tập chịu đựng, xông pha, đương đầu với mọi sự khó khăn, và chỉ cho ăn, mặc, ngủ chơi vừa phải đề hòng đạt mục tiêu đó, tránh những sự quá êm ấm làm ủy mị con người, những sự sẵn sốc quá cần thận khiến chúng quen thói trông vào người.



Lan đã hỏi lại Chi :

— Anh không nghĩ đến nhiều tính tốt khác mà em vẫn cố luyện cho bọn trẻ, làm thế nào cho chúng ngoan ngoãn, hiền lành, dễ bảo, biết yêu đương.

— Ai bảo là không cần ? nhưng chưa đủ. Cả thể hệ ông nội rất đạo đức ; chúng ta cũng đã mất nước. Cả thể hệ anh rất ngoan ngoãn, hiền lành : rồi hết Tây, Nhật đến Cộng-sản bắt nạt.



— Anh nói nhiều quá, em nghĩ là lại lập thuyết. Anh muốn thành một thứ Rousseau, và tạo ra một số Emile ?

Chi thấy Lan không bẻ lại được, may ra Lan cho là phải, nhưng Lan chưa chịu, chỉ vì Lan không ưa thích mà thôi.

Nên Chi lại phải nghĩ ngợi, và cách đó ít lâu mới tiếp tục câu chuyện : lý luận không đủ, phải cố cho Lan « cảm thấy » sự thực.

Và sau đây, là những ý kiến bổ túc của Chi.



Lan không ưa thích đường lối giáo dục mà Chi vạch rõ, vì nó không hợp với hoàn cảnh dĩ vãng đã tạo nên Lan và những tâm hồn như Lan.

Từ bé, Lan được ăn trắng mặc trơn, sống một đời yên ấm phẳng lặng, trước cũng như sau khi lấy Chi. Lan chỉ biết những sự tốt đẹp êm đềm, chỉ muốn biết có thể, và chỉ muốn được như thế mãi cho mình và chồng con.

Sau ngày 19-12-1946, Lan vẫn ở lại Hà-nội cùng với Ba Má, nên mặc dầu có chiến tranh, Lan vẫn được sống đầy đủ và không trông thấy rõ như Chi.

Chi cũng như Lan, được nuôi nấng dạy dỗ, và ra đời trong cảnh yên vui ;

cha mẹ cho học hành, đề thi đỗ, cưới Lan và đi làm, nên tất cả sự giáo dục chỉ có mục đích cho Chi thành người hiền lành, chăm chỉ để sống đời phong túc an nhàn, và cũng như nhiều bạn, Chi đã lầm tưởng rằng cuộc đời có thể như thế mãi.

Chi đã không thấy rõ vấn đề xã hội, quốc gia, tự do, độc lập ; hoặc có biết, là vì đọc sách mà biết như biết sử Tàu sử Pháp, biết khoa học, *chớ không thấy tâm can rung động, không thấy lo lắng rằng các vấn đề đó phải giải quyết thì mình mới sống được.*

Thực ra, hồi đó chẳng ai cho phép lo về việc gì khác việc kiếm ăn, và lương thiện có nghĩa gần chánh thức là yên mà sống với vợ con. Dù sao, Chi đã không được rèn luyện để có sức đối phó với những sự hiềm nghèo khi thời cuộc đổi thay.

Cho nên, từ ngày 9-3-45, Chi và bao người khác đã bị tràn ngập bởi những biến chuyển không ngờ : đảo chánh, cách mạng, xung đột, phá hoại, tàn sát.... sau bao năm đề tâm hồn khoan khoái trôi theo giấc mộng đẹp có mảnh vườn trồng cúc, thì sao ? thì hoang mang, kinh hãi, ngơ ngác phía này xem có ai giúp, ngóng đợi phía khác không thấy gì, rút cuộc : bó gối qui hàng trước bạo lực, đề mong vớt vát lại đôi chút bình an mà sống sót ; sống sót và ngăn tiếc suông cuộc đời ảm cúng xưa kia, mà Chi đã không biết bảo vệ, cũng không dám làm gì để lấy lại.

Tóm lại, Chi đã bị thời cuộc trói nộp cho một định mạng khủng khiếp,

cho những hung thần không biết tình thương.

Cho nên, Chi muốn cho các con không bị lôi xuống vực thẳm mà Chi may lắm mới thoát. Và muốn thế, thì chúng đừng mù quáng và thấp hèn.

Chúng phải biết rằng rất nhiều sự khó khăn còn chờ đợi chúng. Nhưng không phải vì thế mà chúng nản lòng ; trái lại, phải nhận sự thực mà chuẩn bị đối phó, như thanh niên thiếu nữ Do-Thái, chớ không theo « chánh sách đà điều » (politique de l'autruche) nhằm mắt phủ nhận sự nguy hiểm.

Chúng cần phải khỏe mạnh hơn Chi, gan dạ hơn Chi, coi thường những sự « êm ả dễ chịu » của phương Tây mà chính người phương Tây cũng biết nhìn nếu cần. Chi tin rằng chỉ vì kém liều mà khờ.

Chúng sẽ tiến hơn Chi, nghĩa là từ giai đoạn « vợ con » mà thế hệ Chi đã qua, chúng sẽ bước mạnh sang giai đoạn « nước » để tạo đời sống chung mà thu xếp đời sống riêng của chúng.



Lan thở dài mà hỏi thêm :

— Nếu em hiểu rõ ý anh, thì anh muốn các con chịu một chế độ giáo dục khắc khổ, tập kham khổ, bắt chúng nhìn hết các thứ « dễ chịu » mà em vẫn cho chúng ?

— Đâu đến nỗi thế ? Phim Walt Disney, nếu có tiền vẫn cứ cho chúng đi mà vỗ tay, con gái lớn thì cứ cho chọn áo màu và buộc tóc đuôi ngựa ;

có sữa tươi thì cứ cho uống ; bố mẹ chỉ mong cho con được thể. Duy chúng phải ăn rau muống cũng thấy ngon, mặc áo vải cũng thấy ấm, chớ đừng quá lệ thuộc các thứ khoái lạc mà sẵn sàng hàng phục bất cứ ai đề được các thứ đó.

Chúng sẽ cố gắng để có áo đẹp mà mặc, nhưng nếu cần, phải biết vứt phăng đi mà tươi cười lợi bòn như sĩ quan Nhật hay Mỹ.

Chẳng biết được như vậy, thì chúng có đủ điều kiện xây dựng hạnh phúc chưa ? Có điều chắc chắn, là sướng

hay khổ, ít ra chúng cũng còn hơn Ba chúng...

Như muốn đề phòng sự hoài nghi của Lan, Chi nói tiếp :

— Dạy mười phần, ít ra cũng được một, nhưng một tánh tốt sẽ sinh ra nhiều điều tốt. Dạy tám con, may ra cũng được một hai đứa nên người : như thế cũng là phước rồi.



Từ đó, thân hoặc Chi và Lan còn cãi nhau, thì chỉ về vấn đề khác.

Đ. T.

ĐÍNH CHÁNH

- ★ BÁCH-KHOA số 46 bài « Nhân dịp đi thăm các nhà sách » của Đoàn-Thêm trang 46 cột 1,
 dòng 29 Anderson xin đọc là Anderson
 dòng 31 Thụy-diên xin đọc là Đan-mạch
 dòng 36 Ba anh hùng họ Phan xin đọc là Ba nhà chí sĩ họ Phan

Cần người trung trực

Khổng-Tử nói :

— Thuốc hay đắng miệng, nhưng lợi cho sự chữa bệnh ; nói thẳng chương tai, nhưng lợi cho công việc làm. Vua Thang, vua Võ vì có những người nhắc nhở cho mà nước trở nên thịnh vượng. Ông Kiệt, ông Trự vì có những người vâng dạ luôn mà đến nỗi bị tiêu diệt. Vua không có tránh thần (hạng tôi biết can ngăn), cha không có tránh tử (hạng con biết can ngăn), anh không có tránh đệ (hạng em biết can ngăn), kẻ sĩ không có tránh hữu (hạng bạn biết can ngăn), mà không mắc điều lầm lỗi là sự chưa từng có vậy. Thường nói rằng : Vua hổng thì có tôi hay, cha hổng thì có con hay, anh hổng thì có em hay, mình hổng thì có bạn hay. Cho nên nước không sảy cái triệu nguy vong, nhà không sảy cái họa hỗn loạn, cha con anh em không đến nỗi hư hỏng mà bè bạn chơi bời với nhau không đến nỗi đoạn tuyệt vậy.

KHÔNG-TỬ GIA-NGŨ



LIÊN-BANG MÃ-LAI

SONG-AN CƯ-SĨ

Địa-Dư. Sử-Ký. Hiệp-Định với
Anh-Cát-Lợi. Tuyên-Cáo Độc-Lập
Tình-hình Chính-Trị Kinh-Tế
Tài-Chánh. Văn-Hóa.

(tiếp theo)

Hiệp-ước với Anh-quốc

Đúng theo tinh thần hiệp ước năm 1956, ngày 12-10-1957 ông Tunku Abdul Rahman và ông M. G. W. Tory Cao-ủy Anh đã ký kết một hiệp định phòng thủ và hỗ trợ. Bản hiệp ước này được đem ra bàn cãi và chấp thuận bởi Hội đồng Lập-Pháp của Liên-bang ngày 3-10-1957. Sau đó Úc-châu và Tân-tây-lan cũng xin gia nhập vào tổ chức này.

Theo hiệp ước ấy, nước Anh xác nhận nhiều sự cam kết trong tinh thần hỗ trợ, nhưng ngược lại có quyền hưởng nhiều sự nhân nhượng về quân sự và kinh tế.

Nước Anh cam kết sẽ cung cấp cho chính phủ Mã-lai nhiều sự hỗ trợ nhu yếu cần cho Mã-lai đề sung vào việc phòng

thủ lãnh thổ. Chính phủ Anh-Hoàng đảm nhận việc huấn luyện quân đội Liên-bang và giúp khí giới, quân trang, quân cụ những dụng phẩm thiết yếu về quốc phòng. Nước Anh có thể giúp cả tài chánh nữa.

Ngược lại, nước Anh có quyền để lại trên lãnh thổ Liên-bang một số quân hải, lục, không và trú phòng trên các căn cứ quân sự trước kia quân đội Anh đã chiếm đóng. Hơn nữa một hiệp định phụ nhượng cho quân đội Anh quyền sử dụng các căn cứ ấy trong thời hạn là 30 năm. Tuy nhiên pháp chế áp dụng cho quân đội Anh đóng trên đất Mã-lai lại do chính phủ của cả hai nước quyết nghị.

Khi quân lực ngoại bang đe dọa bất cứ một miền nào của lãnh thổ Mã, và

nổi rộng ra khi nền hòa bình tại Viễn-đông bị xâm phạm thì hai chính phủ phải tham khảo ý kiến lẫn nhau để quyết định một đường lối chung cho các biện pháp thích hợp. Khi trực tiếp bị xâm lăng hai chính phủ cam kết phải cộng tác với nhau để tự vệ. Nhưng nếu nước Anh muốn dùng các căn cứ trên đất Mã để tấn công một nước nào khác trên hoàn cầu thì phải có sự thỏa thuận trước tiên của Liên-bang.

Ngoài ra còn có nhiều thỏa hiệp khác được ký kết nêu rõ sự hợp tác chặt chẽ giữa Liên-bang Mã-lai và Anh-quốc, liên quan đến sự sử dụng quân lực của Liên-bang trong những cuộc tảo thanh cấp tốc trên lãnh thổ Mã.

Tuyên cáo Độc-lập (Merdeka)

Hội đồng nói trên đề cử sau những cuộc đàm phán giữa hai ông Abdul Rahman và Tennox Boyd, đã làm đúng theo chương trình đã vạch sẵn trong thời hạn chỉ định.

Hội đồng do ông Lord Reid chủ tọa và điều khiển đã đệ trình vào ngày 20-2-1957 bản trần thuật trong đó có ghi những lời khuyến cáo. Kết luận của bản tường trình đó dựa vào nhiều cuộc điều tra do hội đồng đã mở ra từ tháng 6 năm 1956 và nhiều cuộc tiếp xúc với mọi tầng lớp dân chúng của các Tiểu-quốc, và các thực dân địa, các tổ chức chánh trị, và nhân vật đại diện cho tất cả những đảng phái hay cộng đồng. Trong bản tường trình lại cũng có ghi rõ những nguyện vọng, tuyên ngôn, khiếu nại liên quan đến quyền lợi của tất cả các giai cấp đại chúng.

Sau các cuộc thương thuyết tại Luân-đôn, giữa bộ trưởng Thuộc địa ông Lennox Boyd và Thủ tướng Chính phủ Liên-bang, dự án do Hội đồng đệ trình được chấp thuận do các nghị viện Anh và Liên-bang. Bản Tân-Hiến-Pháp được tuyên bố vào ngày 3-7-1957.

Ngày 5-8-1957, một hiệp ước chấm dứt chế độ đô hộ trực tiếp của nước Anh tại Mã-lai trên gần 83 năm, và quyền thống trị trực tiếp của Anh-quốc trên các lãnh thổ Ma-la-ca và Pénang. Hiệp ước này ký kết giữa vị Cao-Ủy Anh ông Donal Mac Gillivray một bên và những vị Tiểu-Vương Mã-lai một bên. Bản hiệp ước bắt đầu có hiệu lực từ 31-8-1957 và bãi bỏ tất cả những hiệp ước trước ngày ấy.

Đến ngày 4-8, các Tiểu-Vương họp mặt tại Kuala-Lumpur và bầu cử vị Thủ-Tướng đầu tiên của Chính-phủ Liên-bang Mã-lai. Điều kiện quyết định là giá trị cá nhân và thời gian trị vì tại lãnh thổ thuộc quyền (thâm niên).

Dân chúng đã chọn Tiểu-Vương xứ Negri-Sembilan, là ông Abdul Rahman làm Thủ-Tướng và Tiểu-Vương xứ Selangor là ông Hisamuddin Alam làm Phó-thủ-tướng.

Ông Abdul Rahman đã đạt được nhiều thành tích chính trị đặc biệt. Xuất dương sang Anh để học Luật, ông ra làm quan tòa tại xứ Mã-lai từ năm 1933, để nối nghiệp phụ thân. Ông giữ một vai trò trọng yếu trong công cuộc dành lại chủ quyền và Độc lập cho nước nhà. Chính ông đã chủ tọa Hội nghị các Tiểu-Vương để thảo luận Tân Hiến-pháp.

Lễ tấn phong cử hành ngày 2-9-1957. Nền Độc lập (Merdeka) Mã-lai được long trọng tuyên bố vào ngày 31-8 như đã định trước với sự tham dự của những phái đoàn đại diện cho 30 nước trong hay ngoài Liên-hiệp Anh. Quận-Công De Gloucester đại diện cho Nữ-Hoàng Anh đã chứng kiến buổi lễ ấy.

Lá cờ Mã-lai bắt đầu phát phối thay thế cho lá cờ Anh quốc và bản Quốc-ca : Negara - Ku vang dậy trong

không khí hân hoan sau 83 năm im hơi lặng tiếng. Lá cờ Mã-lai gồm 11 gạch đỏ và trắng tượng trưng cho 11 tiểu quốc của Liên-bang, một ngôi sao năm lốt vào trong một mảnh trắng lưỡi liềm màu vàng nổi bật trên nền xanh lục ở góc phải trên của lá cờ.

Liên-bang Mã gồm chín tiểu quốc đã có từ xưa và hai nhượng địa là xứ Pénang và Malacca vừa được cắt lên hàng Tiểu-quốc.

11 Tiểu-quốc với thủ phủ là :

Johore	Thủ phủ	Johore Bahru	dân số	860.000 người
Kedah	—	Alor-Star	—	635.000 —
Kelansan	—	Mota Bahru	—	488.000 —
Malacca	—	Malacca	—	280.000 —
Negri Sembilan	—	Seremban	—	315.000 —
Pahang	—	Kuala Lipis	—	278.000 —
Penang	—	Georgetown	—	504.000 —
Perak	—	Ipoh	—	1.100.000 —
Perlis	—	Kangar	—	81.000 —
Selangor	—	Kuala Lumpur	—	830.000 —
Trengganu	—	Kuala-Trengganu	—	247.000 —

Hiến Pháp

Chế độ Quốc-gia Mã-lai mới là một chế độ quân chủ độc nhất vô nhị Ông « Vua » được bầu trong 5 năm chọn lựa trong số chín Tiểu-Vương, họp lại thành một Tiểu-Vương Hội-nghị. Sự tuyển chọn căn cứ vào thâm niên và tín nhiệm của dân chúng.

Vị nào được bầu, liền nhận chức Quốc-Trưởng (Yang di Pertuan Agong). Bên cạnh ông ta có một ông Phó Quốc-trưởng. Quốc-trưởng chỉ định Thủ-tướng (Perdana Menteri) và căn cứ vào đề nghị của vị này, tuyển chọn thành phần của Nội-các.

Thành - phần của Nội - các phải chọn trong Nghị-viện. Thủ-tướng phải là một Nghị-sĩ được Quốc-hội tín nhiệm. Nội-các liên đới trách nhiệm trước Quốc-hội.

Nghị viện của Liên - bang (hay là Majlis) gồm có một Thượng - nghị - viện (Dewan Negara) và một Hạ nghị viện (Dewan Ra' Ayat). Thượng nghị viện gồm có 38 hội viên, 22 hội viên được tuyển cử, cứ mỗi Tiểu-quốc bầu hai vị và 16 vị do Quốc-trưởng chỉ định trong các giới thương mại, kỹ nghệ, văn hóa và xã hội hay là những vị đại diện cho các dân tộc thiểu số, cho bộ lạc bản xứ

(bộ lạc Semang, Sakai và Jakun sống giữa rừng sâu nước độc). Các Thượng-Nghị - Sĩ do Viện - Trưởng (Yuan-di-Pertua Derwan Negara) chỉ huy, ông này lựa chọn trong số các nghị sĩ, ít nhất đúng 30 tuổi.

Hạ nghị viện gồm có 100 nghị sĩ bầu cử theo lối Đơn danh đầu phiếu (danh sách riêng biệt) do các công dân từ 21 tuổi bầu lên. Các nghị sĩ ít nhất phải 21 tuổi.

Trong mỗi Tiểu-quốc bên cạnh các Quốc-vương, có một hội đồng lập pháp và một hành pháp viện có trách nhiệm trước Hội-đồng lập Pháp. Trước hết người ta thiết lập những bản liệt kê các vấn đề cần đem ra bàn cãi do Nghị-viện Liên - bang thảo luận, chế pháp hoặc do các Tiểu-quốc định đoạt và những vấn đề cần phải do sự thảo luận và quyết định của hai nơi : Nghị - viện Liên-bang và Hội - đồng Địa - phương. Nếu có sự mâu thuẫn giữa cách lập pháp thì luật lệ của Liên bang được ưu thế hơn.

Tối cao Pháp-viện là một cơ quan đã có từ xưa, nay lại thêm một nhiệm vụ mới là giải thích hiến pháp và bảo vệ quyền hành của Tiểu-quốc và những sự tự do thiết yếu căn bản của công dân. Các sự tự do thiết yếu ấy gồm có những quyền tín ngưỡng tôn giáo và quyền lựa chọn dòng giống dân tộc. Có những luật lệ bảo đảm các quyền thiêng liêng ấy. Nhưng vì thẩm phán của Tối cao Pháp-viện do Quốc-trưởng chỉ định, sau khi tham khảo ý kiến các Quốc - vương, Thủ - tướng và hội đồng Tư-pháp hợp pháp. Quyền truất

vị các thẩm phán nói trên nằm trong phạm vi của một tòa án đặc biệt.

Vấn đề chính yếu và khó khăn nhất trong khi lập hiến là vấn đề công dân. Vì trong Liên-bang Mã-lai rất nhiều dị chủng cách biệt sống lẫn lộn. Đại khái các luật lệ áp dụng cho những công dân căn gốc ngoại lai gồm có những điều khoản kể sau :

— Những người sanh tại Mã - lai trước ngày Tuyên - cáo Độc - lập có thể xin nhập tịch dân Mã-lai nếu như họ đã trú ngụ tại nước này từ 5 đến 7 năm gần đây.

— Những người sanh ngoài Mã-lai nhưng trú ngụ tại nước này từ 8 đến 12 năm gần đây có thể xin nhập tịch dân Mã-lai. Sự kiện này do ông Tổng-trưởng có trách nhiệm về vụ này định đoạt. Ví này lại có quyền truất tịch nữa.

Trước khi nhập tịch dân Mã - lai, người ta phải tuyên thệ, trong một lễ : « Từ bỏ quốc tịch cũ của mình ».

Ngoài ra có những đạo luật qui chế sự duy trì quốc tịch Anh cho một vài người Trung-hoa ở Penang và Malacca, họ được mang một danh hiệu đặc biệt là « Người Trung-hoa của Nữ-hoàng ». Người ta có thể vừa là công dân Mã-lai và là công dân của Liên-Hiệp-Anh.

Đảng phái chính trị :

Đảng chính trị mạnh nhất hiện thời là Đảng Tam-hiệp là một mặt trận liên hiệp gồm ba đảng có khuynh hướng chính trị quốc gia, thành lập từ năm 1946, nhằm mục đích dành lại chủ quyền và nền Độc-lập cho Liên-bang Mã-lai. Đó là

Huê-kiều Hội (MCA) thành lập từ năm 1949, mục đích bảo vệ quyền lợi của Huê-kiều, Phong-trào Thống-nhất Mã-lai (UMNO) và Đảng Quốc-hội Mã (MIC) Lãnh tụ của Mặt trận Tam-hiệp là Hoàng-thân Tungku Abdul Rahman, người đã đoạt chức Thủ-tướng Mã-lai và đảng Tam-hiệp đã chiếm được 51 ghế trong số 52 ghế về kỳ Tổng Tuyển Cử, cấp Liên-bang năm 1955.

Ghế thứ 52 thuộc về Hiệp-hội Pan Mã-lai Hồi-giáo (PMIL). Còn các đảng khác không có chân trong Quốc-hội là đảng :

— Độc-lập : thành lập năm 1951 gồm có các phần tử của tất cả các cộng-đồng xã-hội, chương trình khá rộng lớn ;

— Đảng Lao-động Mã-lai : thành lập năm 1952 ;

— Đảng Negara, lãnh tụ là Dato Sir Oun Bin Jaafar,

Đảng MCA (Huê-kiều hiệp hội) do Datao Tan Cheng Lock thành lập (hiện nay là ông Cheng Lock Tan) chủ trương tình tương trợ giữa các làng mạc, và thiết lập những xã kiểu mẫu.

Đảng Mã-Cộng, tuy bị đặt ra ngoài vòng pháp lý từ năm 1948 vẫn còn hoạt động ngấm ngầm và tranh đấu bằng du kích thuật là mối lo ngại cho chính phủ Liên-bang. Lãnh tụ là một người Trung-hoa tên là Chin-Peng.

Kinh-tế Mã-lai

Trong vùng Đông-Nam-Á, Liên bang Mã-lai là một xứ phong phú kể vào bậc nhất. Năng xuất tính đồ đồng mỗi người lên đến 100 Anh-kim mỗi năm. Lợi tức quốc gia gồm có thuế xuất nhập cảng,

nhất là thuế xuất cảng cao su và thiếc, thuế đánh vào các xí nghiệp và tiền bồi thường chiến tranh của Nhật, tiền trợ cấp của Chính phủ Anh. Năm 1955, ngân quỹ Liên bang được 92 triệu Anh-kim, và 12 triệu tiền lợi tức của các Tiểu bang : thành thử lợi tức trung bình của mỗi đầu người là 17 Anh-kim.

Anh quốc cho vay 18 triệu và trợ cấp 20 triệu Anh-kim. 50 triệu Anh-kim do Nhật bồi thường được chia cho Singapore và Liên bang. Riêng Liên bang đã nhận được 2/3 số tiền bồi thường.

Tuy nhiên công cuộc phục hưng kinh tế được xúc tiến một cách mạnh mẽ. Nhiều chương trình kiến thiết vĩ đại được hoạch định. Một kế hoạch sáu năm bắt đầu thi hành từ năm 1950. Số chi tiêu đã lên đến 85 triệu Anh-kim vào cuối năm 1955. Một kế hoạch ngũ niên lại được đưa ra năm 1956, dự chi 147 triệu Anh-kim.

Anh giúp hơn 33 triệu Anh-kim để hoàn thành hai kế hoạch này gồm có 14 triệu tiền mặt dùng về vũ trang lực lượng quân sự, 8 triệu trợ cấp về Kiến thiết và Dân sinh. Công đoàn Bành trưởng thuộc địa cũng đầu tư vào 10 triệu.

Chương trình cải thiện trục giao thông thực hiện gấp rút. Hiện nay Mã-lai có độ 2.042 cây số thiết lộ, 10.000 c.s. đường sá. Số xe hơi chừng 49.000 chiếc tư xa, 18.000 xe chuyên chở và 18.000 mô-tô.

Chính phủ Mã còn chăm chú đến khả năng kiến thiết nông thôn. Ủy - Ban Rida, khuếch trương kỹ nghệ và nông nghiệp lo về việc chấn hưng tiểu công nghệ cải thiện đời sống thôn quê và

nông nghiệp. Kế hoạch trù liệu bành trướng hoạt động từ năm 1956 đến 1960, và thiết lập thêm hai cơ quan phụ thuộc khác cho tổ chức này đã thành lập từ 1948

Sản xuất căn bản của Mã-lai là cao-su và thiếc. Cho nên mức độ sinh hoạt của dân chúng rất cao.

Mã-lai đã cung cấp 1/3 tổng số cao-su thiên nhiên trên thế giới phân nửa gồm có những chất cao-su hảo hạng.

Cao su do từ Ba-tây đưa giống sang. Ban đầu chỉ có 22 cây gởi từ vườn Bách-thảo ở Kew sang Tân-gia-ba. Cho đến khi trổ bông cũng chưa ai nghĩ ra việc lấy nhựa cả. Người đầu tiên đã tìm ra cách lấy nhựa khỏi chết cây là ông Henry Nicholas Ridley, mất vào năm 1956, thọ được 100 tuổi.

Ban đầu lời hô hào của ông : « nên trồng cao-su », không được ai để ý đến, vì lúc đó nghề trồng cà-phê đang thịnh hành. Nhưng sau đồn điền cà-phê bị sâu cắn chết sạch, họ mới nghĩ ra cách thay thế cà-phê bằng cây cao-su. Gặp những điều kiện phong thổ thích hợp, đất màu phì nhiêu, cây cao-su lớn mau như thổi và cung cấp nhựa cho ngành sản xuất. Các đồn điền bành trướng nhanh chóng, rừng hoang lui lại, nhường chỗ cho cây cao-su, họ trồng xung quanh nhà như chuối bên ta và cả vào ruộng lúa. Ngày nay hơn 300 triệu gốc cao-su chiếm một triệu rưỡi mẫu đất tại Mã-lai. Đến năm 1956, các đồn điền và tu viện sản xuất được 627.000 tấn mủ, 55% do các đồn điền lớn và 45% do các vườn nhỏ.

Thật ra nguồn lợi thiên nhiên đã có từ hàng nghìn năm trước của xứ Mã-lai là mỏ thiếc. Các thuyền buôn xuất phát từ Trung-Đông đã đến Mã-lai mua thiếc từ hai nghìn năm trước. Người Bồ-đào-nha lúc mới bước chân lên bán đảo Mã, năm 1511, đã thấy có thứ tiền đương thời lưu dụng đúc bằng thiếc.

Vào thế kỷ thứ 19, dân Trung-hoa di cư bắt đầu khai thác một cách khoa học hơn. Họ đưa máy bơm cát đến, để thay thế cách rửa quặng bằng rồ, rá và tay không. Người Âu giàu hơn lại nhập cảng máy xúc, máy sắn, máy dầu, máy rửa, nên sản xuất tăng gia. Trước kia người Trung-hoa giữ độc quyền về ngành khai thác mỏ thiếc, nhưng nay họ chỉ còn sản xuất không đầy 40% tổng số thiếc của Liên-bang, còn 60% là do các Công ty khai thác mà trong đó cổ phần của người Trung-hoa nhiều hơn hết.

Năm 1956, Mã-lai sản xuất được 62.300 tấn thiếc quặng (bột) và 73.500 tấn thiếc nguyên chất.

Cao-su và thiếc đều xuất cảng qua khu vực Mỹ kim, mục đích dự trữ ngoại tệ Mỹ-kim trong khi Mã-lai nằm trong khu vực Anh-kim.

Ngoài ra Mã-lai còn có mỏ sắt khai thác ở Bukit Besi (Thiệt sơn) bằng phương pháp lộ thiên, mỏ than ở Sélangor, mỏ vàng và mỏ thiết-phần cùng phụ sản như ni-ô-bi và ti-tan.

Các sản phẩm phụ thuộc nhưng quan hệ thương mại không kém như là : dừa khô, trà, dứa, hạt tiêu, đồ gia vị, gạo, cà-phê. Bộ canh nông đang nghiên

cứu cách trồng gai và ca-cao. Các thứ trái cây khác cũng tương tự như tại xứ ta : xoài, ổi, v.v...

Văn hóa

Như chúng ta đã thấy, Liên-bang Mã-lai có một địa thế tương đối giống nước ta nghĩa là nằm giữa hai ảnh hưởng : Trung-hoa và Ấn-độ Nam-dương. Dân Mã-lai chính tổng từ những quần đảo Nam-dương kéo lên phối hợp với nòi giống Trung-hoa tràn xuống, nên văn hóa tất nhiên là sự hòa hợp giữa hai nền văn minh Ấn-độ và Trung-hoa.

Nhưng phong tục và tập quán xen lẫn cả Ấn-hồi lẫn Trung-hoa. Cho nên trong một bán đảo không mấy rộng mà văn hóa và phong tục rất tương phản, tuy nhiên không có sự đụng chạm giữa các giống Ấn, Hoa và Mã. Đặc điểm văn hóa Mã là thiếu tánh chất thuần nhất, cũng giống như địa lý xứ Mã vậy.

Trong các đồn điền cao-su, phần tử Trung-hoa và Âu chỉ huy kiểm soát, còn nhân công là Ấn-độ hay Mã-lai. Trong các vùng mỏ thiếc tỷ lệ Trung-hoa lại nặng hơn. Phần lớn các ngành thương mại, kỹ nghệ, công nghệ và các chỗ giải trí đều nằm trong tay người Trung-hoa. Còn phần tử Mã-lai đa số là dân cày, chài lưới, công chức, Hiến-pháp đã dành cho họ những đất đai, hay chức vụ trong công sở hay cơ quan chính phủ mà tánh tình thật thà chất phát, hiền hậu của họ không thể vượt qua sự khôn khéo, tinh ranh, xảo quyệt của những giống nòi tiến bộ hơn. Nhiều học bổng được cấp phát cho họ xuất dương mục

đích là nâng cao trình độ học vấn và kỹ thuật của họ.

Vấn đề giáo dục Mã cũng rất phức tạp. Chữ Malayan có nghĩa là dân xứ Mã-lai, nhưng một phần nửa dân thì nói tiếng Mã, hai phần năm nói tiếng Trung-hoa, số còn lại nói tiếng Tamoul hay thổ ngữ khác ở Ấn hay Hồi. Người Trung-hoa thủ cựu, cố bám vào tập quán cổ truyền, người Ấn thì muốn học tiếng Anh, còn người Mã cơ hồ như không hiểu giáo dục là gì. Tạm thời Anh ngữ dùng làm chuyển ngữ, nhưng Quốc ngữ Mã-lai là Mã-ngữ, Anh ngữ chỉ dùng thêm 10 năm nữa là hết thông dụng. Ngoài ra tiếng Trung-hoa vẫn tồn tại, tiếng Tamil vẫn được dân chúng xài thường. Vấn đề Quốc-ngữ đã gây ra một sự mâu thuẫn giữa các nghị sĩ, sự công phần trong giới Huê-kiều nhưt là thanh niên và trong nhóm người dòng dõi Ấn-Hồi. Nhiều sự rắc rối đã xảy ra trong lúc thi hành biện pháp áp dụng Mã-ngữ.

Tuy nhiên một nền Trung học được thành lập trừ một vài học xá Trung-hoa chỉ chuyên dạy chữ Trung-hoa. Ở Kuala Lampur có một trường Nữ trung học, còn Nam trung học hiện giờ chỉ có tại các đô thị Kuala Kangsar, Selangor. Các trường chuyên nghiệp, thương mại, kỹ thuật, được lần lần mở cửa và ở Sedang gần Kuala Lampur hiện có một trường canh nông. Trường Đại-học Má sáng lập từ năm 1949 do Chánh phủ Liên-bang và Tân-gia-ba đài thọ. Trường cũng có một chi nhánh ở Kuala Lampur và ở Tân-gia-ba.

Đạo Hồi là đạo của dân Mã-lai và

của các Tiểu-Vương. Đây là Công-giáo của Liên-bang mặc dầu có sự tự do tín ngưỡng.

Các tiểu quốc phát triển hơn kém nhau không bao nhiêu, nên kiến trúc lẫn xưa và nay. Có những lầu cao đẹp xây cất theo kiểu kiến trúc thời Nữ-Hoàng Victoria, cũng có những dinh thự cửa bán nguyệt, nóc tròn như tòa Nội-các, và những phố lầu lệt tệt tại Market Place ở Kuala Lampur, có những kiểu nhà lá tương tự như nhà lá của ta, nhưng cơ sở tối tân như hệ thống dẫn thủy Kubang Pasu ở Kedah cất theo lối hộp vuông, viện khảo cứu thú y ở Perak và những nhà sàh cao cảng tại Swettenham v.v..

Các tỉnh như Penang (Georgetown) phong cảnh hữu tình, có đường xe lửa treo đưa du khách lên đỉnh đồi nằm chính giữa đô thị, mây phủ suốt ngày. Các trường học ở đây có danh tiếng và Penang tự hào là trung tâm văn hóa Mã-lai. Sau đến Malacca khả ái và đầy di tích lịch sử của bốn thế kỷ. Đường phố chật hẹp, hai bên là những căn nhà đồ sộ xây theo kiến trúc Bồ-đào-nha đua lên đỉnh đồi St John. Dấu vết của thành lũy còn đứng sừng, những giáo đường, và tư thất xưa đôi ba thế kỷ nay tường dày đến 1th80. Dinh thự Stadhaus xưa kia là Dinh Chính-phủ.

Xã hội.

Công cuộc xã hội đang chú ý nhất là chiến tranh chống muỗi mòng. Có thể nói Mã-lai là một mỏ muỗi độc, reo rắc nhiều thứ bệnh hiểm nghèo.

Chiến dịch chống muỗi khởi đầu từ năm 1902 do bác sĩ Giám-đốc Y-tế ở Klang đề xướng. Về sau Bác-sĩ Mal-

colm Watson, nổi danh về khoa chống muỗi trên Thế-giới đã nghiên cứu theo dõi tỉ mỉ về sinh hoạt, sinh sản của giống muỗi và tìm cách giết trừ chúng. Phương pháp giết trứng muỗi, tỏ ra rất hiệu nghiệm. Nửa thế kỷ sau bộ mặt của đời sống dân quê Mã-lai đã thay đổi. Về mặt khác, Mã-lai hội viên của hội nghị Genève năm 1912 về việc bài trừ nạn hút á phiện, đã cấm ngặt các tiệm hút và thanh trừng triệt để các đệ tử của nàng Tiên Nâu. Ông Bộ-trưởng Tài-chính H.S Lee cương quyết áp dụng những biện pháp cứng rắn để đào cho tận gốc mối nguy hại cho dân tộc ấy và bủa lưới chặt chẽ vây bắt bọn buôn thuốc phiện lậu.

Kết luận.

Dân Trung-hoa di cư mỗi ngày mỗi đông, an ninh của Mã-lai lại trở thành một vấn đề phức tạp hơn trước. Các phần tử du kích đều là giống nòi Trung-hoa. Ảnh hưởng Trung-quốc càng dễ bành trướng trong các giới Huê-kiều, vì cảm tình thiên nhiên giữa đồng chủng.

Vấn đề thứ hai là sự dị chủng gây nên nhiều khó khăn về mặt văn hóa, cũng như về chính trị. Bất cứ nhà cầm quyền nào cũng phải đề ý đến vấn đề trọng đại này.

Giải quyết được hai vấn đề trên là giải quyết được tương lai của Liên-bang Mã-lai vậy.

SONG-AN CƯ-SĨ

(Nhân ngày MERDEKA của MÃ-LAI)

31-8-1958

BÁCH KHOA XXXXVII

LẠI CHƠI CHIM

GIAN

Dẫn. — Bài của tôi viết hôm trước (Bách-khoa số 37) nói về « Thú chơi chim » đã đem lại cho tôi một vui mới trong nghề :

Sáng nay tôi được một ăn-sĩ túc học nhân mời... Khi bước chân vào nhà, tôi đã một phen giật mình : chim lồng lớn này, chim lồng bé này, nhà phố tuy nhỏ, hàng tư tuy nhỏ, mà chim là chim, mỗi thứ mỗi loại, lồng màu sắc khác nhau sắp đặt rất có thứ tự. Vào phòng khách, cũng là chim nữa. Trên bàn giấy, một chồng sách khảo về chim. Hôm nay, tôi đã gặp thầy !

Chủ nhân ông, khiêm tốn, đưa cho tôi một xấp nhỏ của ông mới soạn, nghiên cứu về chim yến.

Tôi lật đặt đem về, viết bài giới thiệu này gửi ngay Bách-Khoa.

Ước gì từ đây, thỉnh thoảng các bạn xa gần trong thú nuôi chim sẽ có món ăn tinh thần chinh cố, không phải như bài của tôi nhạt phèo lại thêm thiếu sót. Mà nói cho chính đáng, nếu không nhạt sao biết được cái mặn mỗi hôm nay.

Cần tự,
VƯƠNG-HỒNG-SÈN

Tái bút. — Bữa đi nghe lão Tch. diễn thuyết, tôi gặp một ông bạn thân, bác sĩ kiêm giáo sư Đại-Học, dạy rằng « trong cuộc đấu chim họa-mi », có một danh từ không thấy trong bài của tôi. Ấy là « sùy » để tả lúc con chim trống nhà sừng sộ ghen con trống lạ, sợ mất cục cưng mái.

« Sùy » theo Bắc, hay « Xùy » theo Nam, tôi xin kính cần ghi chép ra đây chắt vấn hải nội quân tử. Theo ý tôi, « Xùy » ắt do « Xuy » phát âm theo giọng Tàu (?) hay nói trại đi. « Xuy » là thổi. Tỷ dụ : Ngũ-Tử-Tư xuy tiêu khát thực. Trương-Lưu-Hầu xuy tiêu phá Sở binh.

LẠI CHƠI CHIM

Xuỵ đồng là ống bằng trúc bằng đồng thường dùng để thổi đàn bắn chim.

Còn một thuyết nữa: Xuỵ hay là « Xòe », như xòe tay, xòe cánh ? Chim trống thấy chim lạ, sợ mất vợ, nên tranh đấu. Trước khi tranh đấu, con chim nó « gáy » nó « xuỵ » hay là nó « phùng xòe », nó « xòe cánh » ? Chút vậy mà khó quá chừng !

Kính,

VƯƠNG-HỒNG-SÈN

CHIM YẾN

Chim yến vốn gốc ở quần đảo Canaries, Đại-tây-dương, nên người Pháp gọi là « Canari » (tên khoa học: Serinus canarius), người I-pha-nho và Bồ-đào-nha gọi là « canario ». Đảo Mandère và quần đảo Acores của Bồ-đào-nha cũng có giống chim này.

Yến trời nhỏ và mảnh dẻ hơn yến nuôi hiện nay. Lông xám xanh có ánh vàng, giống loại « thanh yến » nuôi trong lồng ; trước cổ và ngực màu vàng hơi xanh xanh ; trán, gáy, mi mắt, hai bên cổ và chỗ khấu đuôi màu vàng sẫm ; dưới bụng hơi trắng, hai bên sườn có vạch nâu sẫm. Lông cánh và đuôi màu nâu sẫm có điểm vạch xanh ánh vàng,

Yến ăn hạt nhỏ, mầm lá non, trái cây ngọt và chín mồm, nhất là sung, vả, lúc chín nứt ra ; nó ăn cả sâu và cũng nuôi con bằng sâu nữa.

Nó ưa thích những nơi có nước thường tắm hàng đàn ở những nơi ấy.

Mỗi năm yến đẻ bốn lứa, mỗi lứa độ bốn hay sáu trứng. Chim cha và chim mẹ đều tận tụy săn sóc nuôi con. Nuôi xong bốn lứa, yến bắt đầu thay lông ; đến gần mùa đẻ sau thì đã trón lông mượt cánh.

Yến làm ổ trên những cây ăn trái và thích lựa những chẽ (cháng) cây không cao lắm.



Người ta bắt đầu nuôi yến này từ đầu thế kỷ XVI. Đầu tiên ở Âu-châu, rồi lan sang Á-châu và sau cùng sang Mỹ-châu.

Người I-pha-nho khi chiếm được quần đảo Canaries bèn giữ độc quyền bán chim ấy đi khắp nơi. Lúc đầu còn hiếm, chỉ những bậc vua chúa quý phái mới có mà nuôi.

Vào khoảng hạ bán thế kỷ XVI, có một chiếc tàu I-pha-nho chở rất nhiều chim yến định mang sang Ý-đại-lợi, chẳng may bị bão, tàu va phải chỏm đá ở đảo Elbe, Địa-trung-hải, nên một phần yến xồng ra sống tản mác trên đảo. Nhờ hợp thủy thổ nên yến sanh sản rất mau chóng. Dân bản xứ dùng chim ấy làm nguồn lợi, xuất cảng đi khắp nơi : Ý-đại-lợi, Thụy-sĩ, và Đức, từ Đức qua Pháp, Thổ, Nga, Bỉ, Hòa-lan và Anh.

Hình như nuôi nhiều và tinh xảo nhất là người Đức. Sanh sản ở trong lồng năm này qua năm khác, sắc vàng ở yến lan rộng dần khắp thân thể chim, biến nó thành một loại yến vàng tuyền như ta thấy ngày nay.

Chim yến đã thành một mối lợi không nhỏ cho người Đức, người ta ước lượng hàng năm người Đức gửi ra bán khắp thế giới kể hàng triệu chim yến.

Người Đức dần dần chú ý đến việc gây riêng một loại yến hót. Nhất là ở vùng Harz, vì vậy Yến Harz là yến hót có tiếng hay nhất ngày nay. Người Đức lập hội nuôi yến, viết báo về yến, lập ra những kỳ thi tuyên yến hót để khuyến khích và phổ biến cách nuôi, gây thành một loại riêng biệt với những giọng hót khác hẳn yến trời.

Bây giờ hình như hầu hết Âu-châu đâu đâu cũng nuôi yến nhưng mỗi nơi nuôi với một mục đích khác nhau. Nước Đức và Ý nuôi chim hót, nước Anh chú ý đến màu sắc và hình dáng lẫn giọng hót, đến nay nước Pháp lại thiên về loại lông soăn (quần, không suôn sóng).

Vì khuynh hướng khác nhau nên người ta đã gây ra những yến càng ngày càng nhiều loại khác xa giống chim gốc ở Canaries.

Những yến ta nuôi ngày nay sanh sống ở trong lồng đã ngoài ba bốn thế kỷ nên đã trở nên một giống có thể xếp vào hàng gia cầm gia súc như gà vịt chim bồ câu, v.v.



Yến nuôi ở Đức.— Đức chuyên nuôi về chim hót nên không đề ý đến màu sắc và hình dáng. Có hai loại : Saxon và Harz, hình vóc như nhau, giọng hót cũng tương tự. Tuy vậy loại Saxon bầu con hơn, đứng ngả mình về đằng trước, khi hót cổ hơi phồng và mở mở. Loại Harz hình thon và cao hơn, đứng thẳng mình, khi hót cổ thật phồng và ngậm mở.

Ngày nay loại Saxon đã bị bỏ rơi và chỉ được coi như chim thường thôi. Duy còn loại Harz vẫn được săn sóc và chọn lọc kỹ càng đề giọng hót càng ngày càng được hoàn hảo thêm lên.



Yến nuôi ở Anh.— Những loại nuôi ở Anh là : Yorkshire, Lizard, Norwich, v.v. Phần nhiều những loại này đều to con nhưng dễ ít và nuôi con vụng.



Yến nuôi ở Bỉ.— Những yến nuôi ở Bỉ có hai loại : Malinois, chim to con, hót hay, thường người ta còn gọi là Waterslager, hót theo giọng hót Rossignol, theo tiếng thác reo, nước chảy, nước sôi... Loại này ngày nay ở Pháp cũng đang gây giống và gọi nó là Rossignol Ba-lê, và một loại đứng cong lưng hay gập lưng như người gù. Loại sau này lan sang Anh, trong khi ở Bỉ lại thờ ơ nên nay tại Bỉ còn rất ít.



Yến nuôi ở Pháp.— Loại lông soăn Ba-lê do loại soăn Hòa-lan gây ra. Cho được thật đẹp, người Pháp gây những làn lông soăn cân đối : ở lưng, ngang đầu vai lông soăn phải phồng to lên, lông ở hai bên ngực phải soăn châu vào giữa và phải phủ lên nhau làm cho giữa ngực như có một đường hồng. Con nào có một bên lông ngực soăn thôi thì mất giá trị. Lông trên đầu phải mượt sát xuống đầu, ở gáy quần ngược lên. Trông toàn thể con chim có thể mừng tượng một mỹ nhân Ba-lê về mùa đông giá lạnh quần một cái choàng lông lên cổ mình, dưới mặc một cái áo dài hẹp đáy để lộ hai chân mảnh khảnh bước lẹ trên lề đường.

LẠI CHƠI CHIM

Ngoài những loại riêng biệt kể trên đề ta rõ khuynh hướng của thú ưa từng nước, ít lâu sau này, người ta đều tỏ ra thiên về yến màu, màu nào càng mới lại càng trọng, như : Hồng yến (thật đỏ), hay Hắc yến (toàn đen). Về loại yến này đến nay nghe nói như ở Anh đã gây ra được rồi nhưng còn về số quá ít nên chưa mấy ai được trông thấy.

Lại còn có nơi vừa gây yến màu vừa tập hót giọng yến Harz. Khi nào có được loại yến gồm cả thính lẫn sắc thì ắt là khách yêu chim sẽ nô nức tìm chuộng.



Yến nuôi ở Nhật.— Rất gần đây, nhứt là từ đầu năm 1958, nhờ sự giao thông dễ dàng, nên có nhiều người có dịp qua xứ Phù-tang và đã đem về đây ít chim yến đỏ và ít kiểu lồng xinh xắn hoặc bằng thép hoặc bằng tre. Nhưng tiếc rằng trong những người có diễm phúc được viếng nước Nhật lại chưa thấy nhà yêu chim và chuyên môn chịu khó tìm hiểu phương pháp nuôi yến của người Nhật đã tiến bộ đến bậc nào.

Nhưng nếu căn cứ vào những cứ tình xảo của lồng chim Nhật, vào loại yến đỏ là loại mới nhất mà người Nhật đã gây trước các nước khác thì ta có thể tin rằng người Nhật ắt đã đạt tới bậc nuôi chim yến khoa học không kém các nước Âu-Mỹ.



Yến nuôi ở Việt-Nam.— Người Việt nuôi yến cũng đã lâu do người Tàu mang sang, nhưng ta chỉ thấy toàn hoàng yến thôi, cũng có lác đác ít thanh yến (vert), chừng vài chục năm gần đây ta cũng thấy yến trắng nữa.

Ít năm sau này đã có nhiều người mua yến màu ở Pháp sang nuôi như thanh yến (vert), yến lam (bleu), yến màu cà-phê sữa đậm (isabelle), yến lưng màu nâu lẫn đen dưới bụng đỏ sẫm (agate rouge) và hồng yến (rouge intensif). Các yến màu này đã có sanh sản tại Việt-Nam, nhưng kết quả chưa khả quan, vì phần đông người nuôi hơi vội chỉ muốn có nhiều chim con ngay để thủ lợi, chim mới qua chưa hợp thủy thổ đã cho sanh sản, và như thế chẳng những chim cha mẹ mau chết, mà chim gây ra cũng không được như ý muốn.

Lại cũng có người khi ghép chim không chịu khó chọn lọc màu sắc cho thật kỹ nên sanh ra rất nhiều chim vá lang, hủy hoại những giống chim riêng biệt mà người trước đã dày công tạo thành.

Khi nào thuật nuôi chim yến khoa học được phổ biến rộng rãi trong giới yêu chim, khi nào những sự lầm lẫn như trên chấm dứt thì khi ấy chúng ta sẽ đạt được kết quả mỹ mãn không thua các nước tân tiến.

GIAN

★ Người thủ lãnh chân chính bao giờ cũng tìm cách làm nhẹ bớt lỗi lầm của người trên và khi có thể, bao giờ cũng lấy làm sung sướng được bày tỏ cho người dưới biết sở dĩ gây được thắng lợi là do tự người trên.

THẾ HỆ J 3 Ở PHÁP VÀ ANH

CÔ-LIÊU

Thế hệ J 3 của Anh

Sự kiện đáng chú ý trong nền văn nghệ Anh-cát-lợi những ngày gần đây là bản tuyên ngôn của 8 nhà văn trẻ tuổi khai chiến với tinh thần bảo thủ của xã hội Anh. Với một luận điệu ngang tàng, thách thức, tám con mãnh hổ hô hào đập đổ những quan niệm của cha anh về văn nghệ, chánh trị, xã hội. Khác với tác phong của J 3 Pháp hoạt động lẻ tẻ trong lãnh vực của mình, J 3 Anh sát cánh với nhau thành một khối tác động như vũ bão khiến cho giới phê bình phải coi họ là những thanh niên phát khùng.

Bản tuyên ngôn ấy ra mắt công chúng dưới hình thức một cuốn sách nhan đề là « Declaration » (do nhà Mc Gibbon & Kee London xuất bản). Tuy có một vài nhà văn có danh tiếng không cộng tác vào cuốn sách này, như Kinsley Amis vì không muốn khua chuông gõ mõ rầm rộ, nhưng luận điệu chỉ trích dưới hình thức khôi hài chua chát của những tác phẩm ông viết cũng đặt ông vào nhóm J 3.

Bài tựa do Tom Maschier viết công kích những tờ báo bảo thủ danh tiếng nhất như tờ Daily Mail vì đã giới thiệu một nhà văn trẻ tuổi là một người « truyền đạo ở các tiệm cà phê đầu phố », tờ « Times Literary Supplement » vì đã viết rằng « chúng ta sống một thời đại om sòm mà đặc điểm của những cây bút trẻ tuổi cử khôi nhất là tính chất văn nghệ bạc nhược, xa lầy, lẫn lộn với hung hãn, bệnh hoạn, lập luận thì rối như bòng bong họ. »

Doris Lessing

Đứng đầu số là nữ sĩ Doris Lessing sanh năm 1919 tại Ba-Tư. Thiếu thời sống ở Nam Phi-Châu. Năm 14 tuổi cô thôi học. Bà mẹ muốn cô thành một nhạc sĩ dương cầm nhưng cô không nghe theo. Năm 18 tuổi bắt đầu viết. Doris Lessing lấy chồng, ly dị rồi tái giá. Giao thiệp với đảng xã hội và cộng-sản, nữ sĩ có một lập trường chánh trị rõ rệt : nữ sĩ chống lại sự phân biệt màu da tại Nam Phi nên bị trục xuất khỏi xứ ấy. Từ năm 1949 Lessing cho ra 6 cuốn tiểu thuyết, 6 phần liên tục của một bộ

truyện dưới nhan đề « Những đứa con của sự tàn bạo ». Năm 1956 Lessing chiếm giải Somerset Maugham. Lessing mở đầu bản tuyên ngôn với bài « Tiếng nói nhỏ của một cá nhân » trong đó nữ sĩ tuyên bố : « Thiết tưởng nghệ sĩ phải đem văn nghệ phụng sự một cái gì » nhưng nữ sĩ cho rằng « thừa nhận lý luận Mác-xít về xã hội và văn nghệ không phải là cho rằng văn chương chỉ là những truyền đơn nói về lao công, đình công và bất công xã hội ».

Đối với nữ sĩ, xu hướng hiện thực là hình thức cao nhất của thể văn xuôi, tuy nữ sĩ thiết tha với tự do cá nhân của văn sĩ.

Colin Wilson

Bài thứ hai là bài của Colin Wilson. Nhà văn này sinh tại Anh-Cát-Lợi năm 1931, tại một gia đình thợ thuyền. Ông viết cuốn « Một người thừa » (The Outsider) trong các tiệm ăn ở Luân-Đôn với ngưỡng vọng diễn tả tâm hồn của thời đại. Wilson là thứ người nếu đã bị ám ảnh bởi một định kiến thì không đề tâm đến cái gì khác. Triết lý của « Người thừa » là triết lý của người không tìm thấy chỗ đứng của mình trong xã hội, của người bị vò xé bởi lòng khao khát tự do mà luôn luôn phải tuyệt vọng vì bị bao vây bằng những mắt lưới dày đặc của mọi hình thức áp bức xã hội. Ngược lại với « Người thừa » là « Người đủ », đủ điều kiện để yên ổn vinh thân phì gia, không trách nhiệm, không lý tưởng, nhưng thỏa hiệp được với mình và với người. Quan niệm của Wilson có cái gì hợp với triết lý hiện sinh của Sartre, đó là triết lý của những người bất mãn với hết thảy mọi sự. Con người của triết lý hiện sinh cần dành lấy quyền sống,

con người thừa có trách nhiệm thức tỉnh đồng bào để ý thức được quan niệm tự do mà tự giải phóng. Một trở lực lớn lao cho sự tiến bộ là tôn giáo, « tôn giáo đã phản văn minh, ngày nay không thể có một sự tín ngưỡng siêu hình ».

Đó là phản ứng của nhà văn trước những hiện tượng xã hội quan trọng làm sáo động cuộc sống hiện đại.

Hãy khoan nói đến cách nhìn sự vật của ông. Ta hãy nhớ lấy điểm này : mỗi bận tâm hàng đầu của Wilson là những vấn đề xã hội, vấn đề tự do, vấn đề giải phóng con người.

John Osborne

Ngôi sao sáng hơn cả là John Osborne với thiên « They call it Cricket. »

Osborne sinh năm 1929. Nguyên là một diễn viên sân khấu. Tác giả những văn phẩm « Look back in Anger, » « The Entertainer » v.v...

Ông phản đối bom khinh khí của Anh, mạt sát đảng bảo thủ và khuyên nhủ lao động : « một đảng viên xã hội chân chính phải có óc cộng hòa ». Đối với ông tinh thần tồn cồ của người Anh rất đáng chê trách, từ tả sang hữu, giới trí thức đều hèn nhất cả, báo chí và đài phát thanh B.B.C. cũng chỉ có thái độ hẹp hòi. Nhà thờ có ảnh hưởng khốc hại đến quốc gia, đời sống cần lao cần phải cải thiện, văn sĩ cần cho đời sống hơn là chánh trị gia, vì thế ông chỉ đem ngòi bút phụng sự một phong trào chánh trị chứ không bao giờ vào một đảng chánh trị.

Mũi dùi của sự chỉ trích xuyên mạnh vào quyền thế Hoàng-gia :

« Chế độ Bảo hoàng là một tô cháo heo, một món ăn độc địa ». Xưa nay chưa ai dám viết những lời gay gắt như thế tại Anh quốc.

Osborne đã mạnh bạo khai chiến với chế độ quân chủ lập hiến. Giới quý tộc tức giận đến mất ăn mất ngủ trước dám công chúng cuồng nhiệt hoan hô nhà văn sĩ trẻ tuổi.

John Wain

Sinh năm 1925, cựu sinh viên Oxford, đã từng là giảng viên Anh văn tại trường đại học Reading, phê bình gia và đã viết báo. Mới đây ông xuất bản cuốn « Những người tranh chấp » (contenders) ông này cũng gào thét lớn tiếng như Osborne. Bản tuyên ngôn của ông nhan đề là « Trên sợi dây cứng » xác định quan niệm của ông về vai trò người văn sĩ chân chính trong xã hội hiện thời. Văn nhân phải có nhiệm vụ cải hóa xã hội, hành động thẳng tay không nhân nhượng. « Người nào không xát cánh với ta đương nhiên là người chống lại ta ». Châm ngôn của ông là : « thẳng tiến và can đảm trả lời « không chịu » cho những người ngu xuẩn mặc dầu họ quyền thế đến bậc nào. »

Kenneth Tynan

Kenneth Tynan xác định lập trường của ông trong bài « Sân khấu và cuộc đời. » Phê bình kịch, đã viết cho nhiều báo, Ông nổi tiếng vì một vở viết cho đài bá âm BBC : « The Quest for the Corbett. »

Tynan báng nhạo những cái gì dân tộc Anh cho là vinh dự, là cao đẹp. Ông báng nhạo tính tự ty mặc cảm

của người Anh đối với dân tộc Mỹ. Ông báng nhạo sân khấu Anh chỉ diễn những « vở kịch bộc lộ tinh thần phục tòng của quần chúng đối với Nữ hoàng Anh và Hoàng gia, với nhà thờ, nền đại học, xã hội thượng lưu ». « Không còn cái gì lỗi bịch bằng ! » : Ý ông định quét sạch cả những phong vị cổ kính « lỗi thời » ấy.

Trong nhóm còn có 3 người nữa là Bill Hopkins, Lindsay Anderson và Stuard Holroyd, đều có lập trường đề cao vai trò văn nghệ. Họ tin rằng nhân loại chỉ đáng tin ngưỡng một tôn giáo, ấy là văn nghệ đề cao lên hàng một tôn giáo. Sứ mạng cao cả của « tôn giáo văn nghệ » là cải tiến xã hội đem lại hạnh phúc cho loài người.

Một thế hệ J 3 tha thiết với tự do và quan tâm đến thực tại.

Thế hệ J 3 Anh cảm nghĩ khác thế hệ J 3 Pháp. Cùng là con người đứng trước những mâu thuẫn của thời đại, cùng một thái độ bi quan, cùng từ khước những giá trị tinh thần của một nền văn minh cổ kính, cùng bất mãn về kỷ cương xã hội, về thói đời đen bạc gây nên áp bức, bất công, đau khổ, nhưng thanh niên Pháp phản ứng một cách tiêu cực. Hoặc là trốn tránh thực tại, không tha thiết với những nhu cầu khẩn trương của đời sống mà quay về thăm vấn nội tâm để phiêu lưu trong một thế giới hình sắc kỳ quái lạ lùng, hoặc là tháo mạt đời sống bằng cách phơi bày những cạnh khía đốn hèn, sa đọa của con người trước dục vọng. Bề ngoài hoạt động sôi

THỂ HỆ J 3 Ở PHÁP VÀ ANH

nổi thực ra che dấu một tâm hồn lãng mạn bệnh hoạn. Mỗi bận tâm của họ là ái tình và danh vọng.

Đối tượng văn nghệ cũng như mỗi bận tâm hàng đầu của thể hệ J 3 Anh là những vấn đề chính trị, xã hội. Họ không thừa nhận lớp trật tự hiện hữu và khai chiến với tôn giáo, với giai cấp chỉ đạo, với Hoàng gia. Họ nhìn thẳng vào xã hội thực tại để nhận định những vấn đề khản trương và dốc nguồn sinh lực dồi dào vào cuộc tranh đấu bằng phương

tiện văn nghệ cho sự thắng thế của lý tưởng dân chủ theo quan niệm riêng của họ.

Ảnh hưởng của triết lý duy vật rõ rệt trong hệ thống suy tưởng của thể hệ J 3 Anh. Chúng ta không bàn đến giá trị học thuật của những tư tưởng ấy trong phạm vi bài này. Sự so sánh trên đây chỉ có ý làm thể hiện một vài điểm khác biệt của linh hồn dân tộc hai nước Pháp và Anh đối với những thách mắc của thời đại.

CÓ LIÊU

Phải tự cho mình là kém

Khổng-Tử đọc kinh Dịch, tới chỗ nói về quẻ «Tồn» và quẻ «Ích», bồng thở dài mà than một mình. Học trò là Tử-Hạ thấy vậy, liền hỏi :

— Tại sao thầy than thở như vậy ?

— Ôi tự cho là «Tồn» thì tất được ích thêm, mà tự cho là «Ích» thì tất gặp tai ương. Vì thế nên ta than thở. Tử-Hạ lại hỏi :

— Việc học cũng không thể làm cho «ích» thêm được hay sao ?

— Ta không nói sự «ích» thêm về đạo lý, vì đạo lý càng «ích» thêm thì thân mình càng thấy «tồn». Ôi, học giả tự mình biết tồn bớt lòng tự mãn để hư tâm mà nhận lời ngoài giáo huấn, mới thành người đầy đủ được. Rộng lớn thay đạo trời ! Khi đã thành thì tất có biến. Cho nên phàm tự đóng ở chỗ đầy để có thể giữ được lâu bền là việc chưa từng có. Và tự cho mình là giỏi thì lời nói hay của thiên hạ không thể lọt vào tai. Ngày trước, vua Nghiêu ở địa vị cai trị thiên hạ, mà vẫn cung kính giữ gìn để tiếp kẻ dưới, khiến tới ngàn năm mà vẫn còn thịnh, mãi tới ngày nay lại càng rõ rệt. Trái lại, ông Kiệt nhà Hạ, vua nước Côn - ngô, tự cho là đầy đủ mà sinh lòng quá quẩn, tự ý cứng rắn mà không có chừng mực, chém giết lê dân chẳng khác cỏ dại, đến nỗi thiên hạ cùng nổi lên chống đánh như thể giết đũa thất phu. Vì thế hàng ngàn năm, tội ác càng rõ, cho tới ngày nay cũng chưa sao hết.

KHÔNG-TỬ GIA-NGŨ

TIẾNG TA

VỚI SỰ PHỔ NHẠC và CÁCH HÁT NGÀY NAY

LƯU-NGUYỄN

THUỜ xưa, hoặc bị cảnh bên ngoài kích thích hay vì tình bên trong xúc động, nhà nghệ sĩ cổ sơ thốt ra những lời hùng mạnh hay êm đềm, những lời có một âm điệu đặc biệt: đó là những câu hát. Rồi người dùng nhạc cụ thô sơ sẵn có ở tầm tay họa theo: thế là nhạc chào đời; đó là thuyết vài nhà khảo cứu về nguồn gốc âm nhạc cho rằng nguồn gốc câu hát là câu nói, và câu hát là nguồn gốc của nhạc. Song cũng có vài nhà khảo cứu khác chủ trương rằng câu hát có trước, rồi do đó mới sanh lời nói; họ bảo rằng trước khi biết nói, loài người khi sợ, lúc mừng vui, hờn giận, đã phát biểu tình cảm mình bằng những tiếng lên cao, xuống thấp, kéo dài..., tức là bằng câu hát. Dù sao lời nói vốn có ảnh hưởng đến câu nhạc; riêng với tiếng ta, ảnh hưởng này lại rất sâu xa, bởi lẽ tiếng ta đặc tánh vốn đơn âm và có dấu

giọng, thêm vào lắm tiếng đọc giọng mũi và nhiều chữ có phụ âm chót.

I — Ảnh hưởng của đặc tánh đơn âm

Phần nhiều tiếng các nước đều đa âm; dân những nước này, khi muốn diễn tả một ý, một tình, chỉ phải dùng nhiều vần (1), lại trong một câu, còn lắm tiếng phụ, tiếng đầy đưa cho câu được rõ ràng, dễ hiểu. Chẳng hạn câu thơ Pháp này:

« Ceux qui vivent, ce sont ceux qui luttent... »

.
cần đến mười vần để diễn tả hai ý: sống (vivent) và chiến đấu (luttent).

Trái lại câu thơ ta — nhứt là thơ Đường luật — gọn cho đến nỗi không dư chữ nào; bót một chữ là câu thơ

(1) Tiếng Pháp: syllabe.

TIẾNG TA VỚI SỰ PHỒ NHẠC...

mất nghĩa hay tối nghĩa. Bao nhiêu chữ, thường là bấy nhiêu tình, bấy nhiêu ý, như :

« *Dấu lia ngó ý, còn vương tơ lòng* ».

(Nguyễn-Du)



Câu nhạc (2) ta cứ đều đều chậm chậm ; nhanh quá thì lời ca sẽ thành khó hiểu ; bộ thất âm hay âm-giai (3) đặc biệt của Á-đông thì thiếu một âm (4) âm thứ bảy (chúng tôi sẽ có dịp bàn luận thêm về âm thiếu đó, tức là âm si).

Đó là những trở lực khá lớn cho những ai muốn phồ nhạc (5) một bài thơ Việt, mà muốn cho nét nhạc bay bướm theo cảm hứng thiên nhiên.

Hơn nữa, muốn diễn tả cho hết một tình, một ý, nhạc sĩ nhiều khi phải dùng ít nữa là ba âm. Một câu thơ Pháp (như câu trên, mười vần gồm hai ý) có thể trở thành một câu hát dễ dàng ; câu thơ ta (mấy vần thường là mấy ý) với những chữ bình trắc, theo nhau như đã có một cung điệu sẵn sàng, nên muốn diễn tả thêm tình ý nghĩa là dùng nhiều âm thanh phồ vào một chữ cho bay bướm tùy hứng thú, thì rất khó.

Vì thế nhạc ta phải dùng đến *nhấn*. Bài ca đọc từng tiếng với thanh của nó, rồi phải ngân nga thêm ; chính nhờ câu ngân nga nó mới tả hết được tình, ý chứa trong tiếng vừa đọc ấy. Nhạc ta có nhiều cách nhấn để diễn tả các tình cảm, như *nhấn theo xuân, nhấn theo ai, v.v...*

II.— Ảnh hưởng của dấu giọng.

Ta hãy xét qua tiếng và nhạc Pháp, Anh, Mỹ, để so sánh với tiếng và nhạc Việt.

1.— *Tiếng Pháp* thì dấu nhấn (6) tuy có, song không cần phải rõ rệt. Tiết tấu hay nhịp nhàng (7), chỗ ngắt hơi (8) có, mà không hạn định một cách gắt gao, nên nhạc sĩ có thể kéo dài bất cứ một vần nào. Dấu giọng lại không, nên âm điệu (9) của câu nhạc không bị bó vào khuôn. Không dấu giọng như tiếng ta, tiếng Pháp nói lên thì có vẻ kém phần uyển chuyển, song phồ nhạc vào tiếng thì hơn tiếng ta ở chỗ một vần nào cũng có thể đưa lên cao hoặc xuống thấp mà chẳng mất nghĩa.

Vì thế phồ nhạc một câu thơ Pháp có nhiều cách bay bướm tự do làm cho câu nhạc dễ đẹp.

2.— *Tiếng Anh* dấu nhấn thật là rõ rệt ; nên nhịp nhàng nhứt định. Trong câu nhạc, một dấu nhấn phải ăn với một thì mạnh (10) của phách (11). Thí dụ câu :

I make a sudden sally.

Phồ nhạc một câu thơ đã có một nhịp nhàng nhứt định là một việc có phần khó là phải đặt dấu nhấn vào thì mạnh (*temps fort*) thì mới ăn ý với nghĩa câu thơ.

3.— *Một phần nhạc Mỹ* hiện đại, dưới ảnh hưởng của nhạc « jazz », có cái đặc sắc là phần tiết tấu (12)

(2) Phrase musicale.

(3) Gamme.

(4) Note.

(5) Mettre en musique.

(6) Accent tonique

(7) Rythme

(8) Césure

(9) Mélodie

(10) Temps fort

(11) Mesure

(12) Jazz

rất rõ rệt, còn phần âm điệu thì tự do. Đặc tánh của cách tấu nhạc này là nhịp xé nát (13). Câu thơ Mỹ (tiếng Mỹ rất gần với tiếng Anh) có nhịp nhàng định sẵn trong tiếng nhấn, song nhịp nhàng câu nhạc Mỹ lại không cần phải ăn chặt chẽ với nhịp nhàng câu thơ. Nếu một vần có dấu nhấn ăn với một thì yếu, nhạc sĩ cứ thêm vào chỗ ấy một nhịp ngoại (14) để dời thì yếu ra thì mạnh.

Có nhiều câu thơ Việt khúc mắc, tuy không có dấu nhấn, nhưng vẫn có nhịp nhàng *nhứt định* để dễ phân biệt nghĩa. Thí dụ câu thơ này của Thế-Lữ :

« Anh đi đàng anh / tôi / đàng tôi / ;

« Tình nghĩa đôi ta / có thể thôi / ... »
không thể nào đọc :

« Anh đi đàng / anh tôi đàng / tôi / ;

« Tình / nghĩa đôi / ta có thể / thôi /.

Câu thơ Việt lại có một nét trầm bổng nhứt định, như câu thơ trên :

— Anh đi | anh, tôi | tôi ;
 v ^ v ^
 đàng | đàng |

 có thể |

— đôi ta | thôi...

Tình | ^
 v |
 nghĩa |

nét nhạc (15) đã vạch sẵn ; hễ phở một nét nhạc khác tự do bay bướm theo cảm hứng thì trật dấu.

Vì thế câu thơ Việt buộc câu nhạc Việt phải có một nhịp nhàng và một nét nhạc chặt hẹp. Song đối với những bậc tài hoa, thì lắm khi cái duyên dáng của họ cho phép họ ngắt câu thơ một cách

hơi lệch kho mà vẫn được người nghe hoan nghinh hoặc vui lòng chịu.



Một trở lực khác cho sự phổ nhạc thơ Việt là những dấu trắc thượng khứ. Dấu trắc đề tả một thanh trắc, nghĩa là một thanh không đi bằng, mà uốn, quẹo : một cung đờn để diễn đúng được một chữ có dấu huyền (\) hay ngang (—), chớ khó diễn đúng một chữ có dấu trắc. Trong các dấu trắc, dấu sắc (/) dấu nặng (•) thì còn miễn cưỡng, chớ dấu hỏi (?), dấu ngã (~) thì quả người phổ nhạc thấy bị tù túng, trừ khi ta sáp nhập chúng vào một thanh khác.

Bởi lẽ nói trên nên câu hát nhiều chỗ không ăn khớp với câu nhạc (như bài *Vọng cổ* trước kia.) Điều này khiến người ca thêm vào câu thơ những tiếng ngân nga í í, á á, ừ ừ (xin xem « Việt-nam nhạc phổ » của Nguyễn - Xuân - Khoát) nó làm cho việc phổ nhạc thơ Việt khó mà thành công tốt đẹp cho mọi câu thơ và người đặt lời ca khó thể giữ được hết những dấu ngã (16).

III.— Ảnh hưởng của những phụ âm giọng mũi

Khi đọc *m*, *n*, *ng*, *nh*, ta để luồng hơi đi từ phôi qua lồng mũi ; *m*, *n*, *ng*, *nh* là những phụ âm giọng mũi.

(13) Temps déchiré : ragtime

(14) Syncope

(15) Contour mélodique.

(16) Phạm-Văn-Xung khi đặt lời ca cho bài hát « Mười điều luật » (*Vui chơi ca múa ; sách Hoa-mai của nhà Cộng-lực, số 42*) vì muốn tránh những dấu này thành đôi chỗ tối nghĩa.

Tiếng ta có rất nhiều phụ âm thứ này. Ta thử lấy một bài thơ như bài « *Gặt khúc Nam-ai* » của Nam-Trân làm thí dụ.

Bài thơ gồm 128 tiếng, mà có đến 61 tiếng có phụ âm giọng mũi.

Theo xưa thì ngân nga giọng trên những chữ *i... a...* nhưng bây giờ thì kéo dài mỗi chữ. Ta hát giọng mũi nhiều làm người ngoại quốc cho rằng ta hát dở.

IV.— Ảnh hưởng của phụ âm chót

1 — Nếu là *m, n, ng, nh* thì ta lớt trở lại ca trên.

2 — Nếu là *p, ch, t, c*, thì hoặc là : *i, o, ô, ơ, u, ư* những vần này rất ngắn, không thể kéo dài được.

Chắc có bạn sẽ cãi lại rằng ta cứ hát kéo dài chữ nguyên âm áp chót, song cách hát này sẽ làm những nguyên âm ngắn biến thành những nguyên âm dài, như :

ă → p sẽ thành ăp,

và â → t sẽ thành ât.

Ta lại gặp khó khăn hơn khi trước phụ âm chót là nguyên âm đôi như :

thước, nguyệt, suốt, tiếc, tuyến...

Gặp những tiếng này ta phải một là lướt qua mau lẹ nếu những tiếng đó ở giữa câu thơ *hai* là thêm tiếng ngân *i... a...* ngay sau nó nếu nó ở cuối

câu thơ và cuối nét nhạc cần phải ngâm thêm, quả là một sự miễn cưỡng.



KẾT LUẬN

Tiếng của ta, với những đặc tánh kể trên đã thành một cung nhạc sẵn có nếu phồ nhạc — và nhất là hòa âm — mà cứ phải giữ đúng theo bình trắc thì giảm bớt cái hay của âm thanh. Vậy, âm nhạc cũng như lời ca, lắm lúc cũng phải hi sinh cho nhau : âm nhạc muốn hay đôi khi phải bắt lời thơ phụ thuộc mình hoặc ngắt câu thơ tùy sự nhịp nhàng của nét nhạc, hoặc nhắc lại vài chữ hay cả câu thơ cho ăn ý với đà phát triển của nét nhạc. Còn muốn giữ lời thơ nguyên vẹn thì phải kéo âm nhạc về một mực thước, nghĩa là bớt sự bay bướm của nó, không khác gì cho chim bay. tận mấy trời mây, mà lại buộc cánh chim bằng một sợi dây tù hãm. Cũng may mà nhiều nhạc sĩ đã tìm ra những lối phồ nhạc khá thành công là tìm ra ý thơ để diễn tả tình ý đó trong nét nhạc bay bướm. Nét nhạc và nhịp tiết có làm suy suyền ít nhiều sự cơ cấu của chủ nghĩa nhưng đã cứu vãn được hồn thơ : đó là nỗi được duyên nghĩa giữa hai màu sắc, vốn khó dung hòa nhưng phải luân hồi chung một kiếp.

Ô-môn — Hàm-tân, giữa lòng một mùa Thu

LƯU-NGUYỄN

★ Tinh thần kỷ luật không những không làm cho nhân phẩm bị suy giảm, mà lại chỉnh lý nỗ lực và đưa tới chỗ điều hòa nỗ lực một cách êm đẹp, hanh thông.



LƯỢC KHẢO

VỀ

TAM QUỐC DIỄN NGHĨA

NGUYỄN-HUY-KHÁNH

Luận Gia-Cát-Lượng.

LƯU-Bị là vị hoàng đế chánh thống của Tam-quốc diễn nghĩa, nhưng thừa tướng Gia-Cát-Lượng lại là nhân vật nổi bật nhất, được tác giả chăm sóc nhiều nhất, và cũng được dân gian mến phục nhất, trong số mấy mươi hào kiệt lừng danh đời ấy. Hai tiếng Khổng-Minh ngày nay đã nghiêm nhiên thành đại danh từ của sự thông minh, trí tuệ; và Gia-Cát-Lượng cũng được coi là một trong những vị quân sư thượng thặng của vua chúa Trung-quốc, ảnh hưởng còn lẫn át cả Trương-Tử-Phòng, Từ-Mậu-Công.

Thế nhưng tại sao với tài năng quán chúng « thông thiên văn, đạt địa lý, hoán vũ hô phong, thần cơ diệu toán » ấy, Gia-Cát-Lượng lại không thể giúp Lưu-Bị « tam phân qui nhất thống » được ? Đó có lẽ là điều mà nhiều người còn thắc mắc khi đọc Tam-quốc diễn nghĩa ?

Ngày mà Gia-Cát-Lượng bước chân ra khỏi Long-Trung — thưa các bạn — ông mới chỉ là một thanh niên... vừa đúng hai mươi bảy tuổi xuân. Trong khi đó, Lưu-Huyền-Đức đã làm một ông già bốn mươi chín tuổi rồi. Thế thì, nhờ ma lực nào mà Khổng-Minh đã khiến Lưu-Bị phải « ba lần viếng lều tranh », vòng tay đứng hầu dưới thềm ?

Có người cho rằng « tam cố thảo lư » chỉ là chuyện bịa đặt. Sách « Ngụy lược » chép :

« Lưu-Bị đồn binh tại Phàn - thành, Lượng hay tin mới lên Bắc mà yết kiến Bị. Bị và Lượng vốn không quen biết, lại thấy tuổi nhỏ, nên đãi như những người học trò tầm thường khác ».

Tài liệu trên đây có lẽ không được chính xác lắm. Việc « tam cố thảo lư » chẳng những thấy trong « Thục Thư » thiên Gia-Cát truyện, mà còn cả trong

TAM QUỐC DIỄN NGHĨA

bài xuất sư biểu do chính Gia-Cát-Lượng viết ra :

« Tiên để chẳng cho thần là hèn hạ,...
...ba lần đến lều tranh »...

Như vậy chuyện « tam cố thảo lư » — hay ít ra việc Lưu-Bị cầu Khổng-Minh — là một chuyện có thật. Chứ không phải Khổng-Minh đến cầu cạnh Lưu-Bị như « Ngụy lược » đã viết.

Chúng ta có nhiều lý do xác đáng mà nói như vậy.

Đứng về phương diện tâm lý của những nhà nho — những kẻ cách sĩ — có tiết tháo mà xét, không bao giờ họ lại hạ mình — dù là hạ mình trước một ông vua — để cầu cạnh một chỗ ngồi. Huống chi, Lưu-Bị bấy giờ cũng chưa phải là một ông vua, mà chỉ là một viên tướng thất cơ lỡ vận.

Cứ nhìn vào tình thế thảm hại của Huyền-Đức lúc ấy cũng có thể hiểu được phần nào những việc đã xảy ra.

Trong khi Tào-Tháo đã chiếm Trung-nguyên, Tôn-Quyền được Giang-đông, thì Lưu-Bị vẫn còn lao đao lận đận, đã không có một địa bàn hoạt động cố định mà cũng không có một lực lượng hùng hậu. Lúc qua đầu Viên-Thịệu thì chỉ « một người một ngựa », mà khi về nương Lưu-Biểu thì cũng lơ thơ ít trăm tên quân xơ xác.

Một sự ủng hộ trong tình thế ấy, vô luận nhiều hay ít, đối với Lưu-Bị, đều rất cần thiết. Nhưng, vừa được Từ-Thứ thì Thứ đã vội đi. Bất cứ người nào, — ít ra nếu không muốn « chết già ở xó giường » trong hoàn cảnh đó đều phải « Kính hiền lễ sĩ, mộ hiền như khát. »

Nhưng, khiến cho Lưu-Bị phải « ba lần đến lều cỏ, vòng tay đứng dưới thềm mà hầu », theo chúng tôi, có lẽ còn do nhiều nguyên nhân bí ẩn hơn nữa.



Bấy giờ, Bàng-Đức-Công, người Tương-Dương vốn là lãnh tụ của các nhóm hào tộc vùng Hán-Miễn. Họ Bàng đã cùng với bạn thân Tư-Mã-Đức-Tháo và cháu là Bàng-Thống, họp lại thành một thế lực quan trọng trong vùng Tương, Phần. Gia-Cát-Lượng là người Lang-Nha (hiện là Nha-Thành, tỉnh Sơn-đông) chạy loạn đến đấy, bèn lấy tư cách hào tộc lưu vong mà tham gia nhóm họ Bàng. Về sau, Gia-Cát-Lượng lại đem chị ruột mà gả cho con Bàng-Đức-Công là Bàng-Sơn-Dân. Và chính bản thân ông cũng là rể của Huỳnh-Thừa-Ngạn, một danh sĩ phương Nam. Nhờ những quan hệ thông gia đó, Gia-Cát-Lượng đã nghiêm nhiên thành một phần tử của tập đoàn Bàng-Đức-Công. Họ Bàng là người có mưu lớn, bấy giờ đang tìm một nhân vật đủ tài đức để dựng nghiệp cả ở phương Nam. Nhưng, Lưu-Biểu, kẻ đương cai trị Kinh-Châu, dưới con mắt của nhóm họ Bàng, chỉ là một người « lực lực thường tài », không thể lo việc cả được. Mặc dù Lưu-Biểu rất mong được sự chi trì của Bàng-Đức-Công, ông này vẫn khôn khéo chối từ.

Vừa lúc đó thì Lưu-Bị đến. Có ba lý do khiến nhóm này chú ý Huyền-Đức :

Thứ nhất là họ Lưu có thể lấy danh nghĩa tôn thất nhà Hán mà suy động dân chúng một cách tương đối dễ dàng.

Thứ hai là họ Lưu tuy lỗ cơ thất vận, nhưng lại là kẻ hùng tài đại lược, có thể « định được thiên hạ ».

Thứ ba là ngoài con đường phò Lưu Bị, nhóm khó mà tìm một lối thoát nào tốt hơn. Trung-Nguyên thì vây cánh của Tào-Tháo đều đã an ngôi thứ, mà Đông-Ngô thì cũng không còn đất dụng võ cho nhóm.



Người ta thường chú ý đến việc Lưu Bị cầu Khổng-minh, mà hình như ít nhìn đến chỗ nhóm Bàng-Đức-Công bố trí kéo Lưu-Hoàng-Thúc vào lều cỏ. Nếu không có sự tán dương hết lời của Từ-Thư và sự quảng cáo khôn khéo của Từ-Mã-Huy, thì chưa chắc đã có chuyện « vòng tay đứng dưới thềm mà hầu » ? Trên thực tế, nếu Lưu-Bị cần đến sự giúp đỡ về tiền bạc, lương thảo, nhân tài của nhóm này, thì nhóm này, ngược lại, cũng đâu phải là không muốn nhờ ở tài mưu bá đồ vương, và danh nghĩa tôn thất của Lưu-Bị. Hai bên đều thấy cần phải nương tựa vào nhau để mà mưu đồ đại sự. Do đó, dĩ nhiên là họ phải tìm đến nhau, và dĩ nhiên là họ cũng phải dùng mọi cách để cho đối phương tin nhiệm mình tuyệt đỉnh.

Phàm một người tài muốn được người ta dùng, làm cho người ta « biết » không bằng làm cho người ta « kính », mà làm cho người ta « kính » lại không bằng làm cho người ta « cầu ». Gia-Cát-Lượng và nhóm Bàng-Đức-Công biết rõ lẽ đó, cho nên một mặt, họ hết sức ca tụng Khổng-Minh, nhưng mặt khác, Khổng-Minh lại tìm cách « làm nể, làm sợ » v.v..

Ấy là họ muốn làm cho người ta « cầu » mà dùng vậy. Tưởng đó cũng là một cách tiến thân xảo diệu.

Chúng tôi nghĩ Lưu-Bị phải hiểu lẽ đó lắm. Cho rằng một người « sạch đời » như Lưu-Bị mà không hiểu được dụng ý của nhóm họ Bàng, thì sợ e nông nổi quá. Biết, nhưng Lưu-Bị vẫn « ba lần đến lều cỏ, vẫn vòng tay đứng dưới thềm mà hầu ». Đó một phần cũng là vì Lưu-Bị đang cần người, cần sự giúp sức của nhóm họ Bàng, nhưng phần khác cũng chính để tỏ cho họ Gia-Cát-Lượng và nhóm họ Bàng thấy hết lòng chân thật « mộ hiền như khát » của mình. Nếu Gia-Cát-Lượng biết làm cho người ta phải « cầu mà dùng », thì Lưu-Bị há chẳng biết « nhả cơm xỏ tóc » để cho người ta hết lòng phò mình hay sao ? Cứ xem thái độ « cút cung tận tụy, đến chết mà thôi » của Khổng-Minh sau này thì thấy rõ dụng ý của Lưu-Bị trong khi « tam cố thảo luận ». Thật là bên nể cân, đằng tám lượng.



« Tam-Quốc-Chí, thiên Gia-Cát-Lượng truyện » có đoạn chép :

« Vừa gặp Lưu-Bị, Gia-Cát-Lượng liền hỏi :

— Ngài xem Lưu-Biêu có thể sánh với Tào-Tháo chăng ?

Bị đáp :

— Không thể.

Lại hỏi :

— Thế còn ngài ?

Lại đáp :

— Cũng không thể.

Lượng nói :

— Dĩ nhiên là không thể. Vì lực lượng của ngài chỉ có vài ngàn người, làm sao cự nổi với binh Tào mấy mươi muôn ?

Đến đây, Gia-Cát-Lượng mới chịu hiến kế.

Về việc này, Tam-quốc diễn-nghĩa có đoạn viết rất hấp dẫn :

« Khổng-Minh nói :

— ... Nay Tào-Tháo đã cầm binh bá vạn, lấy thế thiên tử mà sai khiến chư hầu, thì chưa nên tranh phuông với va. Tôn-Quyền chiếm cứ Giang-đông trải đã ba đời rồi, nước đã hiểm mà dân lại theo, ấy thì nên dùng binh viện, chớ không nên đánh.

Đất Kinh-châu phía bắc có sông Hán-Miền ngăn trở, lợi trọn Nam-Hải, phía đông liền với Ngô-Hội, phía tây thông với Ba-Thục, ấy là một chỗ đất dụng võ, nếu không đáng chúa thì giữ không đáng chỗ ấy, tướng quân có ý đó chăng ? Đất Ích-châu hiểm trở, ruộng đồng ngàn dặm, ấy là nước Thiên-phủ. Cao-Tổ xưa kia cũng nhờ đó mà nên nghiệp đế ; nay Lưu-Chương suy nhược, dân đông nước giàu mà chẳng biết thương xót, kẻ trí người hiền đều ao ước cho đặt mình quân, tướng quân là dòng dõi nhà vua, tin nghĩa rãi khắp bốn biển, tom góp người tài, trông người hiền như khát nước, nên gồm cả Kinh-châu và Ích-châu mà giữ lấy hiểm trở, phía tây thì hòa với Hán mọi, phía nam gồm trí đất Việt, ngoài thì kết với Tôn-Quyền, trong thì trau giồi nhưn chánh, đợi cho thiên hạ sanh biến rồi thì sai một viên thượng tướng đem hết binh Kinh-châu qua Oản-lạc, còn tướng quân thì bốn thân dẫn hết chúng binh Ích-châu mà ra ngả Trần-xuyên,

thì bá tánh ai lại không đai cơm bầu nước mà rước tướng quân ?... »

Chưa ra khỏi Long-trung mà đã thấy được « thiên hạ tam phân », và định rõ chánh sách đối nội đối ngoại cho Lưu-Bị, Gia-Cát-Lượng quả là một bậc kỳ tài hiếm có trong thiên hạ vậy.



Quyết sách của Gia-Cát-Lượng có thể gồm trong ba điểm lớn :

Chiếm Thục, hòa Ngô,
An nội, khuếch ngoại,
Bình Man, phạt Ngụy.

Theo tình thế của Lưu-Bị lúc ấy mà xét, ba quyết sách đó rõ ràng là xác đáng và cao minh. Suốt đời, Gia-Cát-Lượng đã hết sức cố gắng thực hiện đường lối ấy, nhưng tiếc thay ! ông không thành công được trọn vẹn. Tuy nhiên chúng ta cũng chớ vội đem thành bại mà luận anh hùng.

Cần nên đi sâu vào từng quyết sách một để có một sự phê phán chắc chắn.

Trước nhất là « chiếm Thục hòa Ngô. »

« Chiếm Thục » thì có thể tạm gọi là đã thành công. Nhưng « hòa Ngô » thì cần phải xét lại kỹ. Tuy Ngô-Thục vẫn duy trì được mối giao hảo với nhau cho đến gần hết đời Tam quốc, nhưng trên khoảng đường dài ấy, đôi khi giữa hai nước đã xảy ra nhiều cuộc va chạm đổ máu, mà trong đó chịu tổn thất nhất lại là Thục. Tự nhiên đó cũng một phần là do lỗi của phía bên Ngô. Nhưng phần lớn phải nói là do phía Thục. Lỗi lầm không phải là do Khổng-Minh, nhưng dù sao

Ông vẫn không khỏi phần trách nhiệm liên đới.

Sự thật, trước sau, ông vẫn giữ vững chánh sách liên Ngô đúng đắn đã vạch ra, nhưng bây giờ, phe liên Ngô lại yếu thế hơn phe phản Ngô, mà đứng đầu là Lưu-Bị, Quan Vũ, Trương-Phi. Phải! Kẻ phá hoại sự liên minh Ngô-Thục lại chính là ba anh em Lưu-Quan-Trương. Ở chỗ này, có đáng trách Khổng-Minh chăng là điểm « cả nể » chớ còn tất cả trách nhiệm nặng nề đều là thuộc về ba người « Vườn đào kết nghĩa. »

Nếu Quan-Vũ không kiêu căng ngạo mạn, thì Kinh-châu chưa đến nỗi thất thủ. Và nếu Lưu-Bị, Trương-Phi không quá nóng nảy, hoảng hốt, thì cũng đâu phải bị đốt rụi bảy trăm dặm dinh trại tại Di-lăng?

Hai trận thất bại liên tiếp đó là hai đòn đả kích hết sức nặng nề đối với Thục Hán. Đến nỗi Lưu-Bị phải buồn rầu sanh bệnh mà thác!

Ở đây, tưởng cũng nên nhận rõ sự vững vàng tay lái của họ Gia-Cát.

Ngô đã cướp Kinh-châu, giết quan Vũ, đốt rụi bảy trăm dặm dinh trại của Thục, thế mà Thục vẫn duy trì chủ trương « hòa Ngô ». Trong tình thế đó, ngoài Khổng-Minh ra, có lẽ ít người đủ sáng suốt và bình tĩnh mà hành động như vậy. Nhờ đó mà Thục mới có thể vượng lại được. Chớ nếu hốt hoảng, cự Ngụy, cự Ngô, thì có lẽ truyện Tam-quốc đã không dài đến 120 hồi.



Giờ đến « an nội, khuếch ngoại ».

Xét về tài cai trị, Khổng-Minh cũng là một người xuất chúng.

Làm cho đất Thục « thiên hạ chưa loạn, Thục đã loạn » [thành một vùng « đồng ruộng trù mật, kho lẫm đầy, khí giới bén, gia súc nhiều, chợ không người say »,... « cửa roi ngoài đường không ai nhặt, mạnh không hiếp yếu, phong hóa tiêu nhiên », không phải là việc mà ai cũng thực hiện được. Sử chép rằng Gia-Cát-Lượng trị Thục thì « dưới từ cầu kỳ, đường sá cho đến giếng ao, cống rãnh, không chỗ nào là không được sửa chữa lại. »

Ích-châu là đất cũ của Lưu-Chương. Việc dùng người của Lưu-Chương để lại là cả một vấn đề khó khăn, phiền tạp. Thế mà Gia-Cát-Lượng đều giúp Lưu-Bị giải quyết ổn thỏa.

« Chiêu-liệt truyện » có đoạn chép:

« Đồng - Hòa, Huỳnh - Quyền, Lý - Nghiêm,... vốn là tay chân của Chương; Ngô-Nhất, Phí-Quang... cũng là thông gia của Chương; Lưu-Ba vốn không ưa Lưu-Bị; nhưng tất cả đều được giao phó cho những trách vụ xứng đáng và đều nỗ lực làm việc... »

Trần-Thọ, trong Tam-quốc-chí, cũng phải thừa nhận:

« Gia-Cát-Lượng làm tướng quốc thì võ về bá tánh, đặt nghi pháp, bày quan chức, tòng quyền chế, mở thành tâm, bố công đạo. Kẻ tận trung dù thù cũng thưởng, người phạm tội dù thân cũng phạt... Việc lành không có một việc nhỏ nào mà không ban thưởng, việc ác không có một việc nhỏ nào mà không trừng trị... »

Việc « Khổng-Minh gạt lệ chém Mã-Tắc » và tự biếm mình xuống ba bậc sau khi thất Nhai-đỉnh đã chứng minh nhận xét của Trần-Thọ là rất đúng.

Nhờ nội trị ổn định, Thục mới dần dần mở rộng được bờ cõi. Tiếc thay ! Tương-dương quận vừa lấy được thì Kinh-châu lại mất !



Quyết sách Bình Man phạt Ngụy cũng chỉ thực hiện được một nửa.

Khổng-Minh đã « thất cầm Mạnh-Hoạch, bình Man thành công rực rỡ, nhưng khi phạt Ngụy thì lại không được may mắn như thế.

Trần-Thọ phê :

« Lượng lo việc trị dân giỏi hơn làm tướng... cho nên tuy năm nào cũng động binh, mà vẫn không được gì. »

Đại-Hồng-Lô Trương-Nghiêm (Ngô) thì bảo : « Gia-Cát thừa tướng quả có tài khôn tá, nhưng với một xứ nhỏ hẹp, nghèo khô, binh sĩ không đầy năm vạn, nếu bề quan tự thủ thì có thể quần thần vô sự... chớ còn năm nào cũng chinh phạt, rốt cuộc vẫn không chiếm thêm được một tấc đất nào... »

Chúng tôi thấy những lời phê đó chưa được chính xác lắm.

Bảo Gia-Cát-Lượng giỏi việc trị dân hơn làm tướng ư ?

Đốt binh Tào nơi Xích-Bích, chiếm Tây-thục, bình Nam-Man, chưa đủ chứng minh thiên tài quân sự hiếm có ấy sao ?

Chính Tư-Mã-Ý còn phải than :

« Khổng-Minh thiệt là kỳ tài trong thiên hạ. »

Thiên tài quân sự lỗi lạc của Khổng-Minh, chúng tôi nghĩ không cần phải nói nhiều, mọi người đều thấy rõ quá rồi .

Còn bảo rằng « không được gì » thì quả là quá đáng. Nếu nói được, Ngụy thì chưa được chữ ít ra cũng đã được một Khương-Duy sống, một Trương-Hấp, một Vương-Song chết, và nhất là được cả dân số ba quận : Nam-an, Thiên-thủy, An-định, và đất đai hai quận : Vũ-quận, Âm-binh.

Nhận xét của Trương-Nghiêm có phần sâu sắc hơn, tuy chưa hoàn toàn đúng.

Thật vậy, cứ theo tình thế của Thục bấy giờ mà xét, thì Thục chưa nên vội đánh Ngụy. Chúng tôi nói « chưa nên vội », chớ không nói « không nên. » Lý ra, Thục nên đợi « cho thiên hạ sanh biến rồi thì sai một viên thượng tướng đem hết binh Kinh-châu... »

Điều này, chính Gia-Cát-Lượng đã thấy rõ từ khi chưa ra khỏi Long-Trung. Nhưng tại sao khi lục xuất Kỳ sơn lại quên đi ? Phải chăng vì ông đã quá nặng lòng bởi lời thác cô của tiên đế, mà sanh ra « cấp công » ? Máy câu trả lời cho Dương-Ngung của ông tướng cũng có thể cho thấy phần nào tâm trạng đó. Khổng-Minh nói :

— Chẳng phải là ta không biết điều ấy, ngặt vì lãnh lời thác cô của tiên đế rất trọng cho nên cứ sợ người khác không hết lòng bằng mình.

Gia-Cát-Lượng là một người cầm binh hay, trị binh giỏi, mưu mẹo nhiều, nhưng đứng về phương diện chiến lược mà xét, sáu lần liên tiếp xuất Kỳ-Sơn, ông đã phạm lỗi lầm không nhỏ. Giá như ông chịu kiên nhẫn « chờ thiên hạ sanh biến, rồi thì sai một viên thượng tướng... » thì hay biết mấy. Xưa kia,

Hán-Cao-Tổ cũng nhờ nắm vững chiến lược đó mà được thiên hạ.



Tuy nhiên, xét vấn đề phạt Ngụy không thành công, chúng ta còn phải xét đến tình hình chung của Thục, và so sánh lực lượng giữa Thục và Ngụy lúc bấy giờ. Bởi vì, không diệt được Ngụy, lỗi của Gia-Cát chỉ là phần nhỏ, mà nội bộ suy nhược của Thục trước Ngụy cường mạnh mới là nguyên nhân chính yếu.

Thực ra, dù cho Gia-Cát-Lượng có « chờ thiên hạ sanh biến », mà nếu không khắc phục được sự bất lực của triều đình Tây-Thục thì cũng khó mà nên việc lớn. Hậu chúa Lưu-Thiện lại là một ông vua con nít, khờ khạo quá?

Còn nếu đem so sánh lực lượng thì quả là rất chênh lệch. Bắc Ngụy rộng đến 12 châu, trong khi Tây-Thục chỉ có hai châu. Về nhân lực, dân số của cả hai nước Ngô, Thục nhập lại cũng chưa bằng Bắc-Ngụy.

Với một lực lượng như vậy, mà giữ được cho « quân thần vô sự » thì kẻ đã là tài ba lắm rồi. Chớ còn muốn thôn tính gấp Bắc-Ngụy thì thật là một việc chưa thể làm được.



Gia-Cát-Lượng là một kỳ tài, nhưng việc phạm lỗi lầm vẫn đâu ai tránh

khỏi. Đáng nói nhất là ông rất ít chú ý bồi dưỡng và cân nhắc đúng mức người tài. Nói không đúng mức nghĩa là cũng có làm, nhưng chưa đủ. Về chỗ này, ông chưa bằng Trương-Lương và Tiêu-Hà. Bảo rằng ông bị chỗ thân tình giữa Lưu-Bị và Quan-Vũ, Trương-Phi cản trở, thì trước kia Lưu-Bang lại không có Phàn-Khoái sao? Còn bảo bấy giờ không có người tài bằng Hán-Tín, thì điều đó còn phải coi lại kỹ. Chắc ai cũng nghĩ đến Triệu-Tử-Long, một danh tướng một đời chưa thua một trận nào, đã có dũng, lại có mưu, có đức.

Không chú ý cất nhắc, giao việc cho người, tự nhiên sanh ra bao biện. Đến cả việc sổ sách, ông cũng tự tay làm lấy « thức khuya dậy sớm, việc gì cũng đều coi sóc hết... »



Lòng trung của Gia-Cát-Lượng thì không còn ai có thể nghi ngờ được; thật là « cúc cung tận tụy, đến thác mà thôi, một đời thanh bạch, không chút bợn nhơ. »

Lời của cụ Đồ-Chiêu « thương ông Gia-Cát-Lượng tài lành » chính xác biết bao !

NGUYỄN-HUY-KHÁNH

★ Nếu người phụ tá chỉ biết thừa hành mệnh lệnh mà không tìm hiểu các mệnh lệnh ấy ; nếu người phụ tá không đi tới chỗ thông cảm tư tưởng của người thủ lãnh, uy quyền thế tất trở thành mỏng manh và phương hại nghiêm trọng tới mục đích định thực hiện chung.

TIẾNG ĐỊA PHƯƠNG

BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í

VIII

Một bạn đọc gốc ở Quảng-ngãi, nhưng hiện sinh sống ở Hậu-giang miền Nam, biên thư về hỏi chúng tôi điều sau đây :

Ở Hậu-giang có một thứ cây tên là cây *lâm-dồ*. Cây ấy giống cây bồ đề, lá đậm đen, có mủ rất dính, mủ dùng để bẫy chim.

Ông bạn hỏi ở quê Quảng-ngãi của ông bạn có thứ cây ấy hay không, và nếu có thì nó tên là cây gì.

Một trong hai chúng tôi là người miền Trung và từng sống ở xứ Quảng khá lâu, nhưng cũng không đáp được câu hỏi trên đây nên đã có thư hỏi vài bậc đàn anh và bạn bè ở Nam-Ngãi, song trót thảng rồi, mà chưa được tin gì. Vậy xin « công bố » thắc mắc của ông bạn lên đây, yêu cầu quý bạn đọc vùng Nam và Ngãi đáp hộ. Đa tạ.



Xin đáp chung các bạn đọc tham gia sưu tầm danh từ địa phương rằng những danh từ nào mà quý bạn gửi về, lại không thấy đăng lên, thì tức là vì chưa có dịp hoặc những danh từ ấy toàn quốc biết, chúng tôi phải loại nó ra, vì ta chỉ sưu tầm danh từ *địa-phương* thôi.



Xin đăng gán nguyên văn một bức thư bạn đọc :

« Bách-Khoa số 42, nơi mục, « Danh từ địa phương miền Nam », anh có định nghĩa chữ **Rối** như sau :

Rối (*danh từ*) : nghề buôn cá đông bằng thuyền.

Tôi có mấy lời minh xác với Anh về điều ấy :

Định nghĩa về chữ *Rối*, theo thiếu ý, sai hẳn. Đối với những người ở ven bờ sông Bà-lai, Hàm-luong, Cồ-chiên (Tỉnh Kiến-hòa Bến-tre cũ), « *ghe rối* » chỉ những thứ ghe nhỏ, nhẹ, không mui (sợ cản gió, đi chậm) có 6 hay 8 chèo. Khi nước ròng thả ra cửa biển đón mua cá biển để rồi ráp nhau chèo như là thi đua về bán nơi các vùng đông dân cư ở ven bờ sông. Vì tranh thủ thời gian, vì sợ :

« *Cá lên khỏi nước cá trơn* »,

Nên « *ghe rối* » đi như gió, gần đến một chợ nào thì túc tù-và lên, để người trong vùng đó hay chạy ra mua cá biển (cá đuối, cá rựa, cá chim...) có khi vào lối một hay hai giờ đêm. Cuộc mua bán thực hành trong chớp nhoáng dưới ánh đuốc của bạn hàng, để rồi ghe rối tiếp tục cuộc hành trình mau lẹ ấy cho đến khi hết cá.

Còn ghe bán cá đồng thì tính chất nó khác hẳn. Ghe lớn, mui rộng, lòng sâu chứa cá đồng như: lóc, rô, trê... ghe đến một chợ nào đậu lại cả một đôi ngày đợi khi nào hết khách mới đi đến một chợ khác. Sự mua hòa hườn, di chuyển, chậm rãi; cá có chết thì các nhà lái có sẵn muối để xẻ cá làm khô.

Với nhận xét trên, tôi thấy rằng ghe rối để chỉ « *nghe buôn cá đồng* » bằng thuyền có lẽ là sai vậy. »

Nguyễn-Văn-Thà

Thơ ký Tòng-Ngân-Khố
Sài Gòn



Ông bạn Nguyễn-Văn-Thà, một đồng nghiệp cũ của chúng tôi đã giúp ích thật nhiều bằng bức thơ trên đây. Thế là ta đã có đến ba nghĩa khác nhau với chữ *rối* (nghĩa thứ nhì do ông bạn Đoàn-Chiêu-Anh ở Bình-thuận mách, và đã đăng ở kỳ VII.)

Và xin thưa với ông bạn Nguyễn-Văn-Thà là định nghĩa của chúng tôi thiếu sót chớ không sai. Có làng ai cũng sống về nghề « *đi kẹo* » và « *đi rối* » cả, mặc dầu dân làng ấy không hề biết biển ra sao.

Xin nói rõ lại là nghĩa I mà chúng tôi nêu ra đó là nghĩa thông dụng ở năm tỉnh miền Đông (trừ Baria). Ở đó, người ta không buôn cá biển được, vì không có biển, nên người ta buôn cá đồng, bằng *ghe lớn*. Ở miền Đông, ghe rối chỉ là một chiếc ghe thường, thứ chở củi, hay ghe gì cũng được, miễn là phải đi xuống *vườn* và phải buôn cá đồng.

Dầu sao, nhờ thế mà bạn đọc biết được rằng riêng ở miền Nam không mà thôi, một danh từ cũng mang nhiều nghĩa, thay đổi từng vùng.

Rất mong nhiều bạn khác tham gia bổ chính như ông bạn Nguyễn-Văn-Thà đây. Chúng tôi đã nói ở kỳ I là làm tự điển không nên làm một mình, và tự điển nào chỉ do một cá nhân làm ra, thì thiếu sót rất nhiều.

Chú ý : Nghĩa tiếng *rối* của bạn Nguyễn-Văn-Thà cho biết, giống nghĩa tiếng *xối* ở Nam-Trung, đăng kỳ rồi.

Danh từ địa phương miền Nam

Bình-Nguyên-Lộc và Nguyễn-Ngu-Í sưu tầm và định nghĩa

(Soạn giả giữ bản quyền, nhưng các nhà làm tự điển được trích tự do, khỏi phải hỏi)

VIII

Xoàn (danh từ) Thường dùng với tiếng hột : Đeo hột xoàn, buôn hột xoàn.

Hột xoàn là tiếng miền Nam chỉ bảo vật Kim-cương. Ai cũng ngỡ đó là một tiếng Nôm, nào ngờ đâu là một tiếng Hán-Việt, nói đúng ra là một tiếng Tàu mà ta mượn nguyên âm đọc.

Ông Vi-Huyền-Đắc, nhà soạn kịch mà cũng là nhà làm tự điển cho chúng tôi biết rằng tiếng xoàn là tiếng Trung-hoa đầu của hai tiếng Toàn-thạch : Kim-cương. Họ đọc là xoàn xut.

Ta mượn nguyên âm đọc, nhưng không mượn cả hai tiếng mà chỉ mượn tiếng đầu thôi.

Về lối mượn này, ông Nhất-Linh cũng có cho biết rằng tiếng rau dền mà ai cũng ngỡ là tiếng ta thuần túy, lại cũng là tiếng Tàu, mượn nguyên âm. Ở bên Tàu, người Trung-hoa gọi thứ rau ấy là dền xôi.

Phải nói rõ là ở bên Tàu, nếu không, có bạn sẽ cho là người Trung-hoa đến đây, không có tiếng để gọi rau ấy nên mượn tiếng dền của ta.

Tào-cáo (danh từ ghép) Nhân viên lưu động của sở quan thuế, chuyên đi bắt rượu lậu, thuốc lậu ở nhà quê.

Tiếng tào-cáo cũng cùng một lối tạo thành như hai tiếng Xoàn và Dền.

Theo cụ Tô-Phương-Sâm, thì tào-cáo là thổ ngữ Triều-châu đọc trại. Người Triều-châu đọc là Toa-Cáo.

Mà Toa-Cáo viết ra chữ Hán là Đại Cầu, tức là con chó to.

Tiếng Tàu đây là tiếng lóng, không có trong các tự điển Trung-hoa.

Nguyên xưa kia tào-cáo trong Nam toàn là người Pháp, và tiểu thương trong thôn quê phần lớn là người Triều-châu.

Người Triều-châu bị những viên chức Pháp ấy làm khổ nên căm thù, thành thử mới có cái tiếng lóng khinh miệt ấy mà ta mượn gồm nguyên.

Có một nhận xét ngộ nghĩnh này của cụ T.P.S. là miền Bắc gần Trung-hoa hơn, nhưng miền Nam lại chịu ảnh hưởng Trung-hoa nhiều hơn.

Ảnh hưởng nói trên thật là dễ hiểu. Nhưng đó là một câu chuyện khác.

Sân-si (động từ ghép) ở miền Bắc sân-si là giận dữ (theo V.N.T.Đ.)

Liệu năn-nỉ, chớ sân-si thiệt đời.
Nguyễn-Du

Ở đây sân-si là cái lại bề trên một cách vô lễ.

Thầy ký à, thầy không được phép sân-si với ông phán đầu tòa đa nhé!

Động từ ghép này gồm hai tiếng Hán-Việt, nhưng được thông dụng trong giới bình dân, đến đời nói mãi, nghe quen như là tiếng ta thuần túy.

Tam xâu bạch xát (thành ngữ) Có bộ bo-phờ một nhọc và như mất hồn.

Bữa nay, sao coi bộ mầy tam xâu bạch xát như vậy?

Thành ngữ hay tính từ ghép này chỉ có người ít học mà sính nói văn hoa mới dùng và dùng với nghĩa nói trên. Nguyên nó ở thành ngữ: *Tâm sâu bạc tóc ra mà ra. phát = Lòng sâu đến bạc tóc ra mà ra.*

Đông (động từ) ông Huỳnh-Nhâm ở Hội-an có mách thêm chúng tôi vài nghĩa của tiếng *rong* đã định nghĩa ở số 39. Nhưng, những nghĩa mà ông H.N. mách cho đó toàn quốc đã biết thì không cần ghi vào đây.

Nhưng ông H.N. lại cho rằng tiếng *đông* của miền Trung (mà chúng tôi thấy rằng miền Nam cũng hiểu như thế) là do tiếng *rong* miền Bắc mà ra; chúng tôi không đồng ý, nên xin thương xác lại bằng cách làm nổi lên sự khác nhau của hai tiếng ấy trong định nghĩa dưới đây:

I Đi mất dạng: *Tôi vừa mắng nó, nó đã đông mất.*

II Đi thật mau: *Nó đông một hơi thì về tới nhà.* Tiếng *dong* miền Bắc (do *rong* nói trại ra) không có dấu ^, thì không thể dùng thay cho *đông* của miền Trung và miền Nam được như ông H.N. đã nói.

Dong hay *rong* lại có nghĩa khác xa với *đông*. Rải rác kéo dài nhiều nơi hay lâu ngày: *Dong chơi, hàng rong, thả rong, đi rong phố.*

Chục có đầu (thành ngữ có giá trị như một danh từ) Tá, nghĩa là 12 đơn vị của một số đồ vật.

Một tuần báo lớn ở đây có đăng một truyện vui, trong đó một bà cụ miền Nam giải thích cho một đồng bào miền Bắc biết rằng ở đây một chục = 12.

Đó là một sai lầm. Ở đây một chục, vẫn là mười như bất kỳ ở đâu. Mười hai đơn vị gọi là *chục có đầu*.

Riêng về trái cây, luôn luôn tính chục có đầu, nên khi mua, bán các thứ quả, người ta nói chục vẫn tắt mà vẫn hiểu là chục có đầu. Nhưng đó là trong phạm vi trái cây thôi.

Về trái cây, có nơi tính chục có đầu là 24 trái. Ở Biêu-hòa, chục có đầu dưa hấu là 48 trái, và rất nhiều nơi, chục lá trầu chỉ là 4 lá thôi. Chục bốn lá chỉ thuộc về độc một món trầu thôi.

Lố (danh từ) Tiếng này gốc Trung-hoa, người miền Nam mượn để nói cái ý *chục có đầu* cho gọn. Tiếng rất được thông dụng, đồng nghĩa với tiếng *tá* ở miền Bắc.

Tôi mua một lố ống khói.

Cần vọt (danh từ) Thứ khí giới thô sơ dùng để đuổi chim, làm bằng một đoạn trúc, mây hay cây gì khác, ngắn độ non bốn gang. Người ta gắn vào đầu đoạn trúc một cục đất sét ướt, rồi vọt tới như cầm vọt mà đánh trái

banh tơ-nít đi. Cục đất sét còn ướt, chưa bám chặt vào đầu cây, bị ném tới xa (mạnh hơn ném tay nhiều nhờ luật vật lý).

Cần vọt dùng để đuổi chim phá lúa, mà đuổi gà phá thóc cũng hiệu quả.

Đã có thí dụ về dịp định nghĩa tiếng xí hựt đặng ở kỳ V.

Cần-vọt (danh từ) Thứ máy thô sơ dùng để kéo gàu nước từ dưới giếng lên. Cần vọt chế tạo theo luật đòn bẩy: một cây trụ chịu đựng cây đòn ở đây là cây cần (bằng tre), một sức nặng, là cái gàu đầy nước ở dưới giếng, và một sức mạnh là cục đá cột vào đuôi cây cần.

Muốn mức nước, người ta trì dây xuống cho gàu tới dưới nước; khi gàu đầy nước, người ta buông tay để cho sức mạnh của đòn bẩy là cục đá trì đuôi cần xuống; thế là đầu cái cần vọt lên, kéo lên gàu nước nặng.

Cần vọt rất thông dụng ở những xứ cao là nơi giếng sâu, việc kéo gàu bằng tay rất nhọc.

Cần xé (danh từ) Thứ giỏ to, miệng rộng, đan bằng trúc dùng đựng rất nhiều thứ hàng hóa.

Hàng hóa nhập cảng từ Nam-dương, Tân-gia-ba, Hương-cảng vào Sài-gòn, ít khi đựng bằng thùng như hàng hóa Âu-châu, mà đựng bằng thứ giỏ này nó thông dụng chẳng những ở miền Nam nước Việt, mà cả Đông-Nam-Á nữa.

Người Trung-hoa lại có một thứ cần xé có nắp như cái thúng khóa dính với cần xé được. Trong những khi đi đó đi đây xa, mà có đồ quý giá, họ đề vào trong ấy rồi khóa lại như ta dùng hòm.

Cần đước (danh từ) Một loại rùa.

Cần thay (danh từ) Gốc Miên: Một loại rùa, trứng rất ngon.

Chợ chồm hòm (danh từ ghép) Chợ lộ thiên, người bán ngồi chồm hòm ngay dưới đất mà bán, người mua cũng ngồi chồm hòm mà mua.

Mấy năm chiến tranh các chợ mới trong thủ đô ta, như chợ Trần-Quốc-Toản, Trương-Minh-Giản đều là chợ chồm hòm cả.

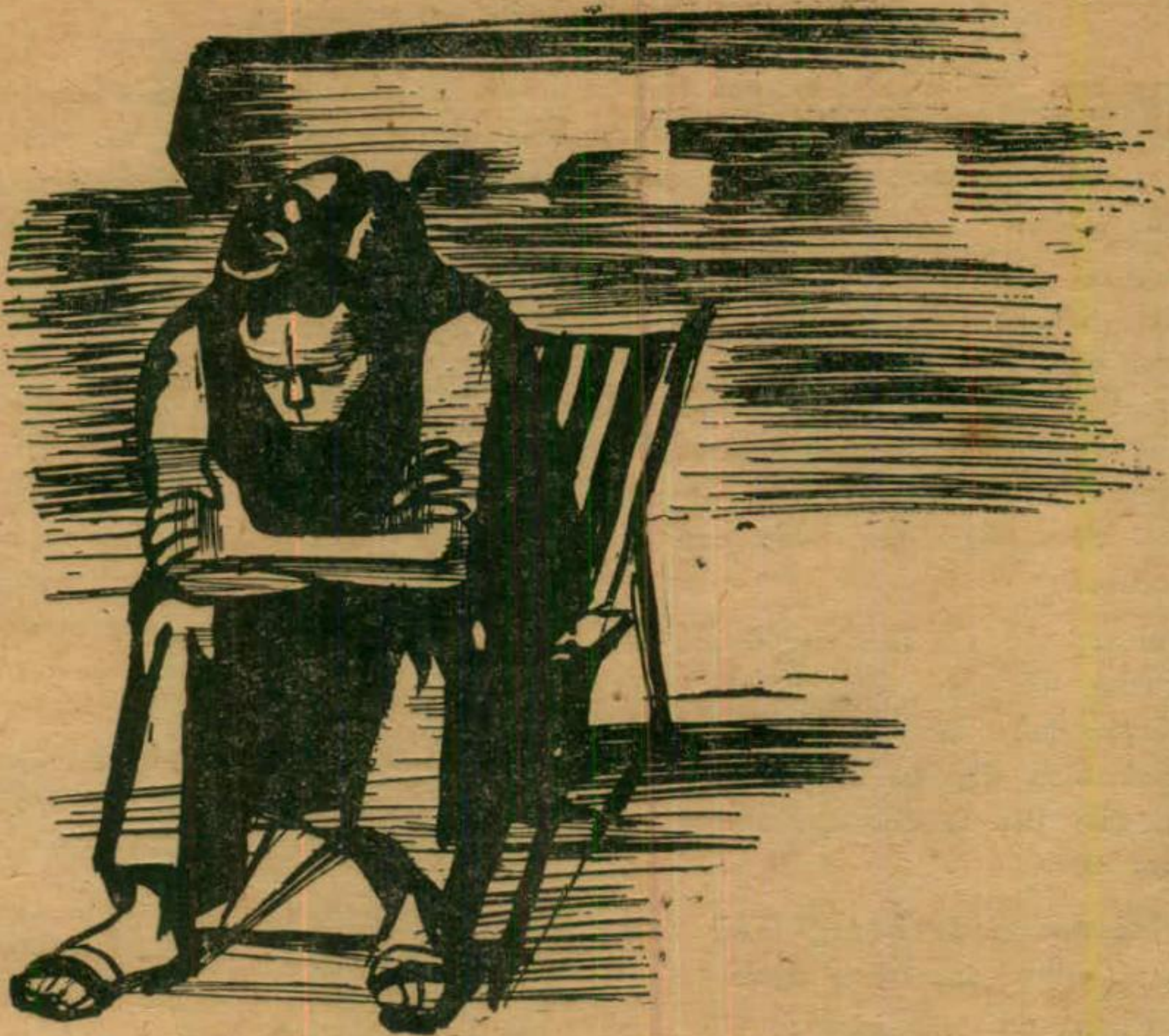
(Còn tiếp)

BÌNH-NGUYÊN-LỘC

và

NGUYỄN-NGU-Í

-
- ★ Kỷ luật càng tăng thì thích ý càng sung mãn, cũng như sức khỏe càng tăng thì nghị lực càng dồi dào...
 - ★ Kỷ luật là sức mạnh chính của quân đội. Kỷ luật cũng là sức mạnh chính của một quốc gia không muốn bị diệt vong. Muốn chấn hưng tinh thần quốc gia, cần phải được toàn dân góp sức và thuận theo.



TRƯA VÀNG

HUY-TRÂM

PHONG thần thờ nhìn những vệt nắng đọng lại ở thềm gạch. Ngoài vườn, mấy cành lá dong đưa trong gió. Một cánh bướm nhắc mình qua hàng đậu, bay vờ vẩn rồi mất trong trời xanh.

Đã mấy hôm nay thấy trời mát, Phong bỏ thói ngủ trưa. Anh mang ghế vải ra hiên ngồi. Ngó vắng tĩnh mịch như ngái ngủ. Anh nhận rằng thấy về buổi trưa, nếu không chớp mắt, con người cũng thao thức và suy tư như

những lúc hoàng hôn. Thêm vào đó, cảm giác hơi mệt nhọc, chán chường.

Có tiếng người đàn bà từ trong buồng nói ra :

— Mình vào xem hộ cái bàn là, sao nó chẳng cháy gì cả.

Phong đáp, giọng hơi gắt :

— Thì mới chữa buổi sáng thôi.

Nhưng nó lại hỏng dây rồi. Mình vào xem hộ một tí.

TRƯA VÀNG

Phong cau mày, cảm thấy khó chịu. Anh uể oải đứng dậy vào nhà trong. Vợ Phong đang vẩy nước vào đồng quần áo khô.

Phong rút dây cắm điện khỏi bàn là, loay hoay chữa. Từ ngày lấy vợ, đã mấy năm nay, Phong thường vì vợ con cặm cụi làm việc lặt vặt. Việc gì vợ anh cũng ỷ vào anh cả : sửa đèn, sửa ống máng, sửa xe, đóng gương, kê đồ, sơn cửa, làm hàng rào, đưa con đi khám bệnh...

Thành ra, sau giờ làm việc ở sở, về nhà Phong cứ bận việc vì vợ con, chẳng ngơi được lúc nào để đọc sách hay thành thời tiếp bè bạn. Trưa nay, sửa lại giầy bàn là cho vợ, anh bỗng thấy bức dọc.

Mồ hôi ướt cả áo Phong. Thử thấy bàn là đã nóng, anh bỏ ra ngoài.

Vợ Phong nói một mình :

— Sửa hộ cho tôi còn là áo lên phố mua cái xoong, chiều về còn đi chợ.

Phong không nói, anh ngồi xuống ghế vải. Một làn gió mát từ những ao rau muống ở cuối ngõ đưa về. Phong thấy dễ chịu.

Buổi trưa đầu thu đẹp dịu dàng. Một hồi còi xe lửa vang lên, xa vắng. Phong bỗng thấy lòng nhớ nhung băng quơ.

Tiếng còi tàu chạy qua vùng ngoại-ô thành phố, trưa nay Phong thấy khơi dậy trong anh rất nhiều nhớ tiếc. Những mùa thu trước, đã sáu bảy năm qua, Phong thường lên đường bằng những chuyến xe lửa.

Nắng và mây đẹp mùa thu làm những chuyến giang hồ trở nên thi vị. Phong

thường đi chơi về các miền hoang vắng hoặc đi thăm bà con ở xa, mỗi năm trước mùa tựu trường. Anh nhớ mang máng rằng chuyến đi nào cũng đẹp, làm tâm hồn Phong thêm phong phú. Tuổi trẻ ít sầu tư Phong được thành thời đi đây đi đó để cuộc sống được thêm phần xuân sắc. Anh qua các thị trấn, các miền quê, mỗi nơi Phong lại thấy tầm mắt được mở rộng một lần nữa. Có những miền đồi núi hoang vu, những miền thơ mộng làm Phong thấy ngây ngất. Nơi này chợ họp tung bừng trong nắng ấm, nơi kia khói bốc lên bờ sông. Miền này xanh um những bóng cây, miền kia mênh mông cát trắng. Qua tất cả các ngã đường của đất nước, Phong thấy mỗi nơi có một màu sắc riêng.

Từng hình ảnh kết lại thành kỷ niệm trong lòng Phong. Không bao giờ anh có thể quên cái cảm giác nhẹ nhàng lâng lâng mỗi khi anh xuống ga ở một thành phố nhỏ bé, vừa lúc hoàng hôn.

Phong ở đó xem phong cảnh, gặp một vài người, lưu một vài kỷ niệm rồi lại ra đi. Mỗi lần nhìn khói trắng ở một đầu máy bay lên, Phong lên tàu, lòng rưng rưng buồn, vì nhớ hay vì cách xa, nhưng bao giờ cũng là nỗi buồn nhẹ nhẹ, dịu dàng làm đẹp tâm hồn anh.

Phong lưu luyến đôi mắt trong của cô hàng xóm mới quen, cảm động vì lòng tốt của một người mới gặp anh một lần... Ở nơi nào Phong cũng thấy cuộc đời dễ cảm và dễ yêu.

Những chuyến đi cho anh tìm thấy lòng mến yêu thiên nhiên và tình yêu

đồng loại. Phong thấy ở mỗi chân trời một sự khám phá mới lạ giúp cho đời Phong được đẹp tươi. Tâm hồn Phong luôn luôn giữ được vẻ yên vui, tươi mát khi Phong đi lang thang một mình ở một cánh rừng, hay ngắm một dáng núi trong xanh, hay một sớm ngủ dậy, thấy lạnh ở mình, anh đắp vội lớp chăn mỏng, biết mùa thu mới về... Những ngày tháng êm ái không còn nữa.

Từ mấy năm nay, anh cũng sống một cuộc đời gò bó, chật hẹp như mọi người. Phong làm thợ kỹ, lương ít ỏi, phải nuôi vợ và một con ; cuộc sống vất vả từ ngày này qua ngày khác, không có gì mới lạ.

Thành phố đông đúc, ồn ào, nhưng Phong không thể bỏ đi, vượt khỏi những căn phố bùng bít, bụi bặm. Bởi Phong phải sống vì bốn phận. Anh thấy xã hội và gia đình làm mai một cái tâm hồn có chút nghệ sĩ của anh. Phong đã ra đời, đi làm, có vợ con, anh sẽ phải lo lắng, phải tranh đấu, biết dành dụm để mua nhà, mua vườn, đặt định tương lai, rồi tuổi ba mươi, ba mươi hai sẽ đến. Anh sẽ trở nên cần cỗi, sống cuộc đời có tính cách công thức, không còn gì thi vị. Nghĩ thế anh thấy chán.

Trưa nay tiếng còi tàu vang lên làm Phong thấy rộn rã. Anh thấy thêm khát, rạo rức.

Phong lắng nghe. Tiếng còi ngân dài rồi giắt lên từng hồi như những tiếng gọi tha thiết quen thuộc của giang hồ. Lòng anh bồi hồi, rộn ràng. Anh nhớ lại một thành phố nhiều sương mù, bóng người xếp ga phát cờ đỏ đề tàu

chạy, một đêm Phong đi xe lửa, bước qua các toa tìm cà-phê uống, tiếng xe băng qua cầu... Đột nhiên trong một phút anh chợt nhận ra rằng những cuộc đời giang hồ là những cuộc đời đẹp ; nhất là khi kẻ đi xa, biết mang tâm hồn và lòng tốt của mình trao cho người bốn phương..

— Kìa, hai giờ rồi mình chưa đi làm à ? Phong vội đứng dậy đi thay áo. Phong ngắm bóng vợ và thấy Ngọc không đẹp.

Ngày xưa, vì yêu tánh nết Phong đã lấy Ngọc với ý định làm cho cuộc đời có khuôn khổ, yên hàn, bớt bừa bãi.

Đời Phong ngày trước như những cánh bướm lênh đênh, di chuyển, bây giờ ghé vào bến an định, nhưng cũng không khỏi nhớ xa khơi. Khi lập gia đình, Phong biết là phải cắt đứt với lối sống cũ, không còn gì mơ mộng êm đềm nữa. Anh nhìn đứa con trai nằm ngủ mệt trên giường. Phong moi hồn bi ở bàn tay nó, để lên bàn.

Giá như mọi hôm thì anh đã âu yếm quạt cho con ngủ. Nhưng trưa nay, Phong cảm thấy vợ con là một cái gì vướng, hay kèn càng khó chịu, Phong lấy ca vắt vắt. Tiếng còi xe lửa vẫn réo lên, náo nức.

— Nay mình, bác giáo bảo có căn nhà người ta cho thuê ở Thị-nghè, mát và rộng rãi. Hay chiều nay mình tan sở xong, lên coi...

Ý nghĩ phải lo vun văt mọi chuyện nhà cửa, vợ con đến trong óc, Phong cúi kính, dẫn giọng :

— Khô quá ! cứ đang suy nghĩ là nói lèo nhèo, vợ vằn.

Ngọc vẫn một giọng tự nhiên :

— Nào ai biết, không nói thì lại bảo sao biết mà không nói.

Phong cau mặt, nói ra vẻ chán nản :

— Chẳng khi nào yêu cho một lúc, hỏi han, nhờ vả suốt ngày.

Anh nói buột miệng, cũng chẳng suy nghĩ rằng là vợ chồng, ai mà chẳng vậy.

Vợ Phong nói khẽ :

— Sao gắt lắm thế ? không đi thì thôi chứ làm sao.

Ngọc vốn tính thật thà và dễ tin, từ bé xa cha mẹ, ở với chị gái, nàng vốn là người đàn bà hiền lành nhưng hơi vụng. Trưa nay thấy Phong gắt vô cớ, Ngọc cũng ngạc nhiên vì ít khi Phong nói những điều thắc mắc cho nàng nghe. Tuy trưa nay Phong có vẻ gắt gỏng, khó tính nhưng Ngọc vẫn cảm thấy chồng là người hiền lành. Ngọc bước ra ngoài đi trong nắng. Phong trông theo bóng vợ. Anh thấy việc Ngọc định đổi nhà có vẻ hợp lý.

Anh thất xong ca-vát, ra hiên đứng. Từ hàng xóm, một người đàn ông dắt một chiếc xe đạp đi ra. Ngày nào Phong cũng gặp ông ta đi làm, với một bộ quần áo cũ. Ông ta trịnh trọng nâng bánh xe đạp, rồi từ từ hạ xuống đất, ra chiều sợ cái xe chóng hư hỏng nếu không giữ gìn. Phong nghĩ đến cuộc đời của các ông ký hay ông phán, khô khan, cũ kỹ, từ năm này đến năm khác ở các công sở. Đời cạo giấy đều đặn đưa họ đến nếp sống công thức, đầu óc chứa đựng những ý nghĩ vụn vặt, tâm tính trở thành bùn sìn, hà tiện. Cũng giờ này, có biết bao nhiêu ông phán cần thận nâng xe đề lên một via hè.

Phong thấy thương những cuộc đời như thế. Rồi anh nghĩ đến chính đời mình, mặt Phong sụ hấn xuống.

Một hồi còi tàu lại rộn lên trong không trung, kéo dài, êm ả. Nắng vẫn trong và dịu, không đòi màu. Trưa vàng như ngập ngừng không đi.

HUY-TRÂM

Không nhận thưởng không công

Khổng-Tử đến chào Cảnh-Công nước Tề. Cảnh-Công lấy làm thích, nói với Khổng-Tử xin đề ấp Lâm-khâu làm thực ấp cung dưỡng Khổng-Tử.

Khổng-Tử từ chối, không chịu nhận. Khi quay về, bảo các học trò rằng :

— Ta nghe, người quân tử nhận thưởng phải xứng với công. Ta đến đây, nói chuyện với vua nước Tề, vua Tề chưa thi hành được điều gì, mà đã vội thưởng ấp cho ta. Như thế là nhà vua chưa hiểu ta.

Nói đoạn, liền từ giã đi ngay.

KHÔNG-TỬ GIA-NGŨ



MỘ QUY

Mộ quy, sơn dĩ hôn,
Trạc túc, nguyệt tại giản,
Hành-môn thể các định,
Ám-kính lưu-huỳnh loan.
Thể noa hậu ngã chí,
Minh đăng cộng sơ phạm.
Trữ lập tùng quế lương,
Sơ tinh cách Hà Hán.

LÁM-NHAN

(Thi-nhân đời Minh)

CHIỀU VỀ

Chiều về, núi mờ tối,
Rửa chân, trăng dưới suối,
Cổng hẹp chim nghỉ yên,
Đường mờ, đóm bay rồi.
Vợ con đợi ta về,
Đốt đèn, cơm dưa muối.
Điêng mát gốc quế tông,
Sao Ngân-hà le-lói.

ĐÔNG-XUYẾN dịch

HƯƠNG NHỚ

Gửi Đông-Xuyên

Hơn nửa năm rồi, xa cách nhau,
Bèo sông, mây núi, Bạn tôi đâu ?
Muôn trùng thư nhận mờ hơi súng ;
Đôi ngả quan san dứt nhịp cầu.
Án sách dăm pho ngày trắng lịch ;
Hiên tre nửa mái mộng xanh nhầu ;
Hoang mang hương nhớ lòng xuân vắng,
Hoa bưởi mưa chiều rơi ngổ sau...

GIẢN CHI

Mỹ-Đức 1948

Trích Tập « MÂY-THU »



CON THẮN-LẢN ĐÚT ĐUÔI

LƯU-NGHI

THẮNG con thứ hai của tôi được hai mươi tháng. Tóc hần thưa thớt, màu hung hung như râu bắp, da trắng nhưng bạc bạc. Theo thầy thuốc thì đó là hiện tượng của sự thiếu sinh tố và thiếu ánh nắng mặt trời. Tôi cũng quan tâm đến chuyện cung cấp cho cơ thể hần nhiều sinh tố và cho hần phơi nắng. Sự quan tâm đó không đến nỗi phiền toái. Vì tôi tin rằng muốn cải thiện bề ngoài của một thể xác không đến nỗi khó khăn cho lắm. Chẳng qua, chỉ là vấn đề phương tiện.

Bà con, bạn hữu của tôi có dịp đến chơi nhiều lần, đùa nghịch với nó chừng năm ba dạo, ai cũng nói rằng nét mặt của hần có vẻ «hề» quá. Ý nói rằng nhìn mặt hần lâu lâu, ai cũng muốn tức

cười. Mới hai mươi tháng mà hần đã biết tặc lưỡi như tiếng con thằn lằn gọi nhau, tặc lưỡi để gọi con chó đi qua trước cửa, hay để gọi cả con người; con người ấy có thể là tôi hay bất cứ ai ai.

Tôi đã thấy hần vui nghịch với nhiều thứ đồ chơi thật vô nghĩa, như cái đinh ốc, hay một mẩu giấy vụn chẳng hạn. Nếu đột nhiên, có ai nhìn hần một cách dữ tợn, hay lớn tiếng với hần, hần nghiêm ngay nét mặt, thoang thoang một chút sợ hãi và cả một sự e dè thận trọng. Nhưng, nếu nhoẻn miệng cười thì nét mặt của hần biến đổi ngay, từ sự nghiêm lặng đến một nụ cười hả hê, thoả thích. Buồn, vui đột khởi rất bất thần, không có

nét môi giới, trên khuôn mặt non trẻ kia, làm tôi nghĩ đến nàng Gelsomina trong phim Ý-đại-lợi đề tựa LA STRADA (1). Những buồn vui lẫn lộn trên khuôn mặt của Gelsomina lật trái cả hai khía cạnh cuộc đời, làm cho khán giả lắm khi cười ra nước mắt. Trái lại, những buồn vui biến đổi bất thường trên khuôn mặt của một thằng con nít hai mươi tháng lại biểu lộ cái đặc tánh khôi hài thuần túy.

Tôi cố suy nghĩ thật chu đáo để tự giải đáp sự cách biệt ấy một cách rõ ràng, dễ hiểu. Nhưng, mãi đến khi tôi phải viết bài này, tôi cũng chưa biết nên minh luận thế nào cho hợp lẽ.

Nhưng, điều phiền toái nhất, chính là sự trái chứng của thằng con của tôi. Về mặt của hắn càng « hề », hắn càng trái chứng. Tại sao? Tôi không biết.

Có lẽ trí khôn của hắn bắt đầu nảy nở và bắt đầu thấu nhận cảnh vật, tiếng động chung quanh. Nhưng, sự thấu nhận của bộ óc non nớt kia, (cũng có lẽ thôi), chưa được căn cứ trên một nền tảng hiểu biết nào nhất định, nên có tánh chất mỏng lung, mơ hồ; lừng đùng như một vệt sương núi, hay bập bênh như cái phao trên mặt nước. Có thể vừa nói là hắn đã biết và vừa nói là hắn chưa biết gì cả. Mỗi khi hắn trái chứng, quả là khó hiểu hắn muốn gì. Tất nhiên, chỉ có thể nghĩ rằng hắn đòi một thức ăn hay một thứ đồ chơi nào đó,

Thằng con của tôi ăn rất nhiều, chơi cũng khỏe, mà cũng trái chứng rất bất thường.

Hắn không sợ một cái gì lâu. Mà cũng mau chán tất cả những vật bất động chỉ những thứ đồ chơi hay sinh vật xê dịch, biến đổi, may ra có thể làm hắn chú tâm nhiều hơn một chút.

Tôi đã chỉ hắn nhìn con chó, con chim, chiếc máy bay bay ù-ù ngang nền trời. Hắn tỏ vẻ thích thú lắm. Nhưng, đâu tôi có quyền bắt con chim, con chó hay chiếc máy bay xuất hiện bất cứ lúc nào để giải trí cho thằng con. Nên cuối cùng, tôi phải chỉ con thằn-lằn làm vật giải khuây cho hắn gần như thường xuyên.

Thực tình, tôi không bao giờ nghĩ rằng phải nhờ cậy đến những con thằn-lằn trong một trường hợp tương tự. Nhưng, đến nay, tôi phải nhận rằng, phần nào đó, những con thằn-lằn đã giúp tôi tránh được khá nhiều bực dọc vì sự trái chứng của đứa con.

Trung hậu mà nói thì đó chỉ là sự ngẫu nhiên. Một sự ngẫu nhiên hữu lý và hữu ích vậy.



CON chó giữ nhà, con mèo bắt chuột, con chuột lại phá phách niêu cơm, thùng gạo... rồi đến con kiến,

(1) LA STRADA đã được dịch là *Kiếp giang hồ* vì người dịch dựa theo cốt truyện. Nhưng, đúng nghĩa là *Đại-Lộ*.

con ruồi, con rệp v.v... Tất cả những sinh vật ấy sống lẫn trong đời sống của mọi người, luôn luôn tỏ sự hiện diện của mình bằng cách này hay bằng cách khác.

Có hạng sinh vật chúng ta thường đặt tên như con Vện, con Vàng, con mèo Tam Thê, mèo Mun, mèo Mướp... Phải chăng vì những sinh vật ấy ít hay nhiều cũng hữu ích cho loài Người !

Lại có hạng sinh vật chúng ta không buồn đặt tên riêng, mà chỉ gọi chung một tiếng để chỉ định cả một loài như ruồi, rệp v.v... Phải chăng vì những sinh vật ấy chỉ đem lại cho loài người những bực dọc và thiệt hại !

Nhưng, dù khinh ghét, dù miễn thương, hay dù cố tình tìm mọi cách diệt trừ quyết liệt, loài người vẫn nhắc đến để biết ơn hay căm giận.

Đến như những con thần-lần ! Cũng thuộc vào loại « gia súc » rất gần đời sống của loài người, nhưng đếm được mấy ai nhắc nhở đến ? Phải chăng, đời sống của những con thần-lần bình dị quá, không biết tỏ sự hiện diện của mình giữa ánh đèn rực rỡ, nên mọi người đều lãnh đạm.

Họa hoằn, khi bắt gặp quả tang một con thần-lần đang vờn quanh một hộp sữa, hay tìm thấy xác chết của nó trong một thức ăn để dành, người ta mới thốt một lời nguyên rủa ngắn gọn và nhẹ nhàng. Thế thôi.

Đó là thói thường của người đời.

Tôi cũng là người đời cũng chịu một thói thường như vậy.

Nhưng, từ khi thẳng con tôi lên hai mươi tháng, và nét mặt của hân

có vẻ « hề » như mọi người đã nói, từ ngày hân bắt đầu trái chứng đến khó chịu, sự lưu ý của hân đối với những con thần-lần làm cho tôi không còn lãnh đạm với những con vật đó nữa.

Cứ đêm đến, những con thần-lần xuất hiện trên mặt tường, khi cả xóm lên đèn.

Tôi chú tâm nhìn chúng nó đuổi nhau hối hả không biết để làm gì. Ăn ái chẳng ? Thù ghét nhau chẳng ? Không thể biết được. Điều có thể biết chắc hơn, chính là khi nhìn chúng nó lê đi từng bước thật nhẹ nhàng, kỹ lưỡng, tiến đến, tiến đến... rồi vồ lấy con mồi. Con mồi có thể là một con kiến cánh, một con ruồi thức đêm, hay một con muỗi hút máu người chẳng hạn.

Tôi tự hỏi :

— Những con thần-lần có tạo tác được những gì để tự nuôi sống lấy bản thân không nhỉ ?

Hình như không có sách vạn vật nào giảng kỹ về điều này.

Tôi chỉ thấy rằng những con thần-lần tự nuôi sống bằng những con mồi bắt được hằng ngày. Và có lẽ, hằng ngày, chúng chỉ âm mưu, suy tính độc một việc bắt mồi ; nghĩa là sát hại những sinh vật khác nhỏ hơn chúng, yếu hơn chúng, hay không đủ lịch duyệt để phòng những cạm bẫy của cuộc đời.

Tôi còn nhớ có người tả một con thần-lần, nói đến hình dáng thon nhỏ, đến màu da vàng phơn phớt, thanh nhã, lịch sự như một nàng con gái phong

lưu, đài các. Kề ra, nghe cũng xuôi tai. Nhưng, tại sao chỉ nói đến sắc đẹp của thân hình, của màu da?

Tôi tưởng nên nói thêm một chút về chuyện săn mồi của chúng, về sự mưu tính sát hại biết bao nhiêu là sinh vật khác. Có lẽ, như thế mới gọi là đầy đủ về nội tâm và ngoại dáng của những con thằn-lăn?



TỪ khi còn nhỏ, sách vạn vật dạy cho chúng ta rằng trong loài bò sát có con thằn-lăn. Nhưng, con thằn-lăn có tâm tánh thế nào? Không thấy sách vạn vật nào dạy kỹ.

Cũng từ khi còn nhỏ, sách vật lý dạy cho chúng ta rằng lòng trái đất có sức hút, hút tất cả những cái gì không giữ được thăng bằng. Thế con thằn-lăn chạy trên mặt vách tường hay đuối nhau ngược trên trần nhà, trọng tâm thăng bằng của chúng đặt ở đâu? Tại sao chúng không rơi xuống đất?

Phải chăng thân hình của những con thằn-lăn có một chất dính như keo sơn? Hay phải chăng tự chúng nó có đủ một sức mạnh nghịch với sức hút của lòng quả đất? Hình như chẳng có sách vạn vật hay vật lý nào minh giải điều ấy cho tận tường,

Nhìn những con thằn-lăn chạy ngược xuôi trong cái chiều song song nghịch và chiều thẳng góc với mặt đất, đã hơn một lần, đột khởi trong trí óc tôi một ý nghĩ hơi kỳ dị: Tôi nghĩ rằng nếu những con người cũng có thể xê dịch tự nhiên trên mặt vách tường hay trên trần nhà như những con thằn-lăn, thì cuộc đời vui biết mấy!

Khi ấy, loài người sẽ nhắc mãi đến con thằn-lăn, sẽ gặp mãi những con thằn-lăn. Và khi ấy, người ta không phí công xây dựng những cầu thang hay đặt những cái thang máy quá tốn tiền. Con người sẽ bò trên vách tường, trên mặt cửa mà lên hay xuống những tòa nhà đồ sộ, và có lẽ cũng sẽ đuối nhau quyết liệt, tìm ân ái hay « săn mồi » như những con thằn-lăn.

Nhưng, có điều chắc chắn nhất: là loài người sẽ phải đề phòng cẩn mật hơn những phường đạo tặc, cướp của, giết người, làm điều lung loạn.



ĐÊM đêm, tôi ngồi viết giữa một vùng ánh sáng. Tôi đã nhìn thấy quá nhiều con thằn-lăn mưu bắt được quá nhiều con mồi nhỏ yếu.

Sau khi đã nuốt chửng con mồi, chúng le cái lưỡi ra liếm quanh vành miệng, và đôi mắt trũng lên hân hoan, thỏa thích. Chúng sống âm thầm, lặng lẽ. Chúng làm điều lành, điều ác cũng âm thầm, lặng lẽ, không phải trong bóng tối, mà lại chính giữa ánh đèn rực rỡ hay ánh sáng ban ngày.

Con thằn-lăn nào cũng có hình dáng giống nhau, một màu da tương tự, đôi mắt đẹp như hai viên cườm nâu. Và hành vi biểu thị đời sống vật thể của chúng cũng chẳng khác nhau. Thật khó lòng phân biệt con này với con khác, làm ta có thể ngờ tưởng rằng những con thằn-lăn ta thấy trong đêm nay, không phải là những con thằn-lăn ta đã thấy trong đêm hôm qua, hoặc sẽ thấy trong đêm sắp tới.

Nói gì đến chuyện đặt tên cho từng con một. Vô ích.

Bỗng một đêm kia, tôi thấy xuất hiện một con thần-lần bị đứt hẳn cái đuôi. Từ chỗ bị đứt, nhô ra một lóng xương đen như ruột cây bút chì. Càng nhìn kỹ càng thấy ghê tởm. Và càng nhìn lâu, tựa hồ có hột bụi xốn xốn trong mí mắt. Cái thân hình « kiêu diễm » kia mất hẳn sự cân đối thông thường, cho tôi một cảm giác khó chịu như phải nhìn một con người lùn quá.

Từ đó, trong số những con thần-lần thường đuổi bắt quanh những bức vách nhà tôi, tôi đã có đủ bằng chứng để vạch mặt và đặt tên cho một con thần-lần khác biệt: *con thần-lần đứt đuôi*.

Thằng con của tôi có thêm một vật giải trí đặc biệt. Hẳn chỉ bập bẹ hai tiếng ngô nghê và ngắn gọn là « ứt ui ». Còn tôi, tôi có được một đơn vị để tìm hiểu thêm một chút gì về toàn thể « xã hội » thần-lần.

Thực ra, sự tìm hiểu của tôi có kết quả ít ỏi quá. Tôi chỉ biết đại khái như thế này: Giống thần-lần không phải là giống thích xê dịch và phiêu lưu. Chúng sống cố định ở một nơi đã quen thuộc, có lẽ dễ dễ sẵn mỗi trên một địa thế không xa lạ. Điều thứ hai: cái đuôi của một con thần-lần có thể mọc ra như cũ, trong vòng từ nửa tháng đến hai mươi ngày. Nhưng, từ chỗ bị đứt, còn lại một vết ngang làm vết tích.

Sau một thời gian gọi « ứt ui », thằng con của tôi dần ra quen miệng, và dù có thấy những con thần-lần nguyên vẹn, hẳn cũng vẫn gọi là « ứt ui ». Sự ngộ

nghech và u mê của thằng con hai mươi tháng, bỗng dựng làm tôi nghĩ rằng: con thần-lần đứt đuôi kia vô tình đã làm cả giống thần-lần mang chung một tiếng xấu. Tất cả những con thần-lần dù nguyên vẹn, xinh đẹp đến thế nào đi nữa, đối với thằng con của tôi, cũng đều là những con thần-lần đứt đuôi cả.

Con đối với tôi, tôi cũng đâm ra ngờ vực tất cả những con thần-lần; mỗi khi nhìn một con thần-lần dù nguyên vẹn, tôi vẫn ngờ tưởng: đó phải là con thần-lần đứt đuôi mà tôi đã thấy?

Gần đây, nhân một bữa tiệc trà thân mật, tôi được nghe một văn hữu đàn anh nhắc lại sự tích con thần-lần. Sự tích ấy như thế này:

« Thời nhà Tấn, có người tên là Thạch-Sùng, giàu có không ai bì kịp. Thạch-Sùng giàu mà lại có tánh kiêu căng, thường nói rằng: Ta có đủ tất cả những bửu vật trên thế gian này. Trong điện vua còn có thể thiếu thứ này, vật nọ, chứ trong nhà ta thì không thứ của quý nào là không có.

Một người khác tên là Vương-Khải, cũng có tiếng là giàu, nghe câu nói của Thạch-Sùng, bèn mời Thạch-Sùng đấu của báu. Hai người đem bửu vật ra mà so, ước hẹn rằng hễ Thạch-Sùng thiếu một thứ, thì phải chịu mất cả gia tài.

Vương-Khải đã đem so tất cả của quý của mình. Thứ gì Thạch-Sùng cũng có. Sau cùng, Vương-Khải đưa ra một

cái mẽ kho (2) Thạch-Sùng không có mẽ kho, nên phải mất cả gia tài. Thạch-Sùng tiếc của, cứ tặc lưỡi luôn.

Thạch-Sùng chết đi, hóa kiếp làm con thần-lăn. Nên con thần-lăn có tên là con Thạch-Sùng tặc lưỡi.

Sự tích ấy không mới mẽ gì. Nhưng nghe cũng hay hay, ngộ ngộ. Nên, về nhà, tôi định kể lại cho con tôi nghe.

Tiếc rằng thằng con tôi còn nhỏ quá, nếu có kể cho hẳn chuyện Thạch-Sùng, chắc hẳn cũng chỉ đưa cái mặt « hề » của hẳn ra mà nhìn, chứ chẳng hiểu gì.

Nhưng, thực ra, nếu hẳn hiểu, chắc tôi cũng không lấy làm hứng thú kể cho hẳn nghe chuyện cái gã Thạch-Sùng xem mực hạ vô nhân kia, kiêu căng, hợm hĩnh đến mất cả gia tài; đề rồi âm thầm hối tiếc; đề rồi hóa

kiếp làm một con vật bò trên vách tường cả đời chỉ tặc lưỡi, đâu có phải là chuyện tốt đẹp của cuộc đời!



Khi tôi viết đến giòng chữ gần cuối cùng này, tôi lại nhìn thấy trong vùng ánh sáng ngay trước mặt tôi, một con thần-lăn vừa bắt được một con kiến cánh u mê và đại đột. Tai tôi lại nghe rất nhiều tiếng tặc lưỡi của thần-lăn khắp trên mấy vách tường.

Tôi nghĩ đến gã Thạch-Sùng thời nhà Tấn, và cũng không khỏi không nghĩ đến những gã Thạch-Sùng giữa thế kỷ thứ hai mươi này.

LƯU-NGHĨ

10 - 58

2) *Mẻ kho* : cái nổi bề của nhà nghèo.

CẦN MƯỢN:

I.— Chúng tôi cần có một vài bức ảnh đèn Hùng, mộ Tổ, để minh họa bài « *Dòng vua dựng nước ta là Hùng-vương hay Lạc-vương?* »; bạn nào có sẵn hoặc biết sách nào báo nào hay ai có, xin cho chúng tôi mượn hoặc cho chúng tôi biết, chúng tôi xin cảm tạ.

PHẠM-HOÀN-MỸ

(nhờ tòa soạn Bách-Khoa chuyển giao gửi)

II.— Và những bạn nào còn giữ « *Tiểu thuyết thứ bảy* » có đăng tiểu thuyết « *Trúng số độc đắc* » của Vũ - Trọng - Phụng, hoặc trọn truyện, hoặc một phần (về điểm sau này, xin nói rõ báo số mấy) cùng tiểu thuyết lịch sử « *Nam cực tinh huy* » của Hồ-Biểu-Chánh, xin cho chúng tôi biết đề thương lượng mượn sao lại, hoặc mua, tùy các bạn. Xin gởi về:

NGUYỄN-NGU-Í

(nhờ tòa-soạn Bách-Khoa chuyển giao)

CẦN MUA LẠI:

Những sách cũ: « Ông Ký Cóp, Kinh-Kha » do nhà Hàn-Thuyên xuất bản, « Lệ Chi Viên » do Đại-La xuất bản, « Kim Tiền » (đăng trong báo Ngày Nay từ số 103 ngày 27-3-1930).

Xin liên lạc với ông Vi-Huyền-Đắc tại trụ sở Việt-Nam P.E.N (Nhóm Bút Việt), 157 đường Phan-Đình-Phùng, Sài Gòn.



Bác-sỹ Nguyễn-Trần-Huân muốn mua lại toàn tập:

Tri Tân — Thanh Nghị — Trung Bắc chủ nhật.

Bạn nào có xin viết thư thương lượng tại tòa soạn Bách-khoa 160, Phan-Đình-Phùng — Sài Gòn.

BỐN NĂM CHỈ NHỚ MỘT NGƯỜI

Gửi Anh-Mai

D. T.

Mình lại ra đi không hẹn,
Bốn năm chỉ nhớ một người !
Mộng đời xây chưa toàn vẹn,
Bao giờ chắc những ngày mai ?
Chỉ thấy lòng mình chưa xót,
Tủi mình cũng phận làm trai...
Nào biết bao giờ gặp nữa !
Bốn năm chả nói một lời.
Chỉ một mình thương mình nhớ,
Ra đi mang nửa mảnh đời.
Vỡ nửa mảnh hồn lơ dờ,
Biết mình gửi gắm cho ai ?...
Đã đổi lòng mình mấy độ,
Muốn quên dù một phút thôi.
Mình đã bao lần chạy trốn,
Chưa tan những giấc mộng dài.
Đã quyết bao lần chẳng gặp,
Mặc lòng đau như khôn nguôi.
Đã định bao lần chẳng viết,
Gửi đi, đã gửi đi rồi !
Cũng tưởng thời gian như nước,
Xóa mờ bóng cũ xa xôi.
Nào biết tìm mình xây mãi
Tình yêu để hận một đời !
Mang nặng bên mình chưa xót,
Bốn năm chả nói một lời.
Chỉ có hôm nay mình thấy.
Thành đô mới có hồn thôi.
Mình lại ra đi không hẹn,
Bốn năm chỉ nhớ một người...

Một ngày biệt Saigon dề ra
đất thần-kinh.



LÒNG TÔI

Sân khấu hoang giữa trời,
Sau buổi người vui chơi.
Nửa đêm mưa ngập lối,
Còn lại một mình tôi.

Đây màn bay theo gió,
Đây hoa lá rơi thừa.
Ghé không người ; đèn tắt ;
Trên sân mưa gió lùa.

Nghẹn ngào lên tiếng gọi,
Nhưng mà không ai thừa.
Ngoảnh trông : đường phố vắng,
Mưa rơi rơi, gió lùa...

Một đêm kịch tàn, trên công
trường Thương-bạc, bên bờ
Hương-giang.

Dịch Liêu - Trai.

ÁI NÔ

KIỀU-YIÊU dịch



HUYỆN Hà-gian (thuộc tỉnh Hà-bắc) có chàng họ Từ, đi dạy học ở huyện Ân (thuộc tỉnh Sơn-dông), đầu tháng chạp trở về, giữa đường gặp một ông lão, dòm kỹ chàng mà rằng: « Từ tiên sanh thôi dạy à ! Sang năm sẽ mở lớp nơi nào ? ». Cười đáp rằng: « Vẫn chỗ cũ. » Ông lão nói: « Tôi tên Kính-Nghiệp họ Thi có đứa cháu gọi bằng cậu, đương tìm rước thầy hay. Vừa cậy người ra ngoại ô phía đông, mời ông Lữ-Tử-Liêm. Nhưng ông ấy đã lánh tiền trước, nhận dạy tận bên huyện Tức-sơn (thuộc tỉnh Sơn-tây). Ví

phỏng thầy bằng lòng đến cho, thì số lương xin hứa bằng hai lương ở huyện Ân. »

Từ bèn viện lý đã hứa chịu với chỗ cũ mà từ chối. Ông cụ nói: « Thủ tín như thế đáng là bậc quân tử. Song từ nay sang năm mới cũng còn khá lâu, xin dâng một lượng vàng làm lễ bái kiến, mong thầy tạm lưu lại để dạy cháu nó. Đầu năm sau sẽ tính kế khác,

thầy nghĩ sao ? » Từ bằng lòng. Ông lão xuống ngựa, đệ trình bức thư ra mắt mà rằng : « Nhà tôi ở không xa, có điều hơi chật hẹp, lại vì làm nghề chăn nuôi mà thêm phần gian khổ. Xin cho ngựa với đầy tớ về trước, để ta cùng tản bộ cùng thú đấy. »

Từ nghe theo, đưa hành lý gởi lên lưng ngựa của ông lão. Đi ước ba bốn dặm (1 dặm = 0,576 km), lúc trời nhá nhem tối, mới đến nhà. Trên cửa lắp lánh những đầu đinh thau tròn như nắm, và hai cái vòng thau chạm hồ phù, thật ra vẻ thế gia. Gội cháu ra vái chào, cậu bé đầu chùng mười ba mười bốn tuổi. Ông cụ nói : « Chồng của em gái tôi là Tường - Nam - Xuyên, trước đã làm chỉ huy sứ, chỉ để lại một cháu đó thôi, không đến nỗi ngu độn lắm, chỉ hiềm mẹ nuông chiều quá. Được thầy gia công dạy dỗ một tháng còn hơn học mười năm với người khác »,

Chẳng bao lâu, thiết tiệc, dọn nhiều món cực ngon. Mà rót rượu sớt đồ ăn, thầy đều do tì nữ cẳng đáng. Một tì nữ cầm nhạo đứng chầu chực, tuổi độ mười lăm mười sáu trở lại, phong nhã vô cùng. Trộm nghe lòng xao xuyến vì ai. Khi tiệc chấm dứt, ông lão sai sắp đặt giường mừng, chàng mới cáo từ lui vào.

Trời chưa sáng hẳn, cậu bé đã ra đến phòng học. Từ vừa thức dậy, liền có tì nữ lại cầm khăn hầu chàng rửa mặt, té ra ả cầm nhạo. Mỗi ngày dọn ăn ba bữa, đều do tay ả. Chiều hôm lại đến giũ chiếu quét giường. Từ hỏi :

« Sao không có tớ trai ? » ả chỉ tủm tỉm cười chẳng nói, sắp gối trái mền rồi đi ngay.

Hôm sau lại đến. Mời vào phòng nói chuyện phiếm, ả cười không từ chối, bèn cùng nhau lả lơi. Vui miệng ả nói : « Nhà này tịnh không có đàn ông. Những việc bên ngoài thì nhờ cậy cụ Thi. Thiếp tên Ái-Nô. Phu nhân rất trọng thầy, sợ các chị ở kia không được sạch sẽ, nên cho thiếp lại hầu. Nay cốt nhất là phải kín đáo, kéo phát giác ra, cả hai đảng sẽ không còn mặt mũi nào ».

Một đêm nọ, cùng ngủ quên cho tới sáng bạch, bị công tử bắt gặp. Từ lấy làm xấu hổ, không thể yên lòng được. Đến chiều tối, ả đi lại nói : « May mà phu nhân kính nể chàng, không thể thì hồngбет. Số là công tử đã đi mách, phu nhân vội bịt miệng cậu ấy lại, như sợ chàng nghe được. Chỉ dặn thiếp đừng có lân la lâu quá trong thư phòng mà thôi. » Dứt lời, ra ngay. Từ rất cảm mến ả.

Nhưng công tử không chăm học. Quở trách cậu ấy, thì phu nhân liền kiếm cách biện hộ ; ban đầu còn cậy tì nữ đi nói, dần dần đích thân ra, đứng ngoài cửa mà nói chuyện cùng thầy dạy, thường thường vừa nói vừa sa nước mắt. Rồi không tới nào là chẳng hạch con về bài vở ban ngày.

Từ chịu không nổi, phát cáu lên mà nói : « Đã nuông con cho biếng nhác, lại rầy con về việc học dở. Cái thứ thầy dạy học trong hoàn cảnh như thế, tôi không quen làm. Xin cho phép cáo từ. »

Phu nhân bảo tì nữ đi tạ lỗi, Từ mới thôi giận.

Từ ngày vào nhà họ Thi, cứ lần nào muốn ra ngoài dạo xem phong cảnh một chuyến, thì y như bao nhiêu cửa ngõ đều đóng chặt. Một hôm uống rượu say, thấy bức dọc quá, gọi tì nữ đến hỏi duyên cớ. Á nói : « Không có gì khác, chỉ vì sợ bề trễ việc học đấy thôi. Như quyết ý muốn ra chơi, hỏi đi ban đêm, chắc được. » Từ nổi giận mà rằng : « Lành có mấy lượng vàng, rồi phải chịu cấm cố thế này cho đến chết à ? Bảo tôi lên đi ban đêm, là nghĩa lý gì ? »

Lâu ngày lấy việc ăn dưng ngồi rồi làm một điều xấu hổ. Sức nhớ món quà ra mắt vẫn còn nằm trong hồ bao, bèn lấy sổ vàng ấy ra, đặt lên ghế, lo sửa soạn hành trang định đi. Phu nhân bước ra, lặng thinh không nói một tiếng, chỉ đưa tay áo lên che mặt mà ghen ngào, bảo tì nữ trao vàng trả lại, rồi mở khóa đưa chàng ra ngoài.

Từ thấy cửa ngõ có phần chật hẹp, phải ép mình mới qua được. Đi vài bước, ánh nắng đầu bóng rọi vào. Té ra chàng vừa ở dưới mộ huyết chui lên. Trông bốn bề hoang vắng, trơ trơ một cái mả cũ. Kinh hãi vô cùng, nhưng lòng riêng cảm mến cách cư xử có nghĩa của ai, bèn đem sổ vàng biểu đi bán, thuê người đắp cao ngôi và trồng thêm cây, rồi mới đành lìa.

Qua đầu năm sau lại đi ngang chỗ đó, ghé thăm rồi đi. Vội trông, thấy ông cụ Thi. Cười rất niềm nở và thành khẩn mời chàng quá bộ đến chơi. Tuy biết là ma, nhưng muốn thừa dịp hỏi

thăm phu nhân mạnh giỏi thế nào, bèn cùng đi vào làng. Mua rượu cùng uống, không hay trời sụp tối. Ông lão đứng dậy trả tiền rượu, rồi nói : « Nhà tôi không xa lắm, em gái tôi cũng mới quy ninh, mong thầy vui lòng dõn gót ngọc đến xông đất, đề trừ khử mọi điều bất tường giùm cho lão phu. »

Ra khỏi làng được vài vũ (1 vũ = 0.80m), lại có xóm nhỏ. Ngừng lại, gõ cửa bước vào, cầm nến dẫn lối cho khách. Một lát Trưởng phu nhân từ trong đi ra. Bấy giờ đề ý xem, thì rõ là người đẹp, chừng 40 tuổi. Bái tạ mà rằng : « Chúng tôi dòng họ sa sút, nhà cửa điêu linh. Ân huệ của thầy thật đã cảm thấu đến xương tủy cốt rụi. Quả tình chẳng biết cách nào đền đáp cho cân. » Nói xong, bưng mặt khóc.

Rồi cất tiếng gọi Ái-Nô, quay về phía Từ mà rằng : « Con tì này, thiệp rất yêu mến. Nay xin đem tặng cho thầy, mong có thể khuây sầu cô tịch nơi đất khách. Hễ có cần dùng cái gì, nó cũng biết đón ý khá lắm. » Từ chỉ vâng vâng dạ dạ. Một lát hai anh em đều lui ra. Á ở lại hầu hạ giấc ngủ cho khách.

Gà vừa gáy sáng, ông lão đã lại thâu thập hành lý lên đường. Phu nhân cũng bước ra, dặn tì nữ rón lo phụng sự thầy, và bảo Từ rằng : « Từ nay trở đi càng nên kín đáo. Đó với đây, gặp gỡ nhau quả là dị thường, sợ e những kẻ hiểu sự lại đặt điều dị nghị. » Từ thưa vâng rồi cáo từ, cùng ả leo lên lưng ngựa.

Đến lữ quán, chỉ ở một phòng, chung chạ cùng nhau. Đôi khi có khách đến, ả không lánh mặt, mà người ta cũng chẳng đề ý dòm dò làm chi. Hễ chàng

muốn gì, ý vừa chớm nảy, là ả đoán trúng ngay. Ả lại có tài làm thầy phù thủy, bắt luận bịnh nào chỉ nắn bóp một tí là lập tức khỏi hẳn.

Thanh minh, về thăm mộ. Ả chia tay bước xuống. Từ dặn nhớ giùm thay lời cảm ơn phu nhân. Ả « vâng » một tiếng, rồi chìm mất tăm dạng. Mấy hôm sau trở lại, đương tính quật mả, chợt thấy ả ăn mặc lộng lẫy ngồi ở gốc cây. Bèn cùng lên đường. Trọn năm đi đi lại lại như thế là thường sự. Muốn đem nhau về quê nhà, ả khẳng khẳng chẳng chịu.

Gần cuối năm, từ biệt lữ quán mà về. Lúc cùng nhau hẹn ngày tái hội, ả đưa chàng đến chỗ ả ngồi đạo trước, trỏ đồng đá mà nói : « Đây là mộ của thiếp. Thuở phu nhân chưa xuất giá, thiếp theo phục dịch. Chẳng may chết yểu, được chôn tại đây. Như chàng có đi qua chốn này nữa, xin đốt cho một nén hương, ắt sẽ được gặp lại. »

Rồi từ giả ra về, nhớ nhung khổ sở. Cuối cùng đi chùa khấn cầu cho thấy mặt, nhưng tuyệt không một vang thừa bóng sót nào cả. Bèn đi mua quan tài, và đào mộ, định lấy cốt đem về chôn ở quê nhà, cho nỗi lòng yêu dấu có nơi ký thác. Huyệt vừa đào, liền bước xuống, thấy nhan sắc hết như còn sống. Có điều da thịt tuy chưa rữa nát, nhưng y phục đã ải ra tưa tro tàn. Trâm ngọc trên đầu, xuyên vàng đeo tay, đều như mới tinh. Xem chỗ thắt lưng, thấy một gói vàng chừng vài ba nén, cuộn lại cất vào trong áo. Bấy giờ mới cời áo dài đắp lên thân, ôm đặt vào sàng.

Mướn xe chở về, dừng lại ở gian nhà riêng, phủ thêm một cái cùn thêu

cho đẹp, rồi một mình chực sẵn bên cạnh. Ao ước có điều gì linh ứng chẳng. Bỗng Ái-Nô từ ngoài đi vào, cười rằng : « Anh chàng cướp mộ ở tại đây sao ? » Từ vừa ngạc nhiên vừa mừng rỡ, hỏi thăm tíu tít. Ả nói : « Trước đây thiếp theo phu nhân sang phủ Đông-xương (thuộc tỉnh Sơn-đông ngày nay), được ba hôm quày về, thì ra nhà cửa đều trống không cả. Mặc dầu đã mấy phen được chàng mời cùng về, nhưng vẫn không chịu theo, là bởi thuở bé thọ ơn phu nhân nhiều quá, không nỡ lìa đó thôi. Chớ nay đã cướp thiếp mang về, xin chôn cất sớm chừng nào, thì ân đức của chàng sẽ sâu dày chừng ấy. »

Từ hỏi : « Đời xưa có người mất đã trăm năm mà vẫn sống lại được. Nay thề xác thơm tho của em còn y nguyên, sao chẳng noi gương người thuở trước ? » Than rằng : « Đó chỉ là định số. Những sự linh dị truyền thuyết từ đời này sang đời nọ quá nửa chỉ là huyền vọng. Nhưng nếu muốn đứng lên mà động dậy, cũng chẳng khó gì đâu. Chỉ hiềm không thề giống hệt người sống được, nên chẳng cần hiện lên đó thôi. »

Bèn mở quan tài mà vào. Thấy liền tự đứng dậy chứng chạc, trông khả ái vô cùng. Rờ ngực ả, thấy lạnh ngắt như băng tuyết. Ả bèn ra dáng muốn vào quan tài nằm lại. Từ cố ngăn cản, thì ả nói : « Thiếp đã được phu nhân yêu mến rất mực. Lúc sanh thời chồng bà từ phương xa về, dành dụm vàng được mấy muôn lượng, thiếp lấy trộm một ít, cũng không hề dò hỏi. Về sau, cảm thấy ngày chết gần kề, và không

ai là người thân quyến, bèn giấu kỹ theo mình đề cùn̄g chôn một chỗ. Phu nhân thương thiếp yếu thọ, lại cho thêm nhiều đồ trang sức quý báu đề liệ̄m chung. Thân này sở dĩ chưa hư nát, ấy chẳng qua là nhờ lây được chút khí bẽn̄n bỉ của hoàng kim bảo vật đó thôi. Nếu hiện lên cỏi thế, làm sao tồn tại lâu dài được ? Còn như quyết muốn như vậy, thì thiếp khần thiết xin đừng ép phải ăn uống. Ví phỏng làm cho linh khí trong người thiếp tan đi mất, thì mảnh du hồn này chắc cũng sẽ tiêu đi ».

Từ bẽn̄n dựng một cái tỉnh xá, cùn̄g ở chung nhau. Tiếng cười giọng nói cùn̄g giống như người thường, có điều không ăn không ngủ, mà cùn̄g không muốn gặp người sống. Hơn một năm sau, Từ có lần uống rượu say ngà ngà, đồ đại mấy giọt rượu thừa vào mình ả. Lập tức ngã xuống đất, từ trong miệng máu chảy ra đầm đìa. Nội ngày ấy, thề xác tan rã. Chàng hối hận vô cùn̄g, lo việc mai táng cực kỳ tiem̄ tất.

BỒ-TÙNG-LINH
(1640-1715)

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được mấy bản nhạc đặc biệt sau đây do ông Lê - Mộng - Bảo, giám đốc nhà xuất bản " *Tinh-hoa miền Nam* " gửi tặng :

— *Tình đêm liên hoan* của Hoàng-Thi-Thơ.

— *Thôn trắng* của Mạnh - Bích và Nguyên-Diệu.

— *Ngày em về thăm quê tôi* của Y-Vân và Tô-Hà-Vân.

— *Mùa hoa hẹn ước* của Hoài-An và Hồ-Đình-Phương.

— *Kiếp nào có yêu nhau* của Phạm-Duy.

Chúng tôi xin cảm ơn ông Lê-Mộng-Bảo và xin ân cần giới thiệu cùn̄g bạn đọc.

— Chúng tôi vừa nhận được cuốn sách *LUẬT THƯỢNG ĐẾ* của đại văn hào Jessamyn West (bản dịch của Hà-Châu và Như-Hương do nhà xuất bản Văn-Nghệ Quốc-Tế gửi tặng.

Sách dày 290 trang, ấn loát mỹ thuật.

— « *Những cánh thư mùa ly loạn* », truyện dài của Nguyễn-Huy-Hiền, sách dày 122 trang giá 37\$ do tác giả gửi tặng.

— « *Kịch Tôn Sơn Bá tước* » Tập I và II, trường thiên tiểu thuyết của Alexandre Dumas do Vương-Hoài-An dịch, nhà xuất bản Lan-đinh gửi tặng.

Cùn̄g các bạn gửi bài : Các bài đăng trên Bách - Khoa : *Số Kỷ niệm đệ-nhi chu-niên* (15-1-59) và *số Tết*, xin gửi đến tòa soạn Bách-Khoa trước ngày 15-12-58.

Các bạn hãy đón coi :

BÁCH-KHOA SỐ LỄ GIÁNG-SINH

PHÁT HÀNH VÀO DỊP LỄ GIÁNG-SINH NĂM 1958.

- ★ Những bài khảo luận công phu về Lễ Giáng-Sinh.
- ★ Những sáng tác văn nghệ đặc sắc của các cây bút quen thuộc.



BÁCH - KHOA SỐ ĐẶC BIỆT

KỶ NIỆM ĐỆ NHỊ CHU NIÊN CỦA

« Tạp chí BÁCH-KHOA »

- ★ Bách-khoa Số ĐẶC BIỆT đánh dấu 2 năm cố gắng của BÁCH-KHOA.
- ★ Bài vở chọn lọc trong Một năm để trình bày trong Một số.
- ★ Nơi góp mặt của tất cả các cây bút xuất sắc.
- ★ Bìa trang nhã do họa-sĩ Phạm-Tăng minh họa công phu.

BÁCH-KHOA Số Đặc Biệt Kỷ Niệm Đệ Nhị Chu Niên
*SỐ BẢO KHÔNG PHỤ LÒNG CÁC BẠN HAM KHẢO CỨU,
YÊU VĂN NGHỆ*

TỪ ĐIỂN Y NGỮ VIỆT-NAM

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

(khởi đầu từ B. K số 39)

A

acronarcotic :

- (V) : — Thuốc mê có vị chát.
— Vừa có tính chất làm mê và vừa chát.

acroneuropathy :

- (N) : Mất sao thần kinh tât hoạn.
(V) : Bệnh các đầu dây thần kinh.

acroneurose :

- (N) : Tứ chi thần kinh chứng.
(V) : Chứng thần kinh chân tay bị hỏng.

acronyx : (ongle incarné) :

- (T) : Khảm giáp. (*Khảm* : dát.)
(V) : Bệnh sưng mé móng.

acropachy (acropachia) :

- (T) : Trừ trạng chi. (*trừ* : cái chầy.)
(N) : Côn bông trạng chi.
(V) : Chứng ngón hình gậy

acropachyderma :

- (T) : Chi hậu bì bệnh. (*hậu* : dày.)
(N) : Chi đoạn hậu bì.
(V) : Bệnh dày da chân tay.

acroparalysis :

- (T) : Chi ma bí. (*ma bí* : tê liệt.)
(N) : Tứ chi ma bí chứng.
(V) : Chứng bại chân tay

acroparesthésie (acroparaesthésie) :

- (T,N) : Chi đoạn cảm giác dị thường.
(V) : Chứng kiến bò đầu ngón.

acropathie : Tên chỉ các bệnh về đầu ngón.

acropathologie : (acropathy.)

- (T) : Chi bệnh.
(N) : Tứ chi bệnh lý học.
(V) : Ngành học về bệnh lý của chân tay.

- acrophobie** : (hypso-phobie) : (*acro* : đỉnh, chóp.)
 (T) : Cao xú khủng bố.
 (N) : Cao sở khủng bố.
 (V) : Chứng sợ cao.
- acroplastique** : (formule...) :
 (V) : Công-thức hoặc toàn thể công-thức chỉ rõ hình dạng bàn tay và bàn chân.
- acropolyarthrite** : (V) : Bệnh nhiều khớp xương đầu ngón bị sưng.
- acroposthite** : (acroposthitis) :
 (T,N) : Bao bì viêm.
 (V) : Chứng sưng da quy đầu. (xem chữ : acrobystitis.)
- acrorrheuma** :
 (T) : Chi phong thấp bệnh.
 (V) : Bệnh phong thấp đầu ngón.
- acrosarcomatose de Kaposi** : xem chữ : Sarcomatose multiple hémorragique de Kaposi.
- acroscleroderma** : (sclérodactylie) :
 (T) : Chi ngón bì bệnh. (ngạnh : cứng.)
 (N) : Chi chỉ cứng bì chứng. (cứng : cứng.)
 (V) : Chứng da ngón (tay) hóa cứng.
- acroclerosis** :
 (T) : Chi đoạn biến ngạnh.
 (N) : Tứ chi ngạnh kết chứng.
 (V) : Chứng chân tay hóa cứng.
- acrosome** (perforatorium, apical body) :
 (T) : Đỉnh thể (tinh tử). (đỉnh : đầu ; *tinh tử* : tinh trùng, tên Pháp là Spermatozoide.)
 (N) : Phiên âm.
 (V) : A-cơ-rô-zô-mơ. (đầu nhọn của tinh trùng.)
- acrospacelus** (gangrène des doigts) :
 (T) : Chi hoại thư. (*chỉ* : ngón chân hay ngón tay).
 (N) : Tiêm đoạn hoại thư.
 (V) : Chứng thối ngón. (chân hoặc tay.)
- acrostéalgie** :
 (T) : Chi cốt thống.
 (N) : Tứ chi cốt thần kinh thống.
 (V) : Chứng đau xương chân tay.
- acrotism** :
 (T) : Vô mạch.
 (N) : Mạch bác khiếm như. (*bác* : đập, nói về mạch máu.)
 (V) : Chứng không mạch.
- acrotrophonévrose** : (*tropho* : chỉ về sự doanh dưỡng, nutrition ; *névrose* : bệnh các dây thần kinh, nerf.) :
 (N) : Trung khu tính tứ chi doanh dưỡng biến đổi chứng.
 (V) : Bệnh về doanh dưỡng thần kinh của chân tay.
- acruorie** : (*cruor* : phần máu đặc.) :
 (N) : Huyết bính hình thành bất toàn.
 (V) : Sự bớt máu đặc.
- ACS** : tên tắt của hội : « American Chemical Society » (Mỹ quốc hóa học hội.)
- acte** :
 (V) : — Việc.
 — Hành vi ; hành động.
- acte de décès** :
 (N) : Tử vong chứng minh thư.
 (V) : Giấy khai tử.
- acte impulsif** :
 (N) : Xung động hành vi. (*xung* : xông xáo, phũ phàng).
 (V) : — Hành động không dẫn đo, thiếu suy nghĩ — làm liều, làm bừa.

acte obsédant :

- (N) : Cường bách hành vi.
(V) : Hành vi cưỡng bách.

acte morbide :

- (N) : Bệnh dịch hành vi.
(V) : Hành vi có bệnh.

ACTH : tên viết tắt của chữ tiếng Anh-Mỹ : « Adreno-cortico-trophic hormone », tên Pháp là : Corticostimuline ; xem chữ này.

actif :

- (T) : Hữu hiệu đích, hoạt tính đích ;
(N) : Năng động đích, hoạt động đích.
(V) : Có công hiệu ; — hoạt động.

actinie : (actis : tia sáng.) :

- (T) : Hải-quỳ loại.
(N) : Kê cân trứ.
(V) : Tên một động vật thuộc loại Hải-quỳ, sống trong nước bề, bên Hi-lạp và Viễn-dông. Những người mò bọt bề hay đi tắm bề, nếu chạm phải nọc độc của giống này thường bị chứng bệnh như : ngứa ngáy khó chịu, da sưng phồng to, đỏ và như bị bỏng.

actinique :

- (T) : Quang hóa tính. (*quang* : ánh sáng. *hóa* : hóa học ;)
(N) : — Phóng xạ tuyến.
— Hóa học tuyến tác dụng, (*phóng* : phát ra, thả ra ; *xạ* : bắn. *tuyến* : sợi dây, hay cái gì dài và nhỏ như sợi dây, tỉ như : quang tuyến là tia sáng.)
(V) : Có liên quan đến tính chất hóa học của ánh sáng.

actinisme :

- (T) : Quang hóa lực, — Xạ tuyến hóa học.
(N) : Phóng xạ tuyến luận.
(V) : — Quang hóa học ;
— Phóng xạ tuyến học. (*Science des radiations actiniques.*)

astinite (actinodermatose ;) :

- (T) : Xạ tuyến bì viêm.
(N) : — Phóng xạ tuyến bì phụ viêm.
— Quang tuyến tính bì phụ tật hoạn.
(V) : Chứng viêm da vì xạ tuyến. tỉ dụ : bị cháy nắng.)

actinium :

- (T) : a.
(N) : phiên âm.
(V) : ắc-ti-ni-ôm.

actinocardiogramme :

- (T) : Xạ tuyến tâm động đồ.
(N) : Phiên âm.
(V) : Xạ tuyến tâm động đồ. (*tâm* : quả tim ; *động* : đập ; *đồ* : hình vẽ, : *tâm động đồ* : hình vẽ ghi chép những chuyển đập của quả tim « les mouvements du coeur. »)

actinochemistry :

- (T) : Quang hóa học.
(N) : Phóng xạ hóa học.
(V) : Quang hóa học (khảo về tính chất hóa học của các ánh sáng.)

actinogen : (corps radioactif) :

- (N) : Phóng xạ tính vật chất.
(V) : — Vật có phóng xạ tính, —
— Vật phóng xạ.

actinogenesis : (genesis, genèse: sinh ra.)

- (T) : Xạ-tuyến phát sinh.
(N) : Phóng xạ tuyến phát sinh,
(V) : Sự phát sinh xạ tuyến.

actinogramme (skiagramme) : xem chữ:
Radiogramme.

actinographe : (*graphe*: ghi chép) :

(N) : — Quang tuyến kế (*kế*: tính toán, đo).

— Quang lực trắc định khí. (*trắc định*: đo lường.)

(V) : Máy tính quang lực. (*quang*: ánh sáng ; *lực* : sức mạnh.)

actinologie : (*logie*, *logos* : thuyết học, môn học) :

(T) : — Quang hóa học.

— Xạ-tuyến học.

(N) : Phóng xạ tuyến học.

(V) : — Ngành học chuyên khảo cứu :
1^o) tính chất hóa học các loại ánh sáng thường và các ánh sáng do lăng kính phân tích.

2^o) tác động về sinh-học của các thứ ánh sáng ấy.

— Quang hóa học.

actinolyte :

(T) : 1^o) Phóng xạ trị liệu khí.

2^o) Xạ tuyến tự phóng khí. (*liệu*: chữa bệnh ; *tự* : hợp lại ; — *phóng* : phát ra, thả ra.)

(N) : — Tập quang khí. (*tập*: như chữ tự.)

— Phát quang khí.

(V) : Máy tập quang. (để chữa bệnh.)

actinomètre :

(T) : — Lộ quang kế ;

— Quang hóa tuyến cường độ kế.

(N) : — Tuyến lượng kế.

— Hóa học quang lượng kế.

(V) : — Máy đo ánh sáng.

— Máy đo cường độ hóa học của ánh sáng.

(*Cường-độ* : độ mạnh, intensité.)

actinométrie :

(T) : — Lộ quang trắc định.

— Quang hóa tuyến cường độ trắc định.

(N) : — Phóng xạ tuyến lượng trắc định pháp.

(V) : Phép đo ánh sáng. — Phép đo cường độ hóa học của ánh sáng ; — Phép đo sức phóng xạ.

actinomycète (*actis* : tia, ánh ; *mycès* : nấm) :

(T) : Phóng tuyến quần thuộc. (*quần* : nấm.)

(N) : Phóng tuyến trạng quần.

(V) : Nấm ắc-ti-nô-mi-xét ; tên một loại nấm ký sinh, gây bệnh ắc-ti-nô-mi-cô ; Nấm này có một hình thù đặc biệt, trông như những hạt màu vàng ; ở trung tâm mỗi một hạt, là thịt nấm. Tự đó tỏa ra chung quanh như những tia sáng, nhiều dây nấm, mình trùng trục.

actinomycin (*Streptomyces antibioticus*) :

(T). — Phóng tuyến quần tố.

(N). — Phiên âm.

(V). — Chất ắc-ti-nô-mi-xin.

actinomycome :

(T). — Phóng tuyến quần chủng.

(N). — Phóng tuyến trạng quần chủng.

(V). — Bướu do loại nấm ắc-ti-nô-mi-xét gây ra.

actinomycose (lumpy jaw) :

(T). — Phóng xạ quần bệnh.

(N). — Phóng xạ trạng quần chủng.

(V). — Bệnh ắc-ti-nô-mi-cô, — Bệnh phóng xạ quần.

(Còn nữa)

KHỎI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

CHƯƠNG XIII

Hai năm sau, Mộc-Lan đã mười sáu tuổi. Trong hai năm đó, cô đã thêm được rất nhiều kinh nghiệm của cuộc sống, những thứ kinh nghiệm mà xưa nay, cô chưa hề nhận biết.

Cô đã theo học ở một học hiệu, cô đã vâng mệnh của song thân, đính hôn và cô cũng cảm thấy cô bị sa vào cái lưới của tình trường.

Trong các việc tao ngộ của cô, có một nhân vật đã đóng một vai chủ động rất quan trọng. Nhân vật ấy là Phó tiên sinh vậy. Phó tiên sinh đã có một sức ảnh hưởng rất lớn, đối với cuộc sinh hoạt của cô trong thời kỳ đó.

Phó tiên sinh vốn người ở Tứ-Xuyên. Sau này, về thời dân quốc, ông giữ chức bộ trưởng bộ giáo dục. Cũng do ở sự sốt sắng suy hành của ông, mà từ ngày ấy trong các trường người ta đã chính thức cho dạy cách chú âm bằng tự mẫu, đồng thời với chính thể tự, tức là chữ Hán. Chú âm tự mẫu thuộc loại chữ La-tanh của người Âu-Tây, chấp chữ thành văn, chấp văn thành tiếng. Chữ Hán là chữ tượng hình mà tự mẫu tức là chữ phiên âm, vậy.

Phó tiên sinh, người bé nhỏ, gầy gò, trên môi trên có điểm một hàng râu thưa. Tuy ông mang tật nghiện thuốc phiện, nhưng ông là một người đa tài, đa nghệ và là một học giả có một học lực uyên thâm và uần súc. Sinh bình, ông có hai thị hiệu rất lớn: một là đi du lãm các nơi có danh sơn, thắng cảnh, hai là sưu tập và chỉnh lý các sách cổ. Bà vợ ông là một người đã được hấp thụ một thứ giáo dục tân tiến của hiện đại. Bởi vậy, cả trong cái thời kỳ vợ chồng ông ở Bắc-kinh, không có năm nào hai ông bà lại không ly khai kinh thành để đi du ngoạn. Đã có nhiều lần, hai ông bà đã sống một cuộc đời mô phỏng theo các bậc ẩn sĩ, ở những nơi thâm lâm, cùng tẩu, trong một thời kỳ khá lâu. Hành lý của đôi vợ chồng học giả đó, rất đồi là giản dị: một gói chăn chiếu, mấy bộ quần áo lót mình, vài đôi bút tất ngắn và một gói cổ thư. Như vậy, những chiếc bút tất bản thường cuộn lẫn vào với những thư tịch cổ bản. Ông đã từng nhận dạy ở trường đại học, hai khoa: khoa Trung-quốc mục lục học và khoa bản bản học vì ông vốn là một chuyên gia độc nhất ở nước Tàu, khảo

cứu về mục lục thư tịch và các cổ bản. Trong khi giảng dạy, ông nhất định bắt phải kê ở trên bục của giảng đường một cái sô pha, thứ ghế dài có đệm và có tựa, để ông có thể nằm dài trên đó mà diễn giảng vậy. Tất cả sinh viên đều rất kính ngưỡng và cảnh mộ cái vị giáo sư gây guộc mà da mặt bầm ra thuốc phiện đó.

Vị học giả ấy không những có một căn bản học thức cực kỳ uyên bác, ông lại có một cái trí tuệ tuyệt đại nữa. Ngoài việc mê mải khảo cứu cổ học, ông rất nhiệt tâm đối với việc giáo dục, thứ nhất việc phụ nữ giáo dục. Về giáo dục phụ nữ, ông với bà vợ ông là hai nhà « tiên khu » đã gắng công khai sơn, phá thạch, để xây nền, đặt móng cho cái cơ sở ấy vậy.

Ngay từ khi mới ngoài hai mươi tuổi, ông đã được các nhân sĩ ở nơi cổ hương, ở miền tây nước Tàu, coi ông là một thanh niên có đầy hứa hẹn tốt đẹp ở tương lai. Năm ông hai mươi sáu, ông đã đỗ đầu trong một khoa thi và được vinh dự đầu hàm hàn lâm. Sau một khoa thi nữa, ông lại được vinh nhậm chức hàn-lâm biên-tu. Khi có loạn quyền phỉ, ông mới mang gia quyến lên Bắc-kinh. Đến năm 1903 thì ông vào làm mạc-tân ở dinh Tổng-đốc của Viên-Thế-Khải. Lúc đó, ông Tăng-Văn-Phác cũng đã ở dưới trướng của họ Viên, bởi vậy, thân phụ của Mộc-Lan mới vị cây dây leo mà quen biết Phó tiên-sinh. Cũng vì Phó tiên-sinh là một nhân vật có một kiến giải rất sâu xa, tuy ông còn trẻ, nhưng ông đã có tài cao chiêm, viễn chúc, nên thân phụ của Mộc-Lan vô cùng bội phục và tình

giao nghị giữa hai người có phần mật thiết hơn giữa ông và ông Tăng-Văn-Phác.

Đã có một tài kỳ, Phó tiên-sinh được đặc phái xuống Hoa-nam để huấn luyện tân quân. Đến khi trở lại Bắc-kinh, ông lại được cử làm phó giám đốc ty giáo dục ở tỉnh Trục-lệ.

Năm 1906, ông đứng sáng lập trường nữ sư phạm ở Thiên-tân mà bà vợ ông đảm nhậm chức hiệu trưởng.

Cũng do ở sự giới thiệu của Phó tiên-sinh mà Mộc-Lan được theo học ở cái học hiệu đầu tiên, riêng lập cho con gái; cô cũng lại là một trong những người đầu tiên hưởng ứng phong trào vận động về sự giáo dục của nữ-tử.

Sở dĩ Diêu-gia quen biết Lập-Phu, một thanh niên đồng quận với Phó tiên-sinh, cũng là do Phó tiên-sinh giới thiệu và cực lực tán dương.

Hai ông bà Phó tiên-sinh, thời thường đi lại Diêu-gia, nên Phó thái-thái không bỏ qua một dịp nào, không kiệt lực khuyên nhủ hai cô em nhà họ Diêu, nên lên theo học ở học hiệu của bà.

(Phó tiên-sinh cũng du ngoạn với gia đình Diêu tiên-sinh, có Man-Ni theo cùng mẹ con Lập-Phu, một học sinh nghèo, có chí, được Phó tiên-sinh quý mến và giúp đỡ).

Trên bàn ăn, Phó tiên-sinh và Diêu tiên-sinh bàn luận tới những uý bút của hoàng-đế Càn-Long ở trên các bia, các bức đại tự, bức hoành. Trong các miếu vu ở Tây-sơn, chỗ nào cũng có tự tích của đức Càn-Long; ngay như ở tòa miếu đương ngồi ăn này, đằng trước cửa cũng có một bức.

Ông Diêu-tư-an nói : « Chắc là đức Càn-Long rất tự phụ về thơ pháp của ngài... »

Mộc-Lan đương nghĩ thầm rằng : một ông hoàng-đế mà đi đến đâu, cũng để bút tích lại, có thể mất hết vẻ tôn nghiêm ; thì, ở đầu bàn, đằng kia, Lập-Phu lên tiếng, nói : « Cái gì hiếm mới quý, một vị hoàng-đế mà đi tới đâu cũng lưu bút tích lại, như thế có quá nhàm không ạ ? »

Hiển nhiên rằng Mộc-Lan và Lập-Phu đã « khí cầu, thanh ứng », tình ý đồng điệu với nhau như cung đàn, nhịp phách vậy.

Nhưng Mạc-Sầu, xưa nay. Vẫn ít nói ; cô nhận thấy lời phê bình đó có đôi phần quá thiên lệch, không được công bình.

Lập-Phu quay hỏi Phó tiên-sinh : « Thưa Phó tiên-sinh, tiên-sinh có thích lối chữ của đức Càn-Long không ạ ? »

Phó tiên sinh đáp : « Nét bút thi già giản, có lực đấy, nhưng không có gì là « trấn hóa », là tuyệt vời cả ! »

Lập-Phu nói tiếp : « Thưa, còn như thơ, quả, cháu chưa được đọc một bài thơ hay nào của ngài... Tất cả đều là cái lối thơ « cam thảo », không cay, không đắng, nhưng cũng chẳng ngọt sắc, nó chỉ lờ lợ một tí, thế vậy thôi, và lúc nào ngài cũng cố gò lấy cái « điệu », cái « khí » của một đứng thiên tử ; nào ca tụng hòa bình, phồn hoa, người đẹp, hoa thơm, cỏ lạ, ngài định nói cái gì, người ta đều đoán được ra trước tất cả ; nói tóm lại, ngài chỉ nói ra những điều gì mà người ta muốn ngài nói, có vậy thôi ạ... »

Hốt nhiên, Mạc-Sầu hỏi : « Thưa, thế ra, cứ hễ làm thơ mà người ta đoán được trước điều gì mình muốn nói, là không phải thơ hay, hay sao, kia ạ ? » Cô, cũng là vì bị xung đột quá, mà buột miệng thốt ra câu hỏi đó ; đối với Lập-Phu, nó có cái vẻ như là thách thức, khiêu hấn vậy.

Lập-Phu ngạc nhiên, ngược mắt nhìn cô ; cậu không thể không trực tiếp đáp lại cô. Cậu nói : « Đúng thật, nếu chỉ nói những cái mà người ta đợi mình nói, thì lẽ đương nhiên, thứ thơ đó chỉ có thể là một thứ thơ bã dẻ, vì thơ phải có cốt cách và bản sắc. »

Mạc-Sầu tự nhận thấy cần phải nói thêm, mới được. Cô nói : « Cái đó cũng còn tùy đấy, chứ không có một định lệ nào cả... vì các thi nhân, ẩn sĩ, có hẳn một cuộc sống riêng biệt, họ không sống trong cái khuôn khổ của đời sống thông thường ; bởi vậy, thi ca của họ nhất định cũng phải ra ngoài cái lãnh vực thông thường... Đức Càn-Long là một vị hoàng-đế, vậy nên ngài chỉ nói những điều mà thần dân yêu cầu ngài nói, vì ngài chỉ làm những việc mà thần dân mong muốn ngài làm... Nếu theo cái luận điệu này, thì những thi ca tầm thường của thi nhân ẩn sĩ, có thể là thứ thi ca kiệt tác của hoàng-đế. Cái công việc chính của hoàng-đế là việc trị lý quốc gia, không cứ gì việc làm thơ, việc gì của ngài, cũng phải thể hội theo cái mực sống thông thường của cả thần dân. »

Nói tới đó, Mạc-Sầu sực nhớ ra rằng, mình nói thế hơi đi xa quá sự lễ mạo của một cô gái. Cô chỉ nói thế

rồi thôi ngay, và cô cho mấy lời trên đây không phải là biện luận.

Phó tiên-sinh lại hỏi cô : « Thế, theo ý của Mạc-Sầu, có phải nét bút của đức Càn-Long đủ pháp tắc, có phải không ? »

Mạc-Sầu đáp : « Thừa tiên-sinh đúng thế, nét chữ của ngài đậm đà, vuông vắn, đầy chữ ạ... Con thiền nghĩ, thư pháp của hoàng đế phải như vậy, mới phải, chứ không thể trương kỳ, cổ quái được, vì nếu trương kỳ cổ quái, thì còn đâu là vẻ uy nghiêm của đấng chí tôn. »

« Ở kia, Mạc-Sầu! chết chữa, con dám biện luận với Phó tiên-sinh, kia à! » Bà thân mẫu cô vội ngắt lời cô, bà cũng chẳng nghe thủng câu chuyện đương bàn cãi, bà chỉ biết, một cô gái mười bốn, mười lăm tuổi đầu, mà dám đường đường, tranh luận với một vị học giả trứ danh, như thế, là khiếm lễ.

« Thừa, không hề chi, xin thái-thái cứ đề mặc cho cháu nó bày tỏ ý kiến của nó ; tôi rất thích nghe, thích biết tư tưởng của các thanh niên ! » Phó tiên-sinh nói như vậy và tất cả hai bàn đều đình chỉ, chú ý, để nghe xem Mạc-Sầu nghị luận ra sao.

Mạc-Sầu nói : « Thừa, đây là con chỉ muốn biện hộ cho hoàng-đế mấy lời, đây thôi ạ... Vả lại, con thường thấy ở những nơi danh thắng, các du khách, ai cũng khắc, đề đề thơ, ghi tên, ở trên các vách đá, tường gạch, vậy thì sao một đấng chí-tôn lại không làm được cái việc đó, kia ạ ? Trong khi đức Càn-Long ở trên ngai cửu ngũ, ngài đã

cho trùng tu, kiến thiết, biết bao nhiêu tòa đền, miếu, chùa chiền, thì, cho dấu ngài không ưng ý, người ta cũng cố khăn cầu ngài, đề ngài, đề chữ, để làm kỷ niệm. Ngài lại vốn là một đấng thiên-tử của một thời thái bình, thịnh trị, ngài lại là người đề sáng lên các việc văn học, nghệ thuật, bởi vậy, thơ của ngài, nhất định phải là một loại thơ « phần sức thái bình », nghĩa là nó chỉ phô trương tất cả, cái hay, cái đẹp của cái thời thịnh trị đó, nhi dĩ. Nói tóm lại các cung từ cũng phải như vậy nốt! còn nét chữ viết của hoàng-đế tất phải thuần chính, ấy thế mà, bút pháp của đức Càn-Long lại thiệt là viên nhuần, bảo mãn, bút pháp của ngài thực đoan chính, nó hàm súc một lực lượng con thiền nghĩ, đó là cái phẩm cách mà các vị hoàng-đế phải có. »

« Trời sinh mỗi người có một thiên tư riêng biệt... » Thân phụ của Mộc-Lan, mặt đầy tiểu dung nói với Phó thái-thái : « Thừa thái-thái, thái-thái cứ xem nét chữ của cháu Mạc-Sầu, mà coi, chữ nào, chữ ấy, đều tròn trĩnh, đầy đặn... Còn chữ của Mộc-Lan thì cứng đăng đăng y như chữ của con trai vậy. »

Phó thái-thái nói : « Nếu người ta có thể nói, văn tức là người, thì người ta cũng có thể bằng vào bút tích và tự dạng để dự đoán ra tính nết và phẩm cách của một con người... Đối với một thức giả, không khi nào giấu giếm nổi... Nếu mình có một tâm địa bất chính, quyết nhiên, tự thể sẽ không thuần chính được.

Đây là ý kiến của Phó thái-thái, nhưng nó cũng là phản ảnh ý kiến của ông chồng bà. Thêm hơn nữa, bà lại quả

quyết rằng, có thể xem chữ của một người mà dự biết được cả vận mệnh của người đó.

Tuy Phó tiên-sinh có những tư tưởng rất tân tiến, nhưng ông cũng không khỏi không có những quan niệm của chủ nghĩa thần bí của các lão học giả, mà rất tin các khoa chiêm tinh, tướng, số.

Phó tiên-sinh nói tiếp : « Người ta lại còn có thể xem chữ mà biết cả sự thọ, yểu, nữa kia ! »

Mạc-Sầu nói : « Thừa chính thế đấy Ạ, cái bút tích viên nhuận, bảo mãn, của đức Càn-Long chứng tỏ sự trường thọ của ngài, vì con nghe đâu, ngài sống tới tám mươi chín tuổi, và ngài đã tại vị trong một thời gian dài nhất lịch đại, đấy Ạ. »

Lập-Phu nói : « Thừa, tôi không thể tin hẳn được điều đó Ạ. »

Phó tiên-sinh nói : « Cái đó là do cháu còn ít tuổi quá. »

Lập-Phu lại nói : « Thừa, cháu cũng không hiểu tại một lẽ gì mà chữ của cháu xấu quá. »

Phó tiên-sinh đáp : « Cái duyên cớ, là cái tính hiếu kỳ của cháu... Kể ra, cái tính hiếu kỳ không phải là một tính xấu, nhưng cần phải dùng quy luật để điều hòa, kiềm chế nó... Cái phương pháp viết chữ, thì bắt đầu phải cần đạt tới sự bình chính, nghĩa là chữ cần phải ngang bằng, sổ ngay trước đã; khi đã đủ sự bình chính, lúc ấy, mới truy cầu sự hiêm tuấn, nghĩa là sự cao siêu, hiêm hóc, để vượt lên trên sự thường, sự ngang bằng, sổ ngay; thế

rồi, một khi đã đạt tới sự hiêm tuấn, người ta lại cần phải trở lại sự bình chính như cũ để tránh sự cuồng loạn hay sự bí hiêm... Đó là cái pháp tắc tối cao của thư pháp vậy. »

Phó tiên-sinh, nhân đó, lại kể tục giải thích về thuyết « nhị nguyên luận », mà bấy nay, ông vẫn thường đem gói ghém tất cả cuộc sống vào trong đó. Ông nói : « Toàn bộ của cuộc sống đều là kết quả của hai thứ lực lượng : « bình chính », và « bất bình »... »

... Nếu không có « bình chính », không thể nào có cơ sở được vì bình chính tức là một thứ « ly tâm lực », nó thúc đẩy tất cả ra bên ngoài, xa hẳn điểm trung tâm. Trái lại, nếu không có « bất bình », không sao có sự tiến bộ được vì bất bình lực tức là một thứ « hồi tâm lực », nó thu hút tất cả vào điểm trung tâm. Bởi vậy, trên thực tiễn, bình chính có khuynh hướng đẩy mọi việc ra ngoài quy luật, ra ngoài vòng cương tỏa để tìm cái mới, cái lạ, nghĩa là sự tiến triển ; còn bất bình, thì, trái lại, có cái hấp lực lôi cuốn mọi việc vào sự quy định, vào trong vòng trật tự, để tránh sự đi quá trớn, sự rối loạn vậy. Hai nguyên tắc trên đây điều hòa tất cả sự vật trong hoàn vũ, mà cuộc sống của người đời cũng tức là cái kết quả có tiết tấu của hai lực lượng bình chính và bất bình nó cũng tỷ như khí âm và khí dương, chúng giao hồ với nhau mà cấu tạo ra bốn mùa, cùng là thời tiết trong một năm.

Bỗng, người ta nghe thấy tiếng cười vang của Mộc-Lan và San-Thư. Tất cả mới quay đầu nhì lại, rồi có một

KHOI LỬA KINH THÀNH

người hỏi : « Các cô có cái chi thích ý mà cười dữ lắm vậy ? »

« Thưa, không có gì đâu ạ... » Cô đáp xong, lại càng cười ròn hơn, to hơn.

Man-Ni giải thích, nói : « Thưa cả nhà, các cô ấy cười tôi, đấy ạ, vì em Mộc-Lan em ấy bảo, chữ của tôi, trông in một con chuột, vì vậy nên tôi mới nhút nhát như con chuột nhất vậy !... »

« Đấy là em nói đùa đấy chứ. » Mộc-Lan nói tiếp : « Và nếu căn cứ vào lý luận của Phó tiên-sinh, thì, nếu chữ của ai giống một con mèo, nhất định chú mèo sẽ nuốt tươi hẳn chú chuột. »

Phó tiên-sinh vừa cười, vừa nói : « Cái đó cũng còn tùy... các cô đã được nghe chuyện, chuột ăn thịt mèo chưa, cái đã ? »... Và Phó tiên-sinh kể : « Ngày xưa, cổ sự còn ghi, có một năm đói kém, mất mùa, có một con chuột chịu khó đi kiếm ăn nên rất lớn, mà mèo nhà thì đói mèm, gầy nhom, vì, người còn thiếu ăn thì chó, mèo, nhất định bị đói lây, mèo yếu thế, bị chuột đánh bại, đâm đầu chạy dài... » Ông lại hỏi Mộc-Lan : « Thế, chữ của cô giống con gì ? »

Mộc-Lan đáp : « Thưa chữ của con chẳng giống con gì cả, ạ.... à mà,... giống con rắn thì phải... »

Mạc-Sầu ở bên kia, cười, nói : « Ờ ờ, rắn có thể ăn được thịt chuột... »

Mộc-Lan liền hỏi Man-Ni : « Chị Man-

Ni này ! chị có sợ em ăn thịt chị không nào ? »

Man-Ni đáp : « Tùy đấy, nếu em đói, thì cũng chưa biết chừng ! »

San-Thư nói : « Ôi ! thế thì nguy cho tôi quá... chữ của tôi giống hết quả hạt dẻ, nó chẳng tròn mà cũng chẳng vuông, vĩnh viễn, không thể nào đứng được ngay ngắn, thẳng dòng, cả, như vậy, nhất định tôi sẽ bị cả nhà ăn mất ! »

Phó-tiên-sinh lại hỏi Mộc-Lan : « Thế, chữ của em Mạc-Sầu cháu giống con gì ? »

Ngừng lại một hai giây, Mộc-Lan mới đáp : « Thưa, chữ của em cháu giống in con gà gô, mình tròn trĩnh, đầu, đuôi, bằng nhau, lông bóng mượt... »

Vừa khi ấy, một nhà sư đi tới và chợt nghe thấy hai tiếng « gà gô » thì vội vàng xin lỗi, nói : « A di đà Phật ! nhà chùa rất lấy làm tiếc, không thể ngả « huân thái » mà cho làm gà gô để chư vị dùng !... »

— Cả nhà đều cười và giảng rõ để nhà sư nghe rằng, cả nhà đang bàn về tự dạng và thư pháp. Liền đó, Phó-tiên-sinh đưa thù lao nhà chùa một số tiền là mười đồng và cảm tạ nhà chùa, đã cho cả đoàn dùng một bữa cơm tray cực tốt hảo.

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG

HẾT CHƯƠNG XII

BÁCH KHOA XXXXVII

Giáo - Dục Phổ - Thông

Bán nguyệt-san xuất bản vào những
ngày mồng 1 và 15 mỗi tháng

Chủ nhiệm : PHẠM-QUANG-LỘC

với 3 đặc-điểm

- Tài-liệu chính-xác và độc-đáo về văn-học bổ ích chung cho những ai tha thiết đến vấn đề văn-học nước nhà.
- Biên - khảo công phu về âm - nhạc, khoa - học, luật - học căn yếu.
- Sáng-tác hấp-dẫn lành-mạnh.

Bộ Biên Tập

- | | |
|-------------------|---------------------|
| — Bình-Nguyên-Lộc | — Nguyễn-Hiền |
| — Châu-Hải-Kỳ | — Nguyễn-Trường-Sơn |
| — Giang-Tân | — Nguyễn-Văn-Thanh |
| — Hoài-Khanh | — Phạm-Quang-Lộc |
| — Huy-Sơn | — Phùng-Bá-Khanh |
| — Kiêm-Đạt | — Thái-Bạch |
| — Kim-Tuấn | — Võ-Liệu |
| — Lê-Thành-Nhân | — Vũ-Anh-Tuấn |
| — Nguyễn-Ngu-Í | — Vũ-Đặng |

Giá mỗi số : 8 \$

Sáu tháng (12 số) : 90 \$

Một năm (24 số) : 180 \$

- Thư từ, bài vở xin gửi về :

Tòa soạn « Giáo-Dục Phổ-Thông » 8 Ngô-Đức-Kể — Saigon

- Tiền bạc, ngân phiếu, xin đề tên : **Ô. Nguyễn-Văn-Thanh.**

HỘ THƯ BÁCH KHOA

Anh Nguyễn-Ân (Tam-kỳ): Đã nhận được thư anh. Rất vui mừng vì anh đã thông cảm với chúng tôi và những nhận xét của anh thực xác đáng. « Thi sĩ Huê-Phong » sẽ đăng trên Bách-Khoa số 48 tới đây. « Bèo mây » và « Đôi lòng » sẽ xin đăng lần lần trên những số sau.

Ô. Trần-Kinh (Huế): Chúng tôi đã nhận được thư ông. Trân trọng cảm ơn ông đã chỉ dẫn cho những chữ không giống nhau trong hai bản nguyên văn « Trường hận ca » của Bách-Khoa và của ông. Chúng tôi đã nhờ tham khảo lại, nếu thấy sai, sẽ xin đính chánh. Chúng tôi cũng rất vui mừng nhận được thêm một bài dịch « Trường hận ca » nữa, có dịp chúng tôi sẽ xin đăng. Mong ông gửi thêm cho các bài thơ dịch như ông ghi chú trong thư.

Cô Lê-Thu: « Mẹ con », « Người đàn ông của gia đình » cảm động nhưng thiếu kỹ thuật. Mong đợi những bài khác nữa của cô.

Ô. Tạ-Ký: « Thập giả còn nguyên máu chảy » sẽ đăng trong Bách-Khoa số Lễ Giáng-sinh.

Ô. Lê-Hùng: Đã nhận được bốn bài thơ của ông. Chúng tôi sẽ lựa đăng trong những số tới.

Ô. Nguyễn-Thiếu-Nguyên (Đà-lạt): Rất vui mừng được biết ông không hiểu lầm chúng tôi. Đương xem « Tìm hiểu công cuộc sáng tạo của nghệ sĩ ». Sẽ đăng : « Đặc tính của tiểu thuyết ».

Ô. Hương-Quy (Đà-nẵng): Đã nhận được hai bài thơ của ông. Sẽ đăng « Trưởng thành » (tiếc rằng đoạn 4 kèm 3 đoạn trên).

Ô. Hàn-San: Đã nhận được các sáng tác của ông. Sẽ đăng : « Tình Liêu-trai ».

Ô. Nguyễn-Tương-Như: Chúng tôi đã nhận được bài « Thống nhất thoại ». Trân trọng mong ông cho biết tên và địa chỉ thực để chúng tôi tiện liên lạc với ông trước khi đăng bài trên đây.

Ô. Hy-Vũ (Di-linh): Đã nhận được các bài ông gửi tới. « Vết thương lòng » rất tiếc không đăng được. Thơ sẽ lựa đăng. Bài biên khảo đương xem.

Ô. Phan - Hiền - Đức (Chợ-lớn): Mong nhận được thêm sáng tác khác nữa của ông.

Thiếu tá Lý-Bá-Phàm (Trường Đại học quân sự): Đã nhận được bài quân sự của ông, rất cảm ơn. Sẽ đăng trong những số tới.

Anh Nguyễn-Từ-Quang (Bạc-liêu): Đã nhận được thư anh. Xin anh cho biết địa chỉ hiện tại của anh để tiện gửi bưu phiếu.

Ô. Đức-Minh: « Ngày mưa » (The rainy day) Thơ dịch lưu loát nhưng không sát ý, đôi chỗ gượng ép quá.

Ô. Nguyễn-Phan-Quế (Quảng-ngãi): Sẽ xin đăng : « Câu chuyện gió sương » gửi lần sau.

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Ô. Hoa (Mytho) : Chúng tôi đã nhận được thư cho biết có một số « Thanh-Nghị » muốn bán lại. Xin ông ghi rõ giá tiền và tên cùng địa chỉ hiện tại của ông để chúng tôi tiện liên lạc.

Ô. Trần-Nhân-Giang (N.T.) : Đã nhận được các sáng tác của ông. Đang xem, xin trả lời sau.

Các bài không đăng : Vì nhiều lý do khác nhau, rất tiếc những bài sau đây, hoặc không đăng được hoặc chưa đăng ngay được : « Tôi trở lại » (thơ N. Minh) « No-en 58 nao-nao » (V. Thu) « Cakya Mouni » « Nhật ký — Tuổi các em » (C. Vân) « Kỳ-Hồ », « Say » (T.T.N. Gia-định).

ĐÍNH CHÁNH

Bách-Khoa số 46

★ Bài « PASTERNAK » của Lưu-Nguyễn Đ.T.T. dịch trang 55, cột 2, dòng 20 : « Luận điện », xin sửa lại « Luận điệu ». Và 2 đoạn ngắn trích « Bác-sĩ Jivago », đóng khung lại, ở cột 1 và cột 2 trang này, xin đọc thêm vào những chữ thiếu in đậm :

— « Chủ nghĩa Mác-xít chỉ biểu thị một giai đoạn tạm thời trong « đời sống dân Nga **vừa là** một thứ bệnh ấu trĩ (không có dấu phết sau chữ trĩ) đáng hoảng sợ của dân tộc này, và cũng **vừa** là sự quả báo những tội ác gây bởi chế độ Nga Hoàng. »

— « Và khi chiến tranh bùng nổ, sự thật của bao cái gồm ghê của nó, sự thật của hiểm nguy mà nó khiến chúng tôi phải chịu, sự thật của chiến tranh mà nó hăm dọa chúng tôi, tất cả những thứ ấy là một điều tốt lành bên cạnh nền đồ hộ vô nhân đạo của sự tưởng tượng : chiến tranh đã đem lại cho chúng tôi một niềm an ủi bởi vì nó hạn định quyền hành của những lời nói suông. »

Thư từ, bưu phiếu và bài vở xin gửi tới :

Tòa soạn BÁCH-KHOA

160, ĐƯỜNG PHAN-ĐÌNH-PHÙNG, 160

— SAIGON —

HÃY ĐÓN ĐỌC :

« NHÂN-LOẠI »

- ★ Tập san khảo cứu và văn nghệ.
- ★ Cơ quan phát huy văn hóa dân tộc.
- ★ Nơi tập trung những học giả, văn nhân, thi sĩ, ký giả có uy tín.

— Nguyễn - Đăng - Thục, Vương - Hồng - Sền, Nguyễn - Văn - Đỉnh, Bình-Nguyên-Lộc, Tam-Ích, Thiên-Giang, Hoàng-Thu-Đông, Nguyễn-Thành-Châu, Phạm-Kim-Tương, Thăm-Thệ-Hà, Nguyễn-Ngu-Í, Lưu-Nghi, Ngọc-Sơn, Sơn-Nam, Giang-Tân, Kiêm-Minh, Kiên-Giang, Đăng-Nhâm, Cac-Hữu-Huân, Khổng-Nghị, Hà-Liên-Tử, Nguyễn-Chánh-Sắt, Phong-Sơn, Ngọc-Linh...

Tòa soạn và Ty Quản lý :

316, Bến Chương-Dương — SÀIGÒN



Thư từ, bưu phiếu, bài vở, xin gửi về :

Ô. HUỲNH-VĂN-LỢI Quản lý báo « NHÂN-LOẠI »

Đón đọc : **SINH - LỰC TUẦN BÁO**

**Nơi tập trung của các cây bút tên tuổi
Bộ mới phát hành thứ năm mỗi tuần**

Các bạn sẽ lần lượt đọc các sáng tác phẩm của :

- | | | |
|-------------------|---------------------|-------------------|
| — Bình-Nguyên-Lộc | — Lương-Minh-Đức | — Thanh-Tâm-Tuyền |
| — Ché-Vũ | — Lan-Đình | — Tạ-Ký |
| — Doãn-Quốc-Sỹ | — Mạc-Lý-Châu | — Tạ-Quang-Khôi |
| — Duy-Thanh | — Mai-Thảo | — Thần-Đấng |
| — Đình-Hùng | — Minh-Hải | — Trần-Đình-Bồng |
| — Đỗ-Tấn | — Minh-Đặng-Khánh | — Thái-Hoàng-Thơ |
| — Diên-Nghị | — Nguyên-Sa | — Tô-Mặc-Giang |
| — Duy-Năng | — Nguyễn-Văn-Trung | — Thái-Văn-Kiểm |
| — Giao-Thanh | — Nguyễn-Ngu-Í | — Thiên-Giang |
| — Giản-Chi | — Nguyễn-Kiên-Trung | — Trần-Thanh-Hiệp |
| — Hoàng-Ngọc-Liên | — Nguyễn-Thiệu-Lâu | — Trần-Thái-Chân |
| — Huy-Sơn | — Nguyễn-Tử-Quang | — Cô Thoại-Nguyên |
| — Hoài-Chiên | — Phạm-Đình-Khiêm | — Văn-Thế-Bảo |
| — Hoài-Khanh | — Phạm-Đình-Tân | — Văn-Quang |
| — Hoài-Yến | — Phạm-Văn-Sơn | — Bà Văn-Trang |
| — Hồ-Nam | — Phan-Lạc-Tiếp | — Vũ-Hạnh |
| — Cô Hợp-Phổ | — Phan-Lạc-Tuyên | — Vi-Bằng |
| — Huy-Quang | — Thái-Thủy | — Võ-Phiến |
| — Kiêm-Đạt | — Toàn-Phong | — Vũ-Hoàng-Chương |
| — Kiêm-Minh | — Trần-Đỗ | |
| — Lưu-Kiểm | — Thanh-Nam | |
| — Lý-Hoàng-Phong | — Thái-Tuấn | |

*Bìa của Tạ-Tỵ,
Ngọc-Dũng minh họa*



- Với sự cộng tác thường xuyên của Ban Văn - Thơ TAO-ĐÀN Đài Phát Thanh Sài Gòn.
- Mỗi tuần các nhạc sĩ tên tuổi sẽ hiến đọc giả một bản nhạc mới nhất.

CHÚ Ý

TÒA SOẠN BÁCH-KHOA ĐỔI ĐỊA CHỈ

Chúng tôi đã dời tòa soạn Bách-Khoa từ ngày 1-9-1958, lại **160, Phan-dình-Phùng Saigon** hộp thư số 339.

Vậy yêu cầu các bạn có bài vở hoặc các độc giả có thư từ, bưu phiếu muốn liên lạc với tòa báo xin gửi tới địa chỉ nói trên.

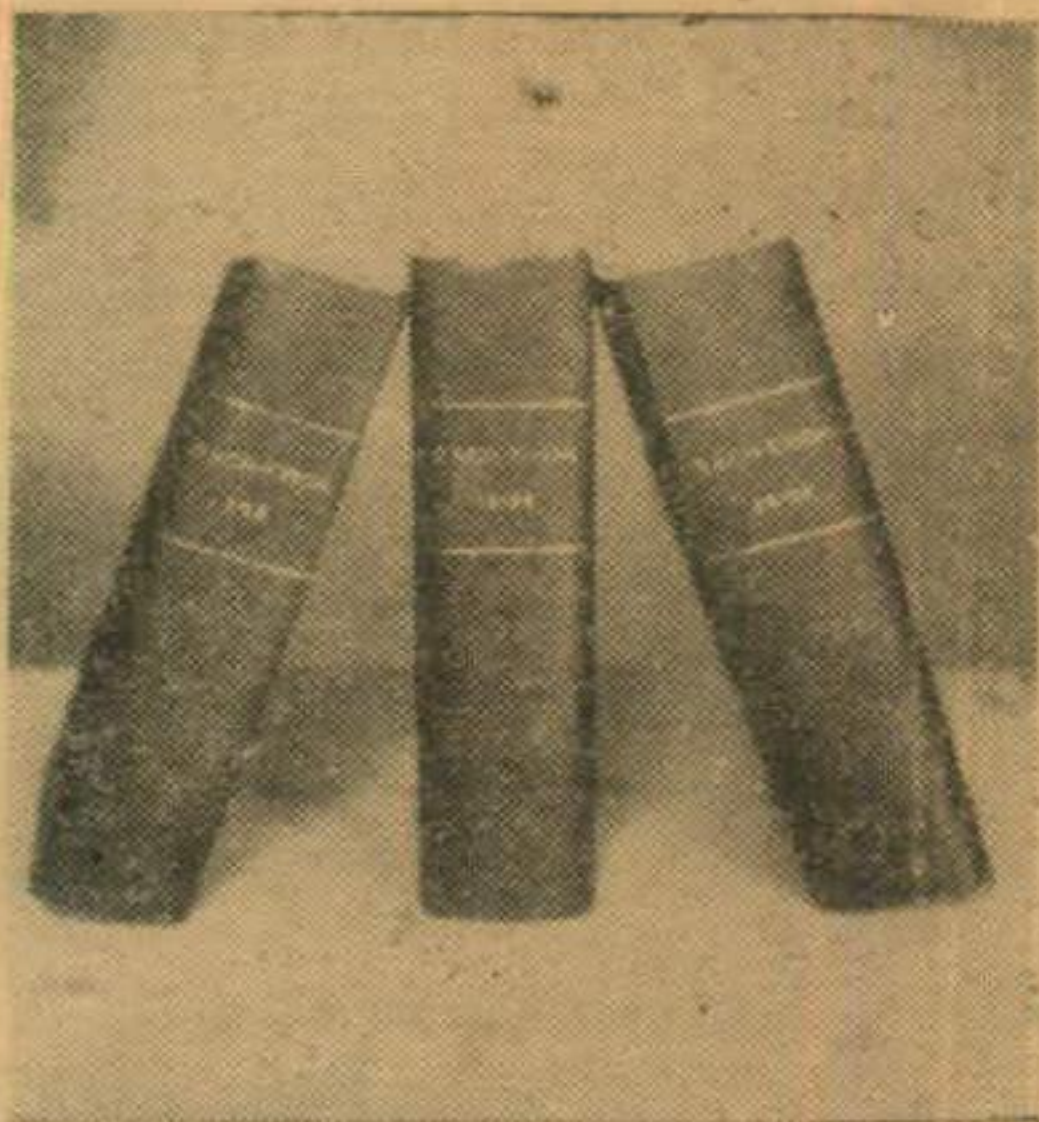
B. K.

BÁCH KHOA ĐÓNG THÀNH TẬP

— Bách-Khoa đã đóng thành từng tập 12 số, bìa dày (carton) gáy chữ vàng, rất mỹ thuật, giá phổ thông mỗi tập 105\$. Tập I : từ số 1 đến 12, Tập II : từ số 13 đến 24, Tập III : từ số 25 đến 36.

Ở xa xin gửi thêm cước phí bảo đảm 45\$ ba tập.

Số sách đóng thành tập có hạn, xin gửi mua ngay kẻo hết.



★ **MỘT BỘ SÁCH QUÝ
TRONG TỦ SÁCH
GIA ĐÌNH.**

★ **MỘT TẶNG PHẨM
TRANG NHÀ.**

— Bách-Khoa đã in xong tập « Mục lục theo bộ môn » của Bách-Khoa từ số 1 đến số 24. Vậy những bạn nào mua Bách-Khoa dài hạn hoặc đã mua toàn tập Bách-Khoa, muốn có thêm tập « Mục lục » đó xin biên thư ngay về Tòa soạn Bách-Khoa, kèm theo tem (cò) 0\$50, chúng tôi sẽ gửi đến biểu các bạn.

Compagnie Générale de Commerce (L. RONDON & C^o LTD)

30-32, Đường Pasteur
— SAIGON —

Tél. : 21.081/82

B.P. 318



Son service

MATÉRIEL AGRICOLE, GÉNIE CIVIL et INDUSTRIEL

FIAT	Tracteurs à Chenilles et à Roues	LETOURNEAU	Engins de terrassement
SEVITA	Matériel agricole	KOEHRING	Matériel T.P.
RUSTON & HORNSBY	Moteurs verticaux et horizontaux	GRAY MARINE	Moteurs marins
DOG-IRAT	Moteurs industriels	BERGEAUD	Concasseurs fixes et mobiles
ALBARET	Rouleaux compresseurs	LE ROI	Compresseurs
LEON HURE	Fraiseuses	CULLIER	Perçuses
		BERNADOU	
MULLER et PESANT Tours à métaux et à bois			



Son service

IMPORTATION GÉNÉRALE

MARTELL	Cognac	BARDINET	Rhum NEGRITA
GRANTS	Whisky (Scotch)	FERREIRA'S	Porto
NEGRITA	Rhum	SEAGRAM'S	Gin
BOLLINGER	Champagne	SEAGRAM'S	Whiskk V.O. (Canadian)
NOILLY PRAT	Vermouth	FOUR ROSES	Bourbon



COTY	Parfumerie	GOUVY	Houes
OREAL	Produits capillaires	PROUVOST	Laine «les Deux Béliers»
CHIRIS	{ Huiles essentielles Essences synthétiques	VILLARDERE	Tondeuses { AVENIR ETOILE

J. THIRIEZ PÈRE & FILS & CARTIER BRESSON :
Fil à Coudre, à Broder et à Tricoter



DISTRIBUTEUR GÉNÉRAL

de la Manufacture Indochinoise de Tabac et Cigarettes (MITAC
« MÉLIA »

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE
POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

135, Đại-lộ NGUYỄN-HUỆ

(ex Charnier)

Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)

22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom

(Ex Doudart de Lagrée)

Téléphone : 385 et 543

B. P. 122

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim


Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2


Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)


Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac


*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*


Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

MÁY ĐÁNH CHỮ ĐỀ BÀN GIẤY VÀ XÁCH TAY
HIỆU « HERMÈS »



ĐÃ RẺ LẠI TỐT — BÁN SẪU VÀ LẺ
Tại NHÀ IN I.N.D.E.O
(IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT)
SỐ 1, ĐƯỜNG NGUYỄN-SIÊU — SAIGON
Điện Thoại Số 20.821

Thuốc thơm
hảo hạng

Crown King

CIGARETTES

LAIP. 56

THE BANK OF EAST ASIA, LTD (*DONG-A NGAN-HANG*)

Agence de Saigon : 6, Đường Võ-Di-Nguy
Téléphone : 20.565 — 20.566 — Ad. Télégr. : Bankeasia
Siège Social : No 10, Des Voeux Road Central, Hongkong

TOUTES OPERATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

Agences et Correspondant dans toutes les grandes villes du Monde

COFFRES - FORTS A LOUER

(Avec Conditionneur d'air)

Hãy Mua Phân Thần-Nông



sẽ được kết quả tốt đẹp
với phân **THẦN-NÔNG**

Quý Ngài sẽ được nhiều lợi

Bán tại hãg

LOUIS OGILIASTRO & C^{ie} S.A.R.L.

50, Bến Chương-Dương — SAIGON



Công-Ty Độc-Quyền ở Việt-Nam

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ: 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE.

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

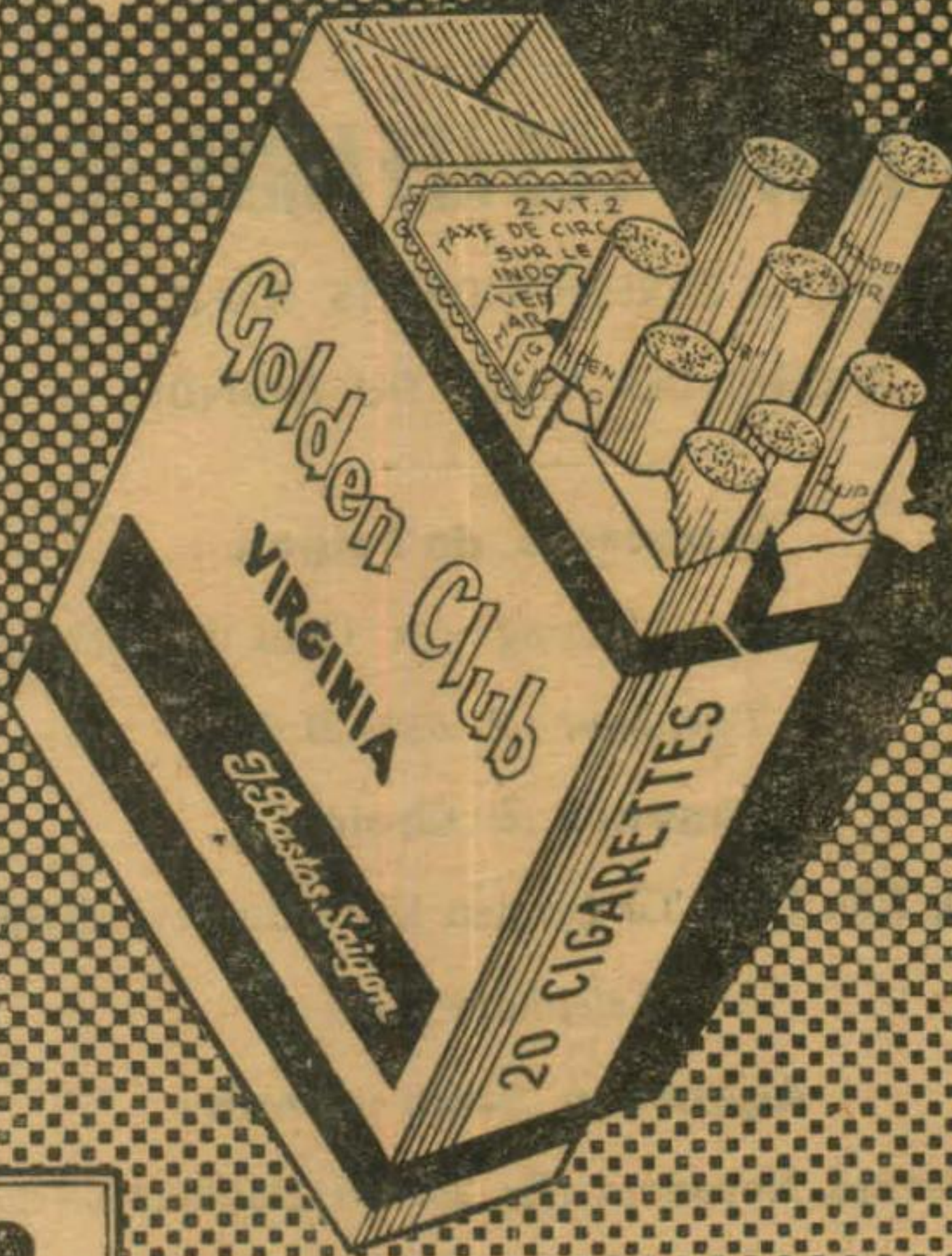
Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

Golden Club



Một gói thuốc Thơm thượng hảo hạng

VIENTIANE SAIGON VIENTIANE
QUADRI-MOTEUR

BOEING STRATOLINER

DIMANCHE — VOL DIRECT

MARDI — JEUDI — VENDREDI — Via PAKSE & SENO

91010101 AIR LAOS



VIENTIANE

BANGKOK	HONGKONG
PHNOMPENH	SIEMREAP
PHONGSAVANH	LUANGPRABANG
LUONGNAMTHA	MUONGSING
THAKHEK	SAMNEUA

AIRLAOS

Renseignements & Reservations

65, Rue Lê-Thanh-Tôn -:- SAIGON

Tél. 22102 et Cardé 34



BLUE BIRD

Dùng Hộp Quẹt là
phụng-sự nên kinh-tế Quốc-Gia

Sté Indochinoise Forestière
et des Allumettes
(SIFA)

346, Bến Vân-Đồn

Đ. Thoại 21.950

Đ. Tín Forestière

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 — Cardi 55

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 904

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hã*ng* Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có t*ủ* bảo hiểm cho thuê, mỗi t*ủ* tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions**

Capital : 1 Milliard de Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers**

Capital : 1 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 105.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance France Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 105.000.000 Frs.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

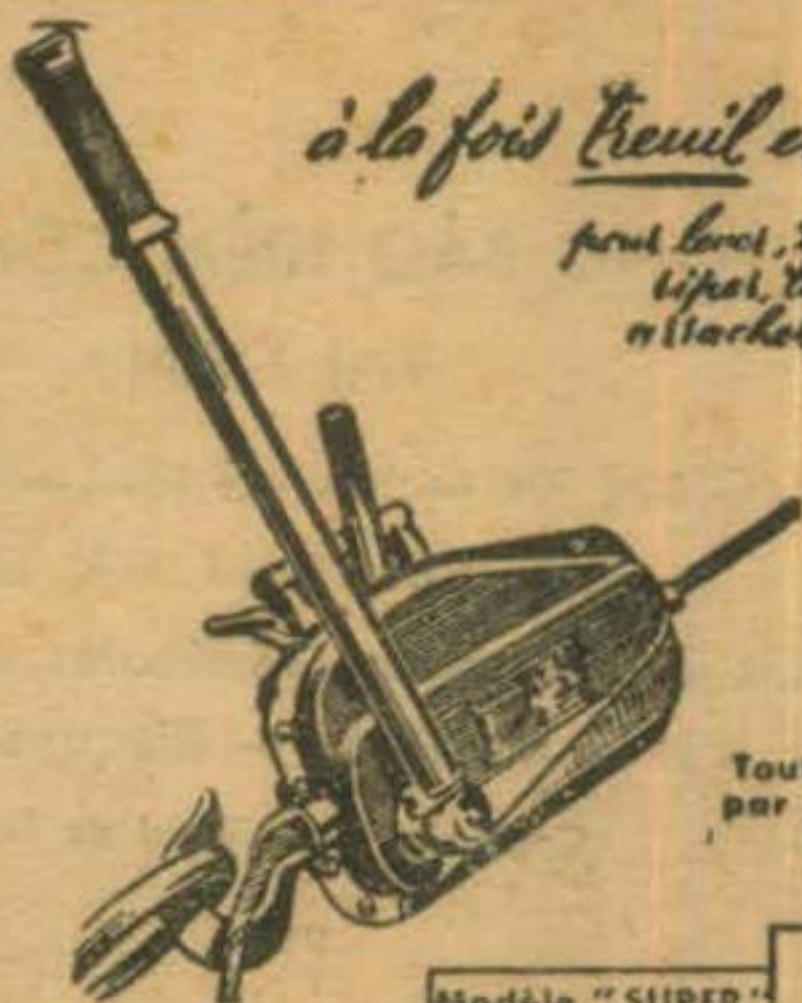
26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

- DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -

- DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -

- DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -



à la fois treuil et palan!

*pour levée, tirée
légère, tendue
attachée et...*

Toutes forces
par mouffage
facile

Modèle "SUPER"
(Universel)
Force : 1.500 kgs
Poids : 18 kgs



Modèle "MINES"
(Travaux sautés)
Forces : 1500 et 3000 kgs
Poids : 18 et 21 kgs

*Tirfor rend
1000 services!*
Demandez-nous la
brochure

6
avantages du
TIRFOR
(Breveté)

- 1) Portatif.
- 2) Mise en batterie rapide.
- 3) Course de câble illimitée.
- 4) Toutes orientations et positions.
- 5) Précision millimétrique de manœuvre.
- 6) Sécurité : organes essentiels doublés

Denis Frères

Số 4 đường Tự-do Sài Gòn — Đại lý độc quyền tại Việt-Nam

- DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -

J.M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C^o

Import — Export



REPRÉSENTATION



Téléphone : 21.219

Ad. tél. : JASMIN

175 - 179, đường Tự-Do — SAIGON

CIGARETTES

MÉLIA



HOẠT ĐỘNG CH

MITAC

BÁCH-KHOA TẠP CHÍ